

HIẾU CỎ ĐẶC SAN

Vương-hồng-Sên

PHONG-LƯU CŨ MỚI

- Thú nuôi chim
- Thú đá gà
- Thú đá cá thia-thia
- Thú chơi dế mèn, cóc, cống...
- *(Có thêm bài luận về chim phụng-hoàng, ve-ve, bọ-hung...)*



Số 1

Tháng 6-1970

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU
P.O. Box 97 Los Alamitos CA 90720
July 1989

PHI LỘ

Những bài nhỏ này trước đây tôi không định in thành tập. Viết vào khoảng 1 58-1961, khi ấy tôi còn làm việc ở Viện bảo tàng Sài-Gòn, nên tôi nhớ Ba tôi mà gởi bài về Sóc-trăng cho Ba tôi đọc chơi, cũng một dịp tôi gỡ tôi lúc nhỏ sao quá ham chơi gà, đá cá. Sau đó, tôi lại cho đăng vào:

- Tập Bách-Khoa, tháng 7 năm 1958: Thú nuôi chim,
- Tạp san Mai, tháng 5 năm 1951: Thú chơi gà.

Thời gian trôi qua, tôi đã không dám nhìn đó là « văn của mình ưng bụng » và trước sau vẫn xem chẳng hơn mấy trang viết chơi đánh dấu chút gì thoáng qua không trở lại của buổi xuân thời... Vì vậy mà tôi không vội in.

Hầu tháng này, trong sân nhà, có nhánh lan còi đeo gốc xoài, bỗng nhiên nảy một giò hoa tím lạ. Hỏi lan gì? Có người biết, bảo: « Sắp phát tài, lan báo hỷ đấy ».

Và trên đường bèo nước, tôi đã gặp một Người. Ông đọc những bài trên đây và khuyên tôi rán đi đến việc xuất bản. Chẳng những ông khuyên khích lần này, ông lại căn dặn làm sao có một đặc san, tuần tự in tiếp những bài cũ mới của tôi, nhất là rán sao nói với các anh em tôi quen biết, trao tác phẩm để lựa lại cùng in thành sách.

Nghe thì ham thật. Nhưng cũng ái ngại phần nào. Từ về vườn năm 1964, tôi sống chật vật với chiếc lương hưu tri hăm hiu, lờ khóc lờ cười. Thuế đòi cấp bách, nhà từ năm Mậu-thàn, nóc dột tưới hột sen, năm ngoài vợ đau vô mỗ nằm nhà thương thi... Mỗi lần như vậy, đồ sưu tập thân yếu, tự nhiên không chọn cặng mà biết đi... Hay được, ông cháu may, càng hỏi thúc tôi mau ra sách. Thôi thì ba bầy

cũng liền. Tuy vậy, lòng khắp khỏi lo sợ : buổi gạo cao bạc thấp, tuy thấp mà mò không ra, số mạng loại sách như của tôi biết sẽ ra sao? Nhưng nếu tập số I này không gầy số, tôi sẽ in tiếp :

— Tập II : Thú xem truyện Tàu và tìm hiểu cái hay trong truyện Tàu. Trong tập, tôi sẽ lựa những chuyện hay đã kích thích tôi chọn con đường sưu tập cổ ngoạn. Thừa dịp đó, tôi sẽ dọn đường cho những bạn đọc sách tôi sẽ ghiền đồ cổ, như tôi.

— Tập III : Thú chơi cờ ngoạn. Tập này sẽ nói sâu thêm vấn đề chơi đồ cổ, đề thấy rõ nếu biết chơi và khéo tìm hiểu, thì đây là một nghệ thuật hơn là một thú tiêu khiển tầm thường.

Khi đã dự bị, và trái đã chín muồi, tôi sẽ xuất bản :

— Tập IV : Khảo về thú chơi âm chén và nghệ thuật biết sành về đồ gốm, đồ sành, đồ kiêu và đồ sứ cổ. Tập này sẽ có đủ số trường, số đoạn một đời tôi. Tôi sẽ kể rõ những gì tôi đã làm, những gì tôi sở đắc, bao nhiêu điều học hỏi của tôi thu lượm trên những bộ chén trà, đĩa xư, lộc bình cổ đã sưu tập bấy lâu. Có nhiều câu văn nôm tuyệt tác, viết trên sứ cổ, gọi « đồ da trắng men lam Huế » thuở nay tôi chưa gặp trên sử sách cổ kim.

— Tập V : Hơn nửa đời Hư ? Đây là tập hồi ký và tâm sự của một kẻ si mê đồ sứ cổ. Tôi sẽ cho thấy những gì thắc mắc của nhà sưu tập. Chơi và nghiên đồ sứ cổ là nên hay hư, có ích hay có hại ?

In được bao nhiêu đó là ngoài sức tưởng tượng của tôi. Không dám mong nhiều. Con cá sống nhờ nước. Cuốn sách sống nhờ có người mua. Trên đường xuất bản, vái cho gặp toàn những bạn tốt của sách, dám mua lấy, sắm lấy mà đọc.

Cần tự

Văn Đường Phủ, ba ngày trước lễ Thanh Minh

(26 tháng 2 Canh-Tuất)

(2-4-1970)

V. H. S.

TỰ NGÓN

Tôi bình sanh thích những gì đẹp : giò lan hàm tiếu, đoá hoa mãn khai. Một cuốn sách đóng bìa khéo dù làm tôi vui cũng như trên sân quần vợt, tôi lại thích những đường banh tuyệt vời, không đỡ gạt nổi. Càng thêm tuổi, tôi chuyên tâm về thẩm mỹ và văn hóa. Tôi trồng lan và nghiên cứu về lan, nhưng chỉ trồng chơi trong sân nhà, âm thầm ngắm nghía, sắm soi lấy mình. Cu Tú Hải-Văn viết và Nguyễn Tuấn nhắc lại trong Vang Bóng Một Thời, chuyện những chiếc ấm đất :

« Họ lịch sự như tiên, phú quý như trời,
quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu ;
« Ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất,
gọi hè đồng pha nước trước hiên mai. »

Tôi thấy rất hay, nhưng thăm hỏi : đời nay dễ gì « quất con ngựa rong chơi ! Ngoài ngõ chẳng là tấp nập nhiều xe trên mười bánh ! Cũng không thể « Gọi hè đồng pha nước » ! Đời bình dân, tự mình pha nước chắc ăn hơn. Hoa chẳng cỏ thì ai trồng cũng được, gặp cỏ lan « vương giả chỉ hương » thì càng quý.

Ngẫu nhiên tôi gặp Anh Vương. Anh dắt đường tôi biết thêm nghệ thuật chơi đồ cổ, giúp tôi quên nhiều những éo le hiện tại.

Một hôm, Anh Vương trao cho tôi đọc bản thảo tập « Phong lưu cũ, mới ». Tôi muốn giúp Anh trong việc ấn hành.

Tôi lại ước ao Anh Vương tìm cho tôi những bản thảo cùng một loại đề xuất bản cùng một thể. Tôi muốn thực hành những gì Anh Vương đã bàn trong bài « Phi lộ » trên đây. Chúng tôi muốn làm thể nào để có một tạp chí hay tạp san, sẽ lấy nhan, tựa như « *Hiếu cổ tùng thư* » hoặc « *Hiếu cổ đặc san* » trong ấy sẽ in thành tập riêng :

— Khảo về văn minh ba miền : nguần gốc, văn hóa, nghệ thuật...

— Tìm hiểu những phong tục tập quán xưa, sưu tập và ghi chép lại đầy đủ những thú phong lưu cổ thời, đại loại như chơi cờ ngoạn, chơi sách, chơi cờ đồ, phép đánh đầu hồ, phép đi săn bắn, thú chơi tem, chơi tranh, chơi lan, chơi chữ ký, chơi kiềng gộc hay kiềng lá, trồng xương rồng, gắn hôn non bộ... bao nhiêu ấy và còn nữa, gộp chung lại dưới danh từ : « *Thú chơi đồ cổ* ».

— Sưu tầm, sao lục các sách hay ngoài Bắc và Trung Nam, sưu tập những tuồng hát bội Huế, Bình-Định và Sài-Gòn, tìm và in lại những tác phẩm của các nhà xuất bản có danh lớp trước : Xuân lan, Mạc đình Tự, Bạch Thái Bưởi, Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh (Hà-nội), Đào Duy Anh, Ngô Đê Mân (Huế), Phát Toán, Nguyễn văn Cửa, J. Viêt (Sài-Gòn), những áng văn hay đã trên 50 năm của thời đại Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, v.v. gộp lại làm một bộ môn gọi « *Thú chơi sách* ».

Ban đầu chưa chuẩn bị kịp, thử in hoặc hai tháng hoặc ba tháng làm một tập nhỏ nhỏ, sau này có đà có thể, sẽ ra đều đều mỗi tháng một tập cùng một đề tài. Các tập ấy sau sẽ đóng lại làm một bộ hằng năm hay hằng sáu tháng một, để đi lần đến việc trở nên tạp kỷ yếu của một cơ quan chuyên rông việc bảo tồn quốc túy, và lấy tên chỉ là « hiếu cổ ».

Cho hay việc muốn làm có khác với việc sẽ làm được. Và việc sẽ làm được, thành công cũng chẳng, còn tùy nơi sức nhiều người hiệp lại. Nếu đã cùng chung chí hướng, cùng chung hoài bão, kể công người của thì lo gì việc không thành ?

Để sớm bắt tay vào việc, tôi mạo muội viết bài Tự Ngôn này kính gửi quý vị học giả và văn nhân, xin vui lòng hưởng ứng. Thơ từ và bài vở, tác phẩm xin gửi ngay ban Quản trị tạp san « Hiếu cổ » hiện đặt trụ sở tại số 112, đường Trần Hưng Đạo, Sài-Gòn.

Sài-Gòn, ngày 14 tháng 4 năm 1970.

Cần tự,

CỔ TRUNG NGUYÊN

Dẫn

Khoan vội vào đề, và xin hãy cùng tôi tra cứu về danh từ *PHONG LƯU* trước đã.

Hán Việt từ điển ĐÀO DUY ANH ghi:

PHONG LƯU: Cái đực tốt như ngọn gió chỗ này bay đến chỗ khác, như dòng nước nơi nọ chảy đến nơi kia.

Tỷ dụ: *LƯU PHONG DU VẠN*.

— Dáng dấp và thái độ cũng gọi *PHONG LƯU*.

— Phẩm cách của con người.

— Cái tinh thần riêng.

— Ngày nay thường gọi người hay chơi bời đã thỏa là *PHONG LƯU*.

Tuy rõ rệt, nhưng các nghĩa ấy, chưa ai bằng lòng. Hãy tra bộ *Từ điển Khai Trí Tiến Đức*:

PHONG LƯU. — Thái độ nhàn nhã: *tinh người phong lưu*.

— Đủ ăn tiêu không phải phiền lụy gì.

Tỷ dụ: *nhà ấy độ này đã phong lưu*.

— Ăn chơi hoa nguyệt: *Bình-khang là chốn phong lưu*.

Cắt nghĩa như thế đã thấu đáo đến nơi đến chốn. Nhưng dường như thầy đều chưa bằng bụng. Khảo qua bộ *ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ* của nhà liên bối trong Nam, cụ Huỳnh Tịnh CỬA, thấy vốn vẹn một hàng:

PHONG LƯU. — Thong thả vô sự; cuộc ăn chơi.

Đến đây, cũng chưa thỏa mãn. Bèn nhờ từ điển ĐÀO VĂN TẬP :

PHONG LƯU.— Chơi bời hoa nguyệt. Tỷ dụ :

« Phong lưu là cạm trên đời,

« Hồng nhan đánh bả con người tài hoa. (câu hát xưa)

— Sống nhàn hạ, đủ ăn đủ tiêu, không phải vay mượn ai.

Tỷ dụ : sống phong lưu.

Rốt lại, đành xếp các bộ sách thầy, và tam mượn nghĩa của bộ Khai Trí Tiến Đức :

PHONG LƯU: Thái độ nhàn nhã.

Dựa theo đó, những thú phong lưu, tức là những thú tiêu khiển để giết thì giờ trong những cơn rỗi rảnh nhàn hạ.

* *

Riêng tôi, từ ngày thất thế, từ năm 1947, xứ nhà, tỉnh nhà là Sóc-trăng không ở được, và phải bỏ chạy lên đây rồi ở luôn Sài-gòn, ngon cơm ngọt canh từ thuở. Phong trần lê gót, từng ở đầu nhà quen, ngủ tiệm hút, những thú vui không đắt tiền, những phở ngon, củ tiếu giòn đều có nếm... CÀM, KỶ, THI, HOA, là phong lưu cũ. Bốn món đều không hay, nay tuổi già, nếu mãi đờn bản « kéo xe kéo bó » thì tốt hơn nên xoay qua thú khác. Bụng vẫn đói, muốn quên việc đời, muốn có kế nuôi thân, đành học thêm những « thú phong lưu mới ».

Kề từ ấy, đi sâu thêm vào :

— thú chơi cờ ngoạn,

— thú chơi sách,

— thú nghe hát bội, đánh chầu, tìm hiểu câu văn,

— thú xem truyện Tàu và hiểu các điển tích xưa nay.

Lại cũng chấp chững :

— thú chơi non bộ và uốn kiềng,

— thú chơi ẩm chén và nghệ thuật uống trà,

— thú nuôi chim...

Đã chán phê thú hay nạn thức khuya nuôi gà nòi, hoặc quần cá thia thia đá độ.

Nay không ngại chê khen, rần viết nhắc lại vài thú đã từng nếm trải, ước mong các tay lão luyện không giấu nghề, chỉ biểu thêm. Không học được thầy, thì học với bạn, không xấu.

Chơi đồ cờ ngoạn, không khác làm cái việc tìm hoa, vớt hoa rơi dưới mương rãnh.

Chơi sách cũ, không khác việc chuộc các Kiều nương đang mắc nạn.

Nhưng đồ xưa, sách vở, đọc mãi, sưu tập mãi cũng chán. Bước thêm bước nữa, tìm hiểu những gì cổ nhân đã gọi : « nghề chơi cũng lắm công phu ».

Chư qui vị, nếu không ngã lòng, hãy cùng tôi nhàn chút giờ dư, trở lại những phong lưu cũ mới.

Cần tạ,
V. H. S.

Bàn về những thú vui chơi của người xưa

Tạp chí *NAM PHONG* số 91, tháng tư d.l. 1925, có đăng một bài khá dài, từ trang 365 đến 377 của cụ *TÙNG VÁN*, luận về « cuộc vui chơi hàng ngày của hạng người thượng lưu trí thức ».

Tựa hấp dẫn, chứa nhiều hứa hẹn... Nhưng khi đọc, tôi không được thỏa mãn mấy. Nhà tác giả nhóm *NAM PHONG* vẫn không dám động đến những thú vui cổ thời của nhóm hậu sanh như tôi tìm hiểu, như thả diều, thả thuyền, đánh vạ ó, chơi đu bầu, là thú vui của hạng bình dân, hoặc như đánh đu tiên, đánh đầu hồ, bắn giàng đạn ốc xa cừ, phóng lao, săn bắn, cỡi ngựa, vầu vầu, là thú vui của hạng dư ăn dư để. Ngày nay nhắc lại các thú ấy, chúng tôi lấy làm mơ hồ; người thông thạo từng chơi, cũng quên hầu hết. Tập hát tập đờn làm chi, vì đã có đĩa hát, máy radio, máy truyền hình truyền thanh thay thế. Đi cầu cũng sẵn cầu cầu máy. Xuống tam bản là xả máy chạy vo, cần gì chèo chổng... Nhắc lại, trong bài khảo cứu của cụ *TÙNG VÁN*, vẫn không thấy tả thể cách, hình dáng từng món chơi của thời đại đã qua, và cũng không dạy cho biết điều gì, chỉ luận suông ngót trên mười trang các thú vui chơi của hạng sĩ phu thời ấy.

Theo tác giả, phạm nói đến thượng lưu là chỉ nên bàn qua *phẩm cách con người*, không nên nói về *các phái người*...

Vì thế, tác giả không đá động đến giới nông, công, thương. Và chẳng trong ba giới này, nếu có người lỗi lạc, hay giỏi thì đã được liệt vào hạng thượng lưu nói chung kia rồi, và chỉ vì trong giới sĩ phu mới gồm nhiều thượng lưu hơn cả, nên toàn bài tác giả chỉ luận về sĩ phu mà thôi.

Nếu cho phép tôi tóm tắt bài của báo *NAM PHONG* đã đăng, thì đại lược bài ấy như vậy :

« Từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, văn minh nước Việt còn thuộc về cái *văn minh thuần nhất*, chỉ nhìn nhận một khoa cổ học thuộc về văn chương, thuộc về luân lý; chỉ có hai môn ấy là trọng, ngoài ra các nghề khác đều là *mạt nghệ* đáng khinh.

Khi nào học văn kém quá, khi ấy mới quay về nghề võ.

Đối với sự học, người dân lớp xưa luôn luôn có chí cao thượng, đời đời muốn nổi đời *sĩ khí, nho phong*. Những nhà đi học xem đó là đích chánh, truyền tử lưu tôn, ít khi dễ gián đoạn: *nền nếp đại gia* không bỏ, và thường rất trọng ba chữ: « *kể thư hương* ». Con nhà đi học nổi nghiệp ông cha, giữ được *nền trung hiếu*, thế là *hiên thảo*, chứ không tất cần lấy đại phú đại quý, hoặc giả tham lam vô sĩ, mà mang tội với sử xanh.

Ngày xưa không biết gì là công hội, công quán, câu lạc bộ. Hàng ngày, anh em đi lại chơi với nhau, bất kỳ nhóm ít hay đông người, thường mời nhau ở lại để chờ trăng lên làm thú, rồi như bóng trăng đưa nhau về một đôi đường làm nhả, hoặc cùng ngồi trong cửa sổ đốt trầm đốt nến, cùng nhau dưới đèn dưới hương nói chuyện mưa nắng ẩm lạnh, mùa màng. Người tỉnh nọ sang chơi tỉnh kia, người làng này qua chơi làng khác, hỏi thăm nhau hoa mai nở chưa, cùng là lặng nhau bụi cục giờ lan là thường sự. Gặp nhau như vậy, điếu thuốc bứt vặt, chén

trà hoặc tô nước lã nóng suông, thêm nữa là vài miếng trầu, rồi chia tay nhau, hứng lắm là đôi chung rượu làm duyên, chớ không tưu hào thịnh soạn dầy dứa bất tận như nay hằng thấy.

Gặp nhau như vậy thường lấy chuyện trong sách trong kinh làm đầu đề: chuyện Tây Thai, Thúy Kiều, chuyện gái dung nhan nghiêng nước nghiêng thành, gái tỷ bà, thi Xuân Hương, tích Mỹ Châu, Mỹ Ê,... Nghe nói chuyện đủ no người, ngồi cười thôi cũng ấm bụng! Hết tán chuyện đến tán thi, từ thi chữ qua thơ nôm đủ lối. Ngoài cuộc vui chơi hàng ngày như vậy, nên kể bốn thú đại khái của nhà Nho là :

— *Thứ nhất, cuộc tiêu khiển như đố thơ* (nên so sánh với *exercices de vocabulaire* của Tây học). Đem những tập thơ lạ lùng ít người biết, trích ra một câu; trong câu ấy giấu nhem đi một chữ. Lại đặt bốn năm chữ khác, xáo trộn chung với chữ chính rút trong nguyên câu, rồi treo giải thưởng, thử thách, đố ai kiếm được chữ trong chính nguyên câu thì thưởng quà hoặc một món tiền tương trưng. (Trong « *VANG BÓNG MỘT THỜI* », Nguyễn Tuân viết hai chuyện đố đáo, điển hình thú chơi này là « *THẢ THƠ* » và « *ĐÁNH THƠ* ») (1). Một đôi khi pha thêm nghề đàn, nghề cờ, nhưng bao giờ cổ nhân cũng không biết trọng hai nghệ thuật này, và thường xem *dán, kỳ* là những lối chơi có hại, không nên mê một vì nó.

Chú thích : (1) « Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ thất ngôn mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ lư để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chú lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: « *Quân hương Tiêu Tương, ngũ hương Tần* », đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ « *Hương* » ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này « *Quân hương Tiêu Tương, ngã... Tần* » Và khi ngâm câu thất

Thứ hai là cuộc phụ tiên. — Nhiều người đọc, ngâm những thơ Lý, Đỗ, đề luyện đồng. Đồng-tử là người cầm bút bằng cây đào, chờ khi hồn tiên nhập xác thì đồng tử vạch bút xuống mâm gạo, mâm cát: « hạ bút thành chương ». . . Lắm khi cũng có chuyện huyền hoặc giả dối, nhưng cũng lắm khi nhận được nhiều bài thi khá xuất sắc đến nay còn truyền tụng. Càng gần khoa thi, các cuộc phụ tiên càng thịnh. Đây cũng là một lối chơi thơ, chú trọng về nghệ thuật hơn là cầu lợi (Vào khoảng năm 1925, tại Sài-

ngòn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm « *Quân hương Tiêu Tương, ngũ (vòng) Tân* ». Chữ (vòng) đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ « thả ». Thi dụ, thầy thả năm chữ: « *cổ, tại, vọng, phần* » và luôn cả cái chữ « *hương* » — trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi. Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Bây giờ trên mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ *phần*. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn để bỏ cái khoảng viết mấy chữ « *quân hương Tiêu Tương, ngũ... Tân* », với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ *cổ, tại, vọng, phần, hương*, em chọn lấy chữ *phần* mà đánh mà làm thành ra câu: *Quân hương Tiêu Tương, ngũ phần Tân*, thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thi được ăn thành ba tiền. . .

(Trích *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân, bản Thời Đại (Hà Nội 1943, tr. 68).

Một lý dụ khác... Nguyên hôm ấy, lão Phó sứ cho thả năm chữ: « *cầm, thử, đan, thiếp, sầu* », trong một câu thơ mà lão vòng chữ đầu, « (vòng) *tâm duy hữu dạ dưng tri* » kẻ cũng khó đánh đấy chứ. « *Ngon đèn dầu ban đêm soi tỏ biết cho tâm lòng gì?* » Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sầu? Phần vân lạ. Bỗng tôi thấy mẹ Mộng Liên ngồi cạnh, nện chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ « *Cầm* » rồi mẹ thành thốt bầm khê mấy tiếng đan nguyệt. Tôi đánh ngay chữ « *cầm* » và hôm ấy tôi đặt hai chục được sáu chục (VBMT, tr. 82, 83).

Thả thơ còn có *cách đánh chữ chân* là câu thơ bảy chữ; đem vòng chữ thứ bảy cho lạng đánh thì gọi đánh chữ chân (VBMT tr. 90). (xin xem VBMT, còn nhiều đoạn hay lắm, không trình ra hết được). Các bản đã có: Tân Dân 1940, Thời Đại 1943, Đắc Lộ Thư Xã 1945, Trúc Khê Chính Ký 1951 và Cảo Thơ 1962.

Gòn thích chơi « xây ghé » cũng một loại như phụ tiên. Lấy cái bàn mặt tròn, chừa giữa chia ba cẳng, rồi ngồi chung quanh bàn, trên bàn có đốt một cây nhang, hai bàn tay mỗi người đều đặt lên bàn cho giáp nhau thành vòng tròn, một người đọc lên một bài kệ xây ghé rồi giảy lát bàn rung rinh, tự nhiên lấy chừa gỗ cộp cộp, giao hẹn gỗ một là A, gỗ hai là B v. v., và ráp lần thành câu có nghĩa. Đêm 25-8-1925, đàn Cầu Kho xin được hai bài như sau: Thuật thế sự. — Kỳ nhứt.

*Âm dương tỵ cách cũng trời chung,
Thấy trái nên dây mới tổ cùng.
Thất đạo thuyền xưa không á u bến,
Hau lòng học cũ chẳng về lưng.
Cúi đầu dành chịu thân trăm tuổi,
Ngược mặt ngọc trông bật chầu trùng.
Mạnh yếu há ngồi cam phải vậy
Huy chi cá chậu với chìm lồng?*

(25-8-1925 xưng tên: Thanh-Son 48 tuổi, chết, quán Long-Hồ). Qua vài ngày sau cũng trong tháng Tám, Tiên cho thêm bài này nữa:

*Chim lồng bao thuở lại non xanh,
Ngóng mắt trông voi chốn thoát mình.
Dưng nước không ai tài trượng lược,
Liều mình thiếu kẻ dùng hùng anh.
Vây thuyền chi sợ cơn dòng lũ
Hiệp chông còn hơn cuộc chiến tranh.
Thìn đa chớ Cháu về Hiệp Phố
Nỗi mình sự nghiệp mỗi tan tành.*

Hai bài thi xây ghé, từ năm 1925 mà đọc nghe như chuyện hiện tại không đủ sức và cũng không dám phê bình, nay xin chép ra đây làm tài liệu.)

— *Thứ ba là cuộc hát ả đào*, vừa để nghe giọng ngâm trong trẻo, tiếng đầu du dương, vừa để có dịp chung vui với các bạn xa nhau hay vắng mặt lâu ngày. Những bài hát

NGUYỄN CÔNG TRỨ, DUONG KHUÊ còn lưu truyền mãi với thời gian. Đại đế tiếng trống nhà Nho lấy ung dung tao nhã làm hay, không tục tằn cũng không bợm bãi.

— *Bốn là cuộc đi tắm.* — Mới nghe dường lạ tai, cho là quái gở, há chẳng thú đi tắm biển là mới có đây thôi? Kỳ thực, trong làng xưa, nơi nào có hồ trong ao sạch, có phong cảnh nên thơ, thường hẹn nhau hội bè bạn đi tắm. Tự nhiên trong lúc tắm đua nhau bơi lội, dè dặt cũng là một lối thể thao bất ngờ của cổ thời. Tắm xong bày ra đánh cờ, hoặc binh văn, nhấm chút rượu, đề bài ký. Sĩ phu phần nhiều chỉ ở bằng hữu, ở văn chương, không chỉ ở tửu nhục. Đây là thực hành câu « *dục đức táo thân* » (tửu bổ những diên dơ bản, để nuôi đức tốt trong thân).

Kể từ sau đây, Á-Âu chung đưng, văn minh thêm phức tạp nhưng tan tác ra nhiều phương diện và chưa được điều hòa...!»

* * *

Bài của cụ *TÙNG VẤN* đại khái là như thế. Không thấy kể cho ta biết tỷ dụ *thú đánh dầu hồ* ra sao, bầu gỗ để đánh đầu hồ hình dáng thước tắc như thế nào? (Năm 1955, tôi có dịp ra Huế dò có thấy bầu gỗ của đức *DỤC TÔN*, sẽ hứa tìm hiểu sau này). Lại nữa, như *phép bắn giàng* là gì? Bĩa để cách xa mấy thước? Phép bắn ra sao? Còn như thú vui bắt chim bằng nhựa gắn trên cây, chim đậu vào đó mắc nhựa, hết phương bay được, mà thú nhựa ấy làm bằng chất gì? Hoặc thú giải buồn, vò đạn đất, để trong ống đồng thổi hơi ra miệng để bắn chim, ống này dài lớn bao nhiêu? Hoặc thú dắt chó đi săn thịt trong rừng rú. (Như giống chó cù lao Phú quốc, vực cưỡi trong bộ *QUE SAIS-JE?* của Pháp vẫn khen tài danh khắp hoàn cầu, thế mà tại xứ

này giống Phú quốc vẫn bị thiệt thòi, người có bề thế vẫn nuôi chó lớn con, ăn nhiều tốt mã, *Danois*, hay *Berger Allemand* mới quý). Những cuộc vui ấy đều gát ngoài luân đề, vì đó là *thứ tiêu khiển* của hạng võ sĩ, không phải của văn nhân.

Nữa kia, quan niệm rất khác với quan niệm ta ngày nay. Xưa gọi để móng tay dài là tượng trưng của người sang cả, vì hiểu rằng người nhàn nhã phong lưu không làm động đến móng tay! (Thảo nào ngày nay, bàn tay của người Việt vẫn nhỏ xương hơn của người Âu Tây, giữa hai người Tây Nam đo bề cao bằng nhau!). Các môn thể thao, duyet võ nghệ, đánh quyền (quờn), cỡi ngựa, vận động thân thể đều là những môn không xứng đáng cho hạng nho sĩ quan tâm đến.

Bởi quan niệm của xã hội ông bà chúng ta như thế, thảo nào đàn ông Việt mắng năm học mãi đến « *dài lưng tốn vải* », còn đàn bà Việt vì nuôi chồng gánh gạo vất vả cho nên « *tiếng khóc nỉ non* ». Những cảnh giống mạnh để cho phái yếu làm việc nuôi ăn vẫn không chường mắt. (Ba bốn chục năm về trước, còn thấy trên đường Hà-nội, cảnh người võ phu lực lưỡng năm chân ình « *khỏe trâu* » trên xe tay, còn dưới đất là một người đàn bà yếu ớt cong lưng đẩy hoặc kéo đức ông chồng (« *chồng là chúa, vợ là tôi* » mà lý!))

Bởi sĩ phu trọng thuyết « *không làm động đến móng tay* » cho nên ngược lép lưng gù, ốm tong teo lại còn bảnh diện ấy đó là bộ tướng học trò, dòng giống Nho gia!

Ngày nay, ta đã thấm nhuần văn minh Âu-Mỹ, chúng ta biết luyện bắp thịt, luyện hơi thở, và khi thấy cần, cũng biết dùng võ lực, võ thể judo thay lời cho nói suông, chúng ta quen đủ các môn thể thao tân thời, nhưng thử hỏi

qua những thú vui của cổ nhân, thì riêng tôi, tôi lấy làm bối rối và mắc cỡ.

Và lại lớp người xưa để lại rất ít tài liệu... « *TANG THUONG NGẪU LỤC* » chẳng những hiếm có mà cũng hiếm người kiếm để đọc.

Lớp tiền bối cách đây không xa mấy thì cũng rất hà tiện lời nói và viết lách. Các cụ tuy không chê đẽ, nhưng vẫn không thích chép để lại... Họa chăng quyền « *VANG BÓNG MỘT THỜI* » cứ vớt đôi phần bằng vài nét chấm phá tài tình nếu không nói là độc đáo, nhưng bao nhiêu ấy dân thẩm vào đâu? (Chuyện ăn cướp luyện đờn « hát chi », chuyện lão ăn mày ghiền trà dạy tôi nhiều hơn trăm bộ sách nhảm). Thêm nữa, là cái nạn tập võ nghệ, tập đánh roi đi quờn, múa kiếm, đời Tây nó cấm, nên lu mờ rất mau.

Như vậy, muốn đi sâu vào đề, tưởng không nên đòi hỏi quá nhiều. Một bài luận dài dài thế nào, cũng không tả xiết những thú chơi thời xưa, và như vậy trách cụ TÙNG VẤN thì đặc tội lớn với cổ nhân.

Đề kết luận, nên nhớ xưa chỉ biết học một nghề vẫn là quý trọng nhất. Người học trò chỉ luyện trí nhớ cho tinh, và xem thường trí thông minh; không chịu sáng kiến và tuyệt nhiên không biết trọng dụng môn thể thao.

Phương pháp tân thời thì tập luyện gân cốt cho nở nang, tập nống rượu mạnh cho máu thêm nóng, để điều hòa. Trái lại, những thú chơi cổ thời là cốt để luyện chí cho thêm bền (tập đánh đầu hồ là tập tách nhần nhện, không nên uống nẩy) các thú như bắn giàng, phóng lao, cốt luyện tâm cho thật vững, luyện tinh thần cho cứng rắn, không cốt luyện thân thể và không biết lấy đó làm môn

vận động. Xưa ghét phô trương sức mạnh (đàn bà ép ngực, đàn ông sợ người thấy mình có tướng võ phu). Nho sĩ chê các nghề dùng đến tay chân sức lực là hèn, không xứng đáng đối với con nhà học trò. Trên ba mươi năm về trước, quyền Anh có đem ra so tài với võ ta trong một cuộc thử thách nảy lửa (Amadou thi võ với TẠ ANH XÉM). Võ Anh chỉ nội hiệp đầu đã làm cho thầy nghề võ ta thổ chảng ra hơi, vì chúng kém luyện tập mà tài cũng khó hơn. Tuy vậy khi ra khỏi võ trường thì tài nói khoác không đâu bì: nào tài tay không chế trái dừa bẻ hai, tài tét củi khô không dùng dao rựa, tài có quả dấm thối sơn phá vách tường gạch trong vài ba đám, và ngón « *xin lá* » (thần đả) dùng ngón tay xoi lường trở vách như chơi...

* * *

Nay đã không còn người giỏi, mà tôi thì không đành để lạc mất dấu tích các nghề nhỏ phong lưu xưa của ông bà.

Bởi vậy, nay tôi biết được món nào, xin nói về món ấy cái đã. Tôi ước ao sau này sẽ có người bổ túc, dạy thêm, nhứt là các môn ít ai biết như: đánh đầu hồ, bầu giàng, bắn ná, vân vân, vì đó mới là văn hóa Việt.

Nãy giờ nói đã nhiều: tôi không dám dài dòng, giới tài chỉ trích... Việc dẫn chứng các thú phong lưu cũ mới, còn ở những trang sau.

Gia-định, ngày 24 tháng 5 dl. 1967

BẮT CẦU CHO XƯA NÓI VỚI NAY

1. NGƯ :

Ngư phủ đứng giữa trời, thành thang trên mặt nước :
vì thế tầm mắt rộng bao la : « *Đố ai biết được tâm lòng
vô ?* »

Cổ nhân đề *NGƯ* đứng đầu bốn thú.

2. TIÊU :

Tiêu phu vác búa vào rừng, núi, làm bạn cùng hoa
chim lạ, cảnh thần tiên. Tuy vậy còn tù túng trong xô rừng,
trũng đá, kém *NGƯ PHỦ* một bậc, nên sắp hạng nhì : *NGƯ*
rồi *TIÊU*.

3. CANH :

Nông phu thành thoi ngoài đồng áng, nghề ngao trơi
nước, mây mầu ruộng thừa kế, vài gian nhà cổ lưu truyền,
mồ mã ông cha tụ nơi đó, cổng làng mỗi bữa vào ra, lũy
tre xanh che chở, an phận tùy duyên, nối nghiệp tông
đường, có công xây dựng vào bảo thủ nước nhà, tuy thua
NGƯ và *TIÊU*, nhưng chiếm hàng thứ ba trong xã hội cổ :
1 Ngư, 2 Tiêu, 3 Canh.

4. ĐỘC

Kẻ sĩ độc thơ, mặc dầu có học, nhưng bạn cùng đèn

sách trong túi, vùi đầu trên trang giấy, càng nhỏ sẽ lắm, càng ít ra đường, ở trong tháp ngà thét rồi ngực lép lưng gù, sao được vai rộng, ngực nở như *NGƯ, TIÊU, CANH, SĨ* là *độc* thơ nhân, đứng hàng tư là thạm phải.

1 *Ngư*, 2 *Tiêu*, 3 *Canh*, 4 *Độc*. (1)

* *

Trong xã hội cổ Trung Hoa, người làm nghề buôn bán (*thương nhân*) đứng vào hạng chót trong bốn hạng dân của xã hội cổ thời, vì *thương nhân* ít miễn thuế lương, chỗ nào làm ăn khá, chỗ ấy là nhà là xứ.

Người làm nghề bưng tay (*công nhân*) không mấy khi xuất dương, ở đâu ở đó, ít dời chỗ, đứng trên *thương nhân* một bậc.

Đáng ra, người làm ruộng (*nông phu*), ở trong xã hội cổ Trung Hoa là người có công nhiều nhất: sanh, sống, ở ăn, già chết đều ở trên thửa ruộng cha truyền con nối, lẽ ra như vậy, *nông phu* đáng được sắp vào bậc nhất trong xã hội đời xưa...

Nhưng cổ nhân, Khổng giáo, đã nghĩ đáo để và xét rằng *nông phu* không thông thái bằng *sĩ phu*; lại nữa luận cho chí đạo, *Sĩ* là *nông thông hiền chữ nghĩa*, nên *sĩ* đứng đầu, trước *Nông*, *Công*, *Thương*. (Nguyên do, đời nhà Châu, *Sĩ* phu là dòng phái tộc Ân-Thương sót lại, vừa biết thờ phượng, vừa biết bói mưa, coi gió, biết trước lúc nào làm mùa, gieo giống, gặt hái phải thời...)

(1) Thuyết khác, thay vì *độc* sách, kể môn vui thứ tư là nghề chẵn: *ngư*, *tiêu*, *canh*, *mục*.

Thuyết này phải chăng do bọn du mục phương bắc: Mông cổ (Nguyên), Mãn châu (Thanh) truyền ra và cũng phải sinh từ hai đời này về sau?

Vi thể, xã hội cổ Trung Hoa sắp hạng bốn dân:

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| 1) <i>Nhứt Sĩ</i> | 2) <i>Nhì Nông</i> |
| 3) <i>Tam Công</i> | 4) <i>Tứ Thương</i> . |

* *

Sau tám mươi năm Pháp dành chỗ, xã hội Việt Nam sanh thêm bốn hạng dân mới:

Dân thầy, dân thợ thuyền, dân thành thị, dân thôn quê, gọi tắt: dân thầy, dân thợ, dân chợ, dân quê.

Trong dân thầy có hạng dân ông; trong nhà quê kẻ chợ có chân lấm tay bùn: *dân đen*, và hạng thường dân: *xích lủ*.

Gì thì gì, họ đều vui những thú mặc mạc như nhau:

— Lấy chọi gà, đá cá thia thia để quên thù gia vong quốc phá...

« NƯỚC NAM CÓ BỐN MỸ MIÊU:

« *KỶ* thêu, *NGẠN* vẽ, *TAM* tiên, *DỪNG* đờn.

Kỷ, *Ngạn*, *Tam*, *Dùng* là tên bốn nhơn vật phong lưu cựu trào giỏi về thêu thùa (*Kỷ*), vẽ vẽ vờ (*Ngạn*), về thổi tiên (*Tam*) và về đàn địch (*Dùng*). Nhưng bốn nhơn vật ấy sống về đời vua nào? Chúng tôi xin chịu đót.

* *

Ngày nay, chiều chiều vắng nghe anh thợ nguội hàng xóm lên dây lục-huyền-cầm I-pha-nho dạo mấy khúc náo nức, phong lưu có kém gì ông *kỷ* láng diềng duỗi lưng trên sập gỗ, thả hồn theo làn sóng điện rả rả du dương:

Cò *MINH TRANG* nể non *ĐÉM TÀN BẾN NGỰ*,

Cò *BA ỨT*, *NĂM SA ĐÉC* ai oán lớp *PHỤNG NGHỊ ĐÌNH*, hát Nam xen hát Khách, ai là người thưởng thức sinh tài?

Với nhân nại, với thời gian, chúng ta hãy tìm hiểu những thú vui lớp trước.

CẦM

Trong bốn thú phong lưu cũ, cò nhân sắp nghề đàn đứng trước, có lẽ vì *đàn hay* có thể làm cho tâm hồn thư thái, nhẹ nhàng. Đàn khả dĩ « *dưỡng tâm dưỡng trí* ».

KỶ

Xưa con vua Thuấn ham chơi quên việc nước. Thuấn dạy đánh cờ, đem con về đường chánh: Cờ đứng bực nhì.

THI

Xưa cò nhân xét thấy làm thi không khéo: có học là ắt biết làm. Sánh kỹ, người học trò đàn cho tươi, cờ cho cao, có hoa tay, thì rất ít. Vì lẽ ấy, sắp hạng: cầm, kỳ, rồi mới đến thi.

HỌA

Nghề vẽ đứng hạng tư, vì hễ chữ viết hay, là vẽ họa khéo léo, hai nghề đi đôi, mà chữ dễ sinh nhai, họa theo xưa, chỉ để tặng anh em chớ không bán lấy tiền...

Ngày nay, bốn nghề ấy càng lu mờ: đàn địch đã có TiVi (máy truyền hình) máy radio, đĩa hát thay thế; giỏi cờ giỏi thơ chưa đủ kiếm cơm; nghề vẽ lại bị máy chụp ảnh đoạt công. Người nào tinh luyện được một, đã là *phong lưu ra phết*. Nếu trên đời phải có một thú vui nào để *dưỡng tâm* thì tôi xin khuyên tìm vọc qua nghề mới, dễ học dễ quen tay. Những nghề mới ấy là...

THÚ NUÔI CHIM

THÚ NUÔI CHIM⁽¹⁾

NGUỜI MINH có tánh thích chơi chim.

Tôi góp nhóp được bao nhiêu tài liệu này, kinh nghiệm có mà nghe thấy cũng có, nay xin chép ra đây, nhờ người cao học biết thì chỉ giùm thêm.

Nuôi kéc. — Không mấy ai nuôi lồng : kéc mỏ rất bén, lồng sắt lồng thép chắc đến bực nào, cũng không lại nó : kéc gặm thét rồi lồng cũng phải hư.

Nuôi kéc, người chủ xích căng vào một nhánh gỗ cứng, uốn hình vòng nguyệt, trên móc sắt nhỏ để tiện treo trên trần nhà, gọi cảnh « *chim đứng trong cung trăng* » ; hoặc làm giá kệ có nấc thang, chim mặc sức leo trèo. Giá kệ này rất tiện lợi, có chơn đứng vững vàng và rất gọn : muốn dời chỗ nào tùy thích, muốn xách đem đi đâu cũng tiện.

Bị xích giò vào xiềng bạc, kềm hay xiềng xi-kên, kéc đánh đu trên nhánh, lần qua lần lại, giang san chỉ nội bao nhiêu đó. Ly-tiết mắc vòng, mấy con giạn giũ qua, gặm không khờn, cắn không hầy hấn, kéc duy nuốt hậu, sẵn nước lúa, sẵn bắp nguyên trái, chuối chưa lột vỏ, bèn tha hồ học ăn học nói. Có con nuôi lâu, nhái hết giọng người lớn trong nhà, ồn ào khó chịu. Quên mình điều thú, lên mặt « *song tân* », mắng từ quở trẻ em ôm tôi :

(1) Có đăng ký đầu trong tạp san « BÁCH KHOA » số 37 ngày 15-7-1958.

ai lạ mới vào nhà, thoát nghe tiếng trách phạt oai nghiêm, giát mình tưởng chừng nghi giọng người quen đứng ở đầu đây!

Nhưng nhái được tiếng người, có khi kéc chết cũng v lên mặt thông thái. Có sách kể chuyện một con kéc Jacot nói giỏi, hiểu biết đủ điều. Ngày kia, nhảy nhót liến khí thế nào, kéc thoát làm ngã cây đèn dầu vào mình. Dầu bắt cháy lông, kéc la thất thanh, hét « *Bớ ông, bớ bà* », rồi « *Bớ bà bớ ông* », người trong nhà quen lệ nhàm tai, không một ai để ý cũng không một ai tiếp cứu. Tội nghiệp, đến chừng nhận được sự thật, thì kéc ta đã rô-ti!

* *

Có hàm ý gì chăng, cái cân:

« *Chiều chiều bắt kéc nhỏ lông,
Kéc kêu bớ Tự, sao mầy bắt nhọn?* »

Nghe lại câu hát đưa em này từ đất Huế xuất phát ra. Xa xôi bóng bẩy, hàm súc trữ tình. Ý nhị thật. Nhưng có dính lứu gì chẳng với cái chết của ông Hồng Bảo? Sao dám kêu huyeh tệt: Tự này, Tự kia? Cân này ngbi là san này sửa lại cho sát đề; sơ khởi ắt không phải làm vậy.

* *

Kéc chia ra nhiều thứ nhiều loại, lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, khi gọi « *anh vũ* », khi gọi « *con keo, con vẹt* », nhưng tiếng « *kéc* » là thông dụng như!

Xin đừng lầm với « *Két* », chữ này không có trong từ điển Huỳnh tinh CỦA, nhưng trong bộ GÉNIBREL. chưa rằng: « *mông két* », espèce de canard sauvage.

* *

Vào thời xưa, ở bên phương Tây, chi đến nay, ở Nhật Bản và xứ Mông Cổ, vẫn còn giữ tục nuôi chim ưng để đi săn. Và phần nhiều các vương hầu, nhà qui phái đi săn, nơi cổ tay hay chỏ vai, thường đeo miếng da dày dành cho chim ưng đậu không rách thịt.

Có tích bên Âu Châu, vua chúa xưa rất thích thú phong lưu đi săn bằng chim ưng. Con GERFAUT là loại chim ưng xứ Na-uy và Islande rất được trọng vọng. Sách « *Origine des animaux domestiques* » của René THIEVENIN, trong bộ « *Que sais-je?* » có kể chuyện một ông vua ngày xưa bị phe đối thủ sanh cầm. Bầy tôi bắt con chim ưng danh tiếng đem đổi mạng, chuộc được vua về! Mạng vua không qui bằng chim, thấy chưa?

* *

Trung Hoa và Nhật Bản nuôi công cộc, nuôi cò, tập cho lặn hụp dưới nước, bắt cá bắt tôm; bắt được mỗi lại phải trôi lên nấp rúc rúc cho chủ; muốn nuốt trộm cũng nuốt « không vô » vì thẳng chủ mắc toi đã trông nơi cổ một vòng bằng gỗ cứng chặn ngoằn: làm việc có công, lúc mãn cuộc, chủ thưởng cho vài con cá ướp, tép chấu, cho con nào hay con nấy, muốn kén cũng không kịp, trời đã chiều, mà nào dám so đo, bởi lấm thân trong vòng nô lệ; cảnh khéo nực cười!

« *Chim trời bắt cá biển cung cấp cho người thế gian!* »

Cái nghề nhân tâm nuôi chim tập bắt cá làm kế sinh nhai, bên nước chúng ta chưa ai bắt chước.

* *

Nuôi nhông, nuôi sánh, nuôi sáo sánh, sáo nghệ, sáo trâu, thì sánh lông tre lông trúc xinh xinh, lông sắt sơn sơn, lông thép thau có đậu bóng bắt chỉ ngộ nghĩnh. Các loại

chim này, lưỡi mềm (trừ sáo trâu dở hơn hết), khéo học nhái được tiếng người. Đôi ba tháng, thấy chim hiếng nói thì biết lưỡi nó dở đi, vì có một lớp da khô đóng mọng ngoài chót, lưỡi không mềm mỏng như ngày thường: những lúc như vậy, chim hiếng nói hiếng ăn. Phải lột lưỡi, lấy móng tay khều kỹ lưỡng cho tróc lớp da cứng kia đi, đoạn gỡ nhẹ nhẹ lấy cái vẩy-mày thì lưỡi mềm lại, nội vài ngày, lưỡi hết ê, chim lành mạnh liu lo đồ đồ như xưa...

Thật vậy, có nuôi chim mới biết thương chim. Ban trưa giờ vắng, có con giỏi, nhái hết giọng người, tiếng kêu lanh lót « *chè khoai* », « *xe kéo* », háo hạp mấy chị bán hàng nhí nhảnh, lo ra, cất gánh chạy tề tề, tội nghiệp nhứt là chuyện này xảy ra đã trên đôi mươi năm, là chuyện mấy chú kéo-xe-kéo già thiếu nhựt ngồi ngáp gió dưới gốc cây, tiếng dàu thề thề bên tai, tưởng chừng bắt được mối xộp, giật mình xách gọng bò lẻ bò càng chạy lại, chừng biết mình làm tay con linh điều, xách gọng xe bển lên, bộ mặt bị xỉ, trông lơ khốc lơ cười.

Khi tôi còn thơ ấu, cha mẹ tôi ở chợ Sóc-trăng, nhà ba cầu mát mẻ, trên đường « *Hàng Mẹ* » sau đổi làm đường Đại Ngãi, và nay là đường Hai Bà Trưng. Ngoài hàng ba, cha tôi có nuôi con nhồng núi, lông mượt sẫm đen huyền, cổ thêm có khoang vàng hực như cổ chị Mên ở Sóc Thổ mới ra. Trưa trưa, nhồng ta cất tiếng nhắc chừng gọi tôi xách cặp đi học. Vẫn kêu xách khoẻ y hết giọng gia nghiêm. Bây giờ cha tôi đã mất (mất ngày mồng hai tháng chạp năm Canh-Tý 1961), tóc tôi đã bạc màu, thế mà mấy tiếng nhồng kêu: « *Bớ Sên! Bớ Sên!* » văng vẳng bên tai như mới ngày nào.

* * *

Nhồng, sánh, sáo, nuôi lâu năm, chủ vừa mến vừa thương, có lẽ còn mến thương hơn con để trẻ nhà, — thì chim chết công, công phu nuôi nấng chỉ còn không đầy một nắm lòng xương! Không đau ốm chi hết, chỉ một tật « *dau bụng* ». Đang nhảy nhót hát rần, thoạt nín nghẹn trán trán, đứng đờ rời té ngửa xuống đáy lồng, hai cánh đưa lên trời, hai cánh đập bạch bạch, giãy tê tê ngáp gió... Mấy lúc như vậy, chủ nuôi đừng quỳnh, nếu biết kịp, cứ bắt chim ra vạch mổ, thổi vài hơi người vào họng chim, lấy tay vuốt ve kéo gió dương cánh, tiếp hơi cho chim y như phương pháp cứu người chết đuối. Một đôi khi may ra biết sớm, chim bắt hơi lướt khỏi con xung bệnh, sống lại được hay không cũng chưa biết chừng. Chớ cũng chưa nghe thấy danh sư nào tài ba dám vỗ ngực lên bảng chẩn mạch khui toa cứu chim « *mắc gió* »! Bãng như rúi ro, chim chết, thì cứ đổ thừa « *chim trúng gió độc* », « *chim đau bụng* », « *chim nhớ núi nhớ rừng* ». Rẻ hơn nữa là y như giọng mẹ bù trừ, lên mặt thầy đời, hô to: « *con chim nó tới số!* » Tôi thà chịu cái giọng dốt đó hơn là nghe lời ông nào đây cắt nghĩa rất khoa học rằng: « *chim chết vì lâu ngày ở tù túng trong lồng, không được ăn sinh tố «vitamine» trên rừng sẵn có* ».

Buồn đi một lúc lâu, rồi như còn mắc nợ đời, sẵn lòng quen thói, người chủ gặp dịp khác, mua sắm chim mới, tiếp tục nuôi lại nữa. Muốn nói đó là *thú phong lưu* chơi chim, hay là căn quả, nợ kiếp trước, làm mọi cho chim, nói sao tùy ý người ngoại cuộc hay ở trong vòng.

Nhồng núi, trong Nam, có loại ở Cao Nguyên, Bến Cát, Trảng Bom, Tà Lài, Bù Đốp là danh tiếng nhứt. Cũng nên biết là chim có tánh quen ăn do một người đút, nếu người đó là chủ chim thì không nỡ đi đâu được với nó. Cũng thì mỗi ấy mà thay tay, không biết ý chim, thì lắm lúc con

chim quí chết ngay. Không biết ý, cho ăn sai giờ, sai cách thức, thì chim cũng ngưng cù đèo. Một điều khác nên nhớ là muốn nuôi chim phải lựa nuôi từ nhỏ, chim còn bung cút, thì sau này chim khôn theo ý mình, đừng ham mua chim khôn sẵn về nuôi, chủ nó cho ăn cho tắm thế nào, giờ nào mình không biết thì toi tiền thêm tiếc. Những lúc ở không, mỗi ngày lấy ngày giờ nuôi chim, sẵn sóc nó làm *nhân hạ*, nhưng những khi có chuyện muốn vắng nhà ít lâu không được thì mới thấy tự mình chuốc vạ vào thân.

Không kể bọn làm nghề bói bài, bọn thầy phù thủy nuôi quạ, nuôi chim ụt, chim mèo cho cảnh quanh mình thêm rộn, tội nghiệp mấy con chim nhỏ loại áo đà, manh manh, «thầy bói» «bạc má», của mấy anh bói quẻ thể ngoài đường: đợi khi có khách cầu tài, cầu gia đạo, lão thầy tay với kéo cánh cửa lồng ngăn bên trong, con chim tập sẵn lách mình chun ra, chạy lại xấp thẻ, như a ý khúc từng, gắp lên một tấm, ngó lão thầy; lão với tay lấy thẻ, «ban» cho một hột thóc bunn xỉn, đoạn chim trở về chỗ cũ, nếu ngày ấy vắng khách thì, nếu tôi là chim, thì liệu mình chết phứt để đầu thai lớp khác, sướng hơn là chịu cảnh mãi ăn gạo đếm hột và trợn đời kiến cắn bụng không thôi.

* * *

Nuôi chim chia vôi, thì phải ra công săn bắt bò cào, châu chấu, đào đất lượm trùn cho chim ăn. Thậm chí người nhà mua được miếng thịt bò, — của không đủ mèo ngửi, — mà cũng lên lút theo lột vài miếng ngon cấp cho con chia vôi yên thích (1). Độ trước, ở tiệm thuốc Bắc lớn, người Tàu vẽ

(1) Tôi còn nhớ trong hát bội, có câu này, (trong câu có đủ trâu, cau, vôi, thuốc): «Chim chia vôi bay ngang đám thuốc,
«Cá bả trầu lội tuốt mương cau».
và ai lại chẳng biết câu bắt hừ: «Chim quỳên xuống đất ăn trùn,
«Anh hùng lỗ vận, lên rừng đốt than».
(âm chỉ tướng TRẦN KHÁNH DƯ khi thất thời).

duyên có bán một loại sâu nhỏ phơi khô, màu đỏ đỏ, cân bán từng ly từng chỉ, giá thật mắt mỡ, — thứ sâu này quen mắt không biết tên gì, nhưng lại tiệm hỏi thì họ biết tiền. Nuôi chim loại chia vôi, thỉnh thoảng cho ăn thứ sâu này thì chim mau sung sức, mập mạnh, tươi lòng mượt cánh. Ngày nay người nuôi chim phong lưu tại tử đã đỡ khổ nhiều. Dân Sài-Gòn ngày một thêm đông, nên xoay trở đủ nghề. Họ khéo ra công bắt bò cào, để mèn, sáng sáng tề tựu nhau bày bán nơi «Chợ Chim», chợ này mới tụ hội cách nay không lâu mấy, ở khuỷu sau trường Bá Nghệ, đường Kinh Lấp (Hàm Nghi), giữa khoảng hai con đường Pasteur và Công Lý. Văn minh hơn một bực là các tay hừ quan an nhân, từng đọc sách Pháp, biết gậy giống «sâu bánh mì», biết mua hột *cỏ Tây* về trồng, hái hột bán kiếm xu bộn bộn. Trong chợ chim, cũng gọi «Chợ Trời» hay «chợ lộ thiên», thấy có bán chó đất tiền, con mèo tam thể, cây mai bông trắng, mỗi gốc đề giá sáu ngàn đồng (nhưng vẫn chưa thấy ai «rinh»), và tạp nhạp đủ thứ, có cả thuốc săn lãỉ rẻ tiền và sách lục xon bán không chạy, nhắc lại trong chợ chim này thường thấy người tay xách lồng sang, tay ôm hộp đựng thức ăn của con điều cung, chen vai cùng thầy nọ hấp tấp vì còn phải vô sở làm, nay ghé tạm lại đây cốt để mua gấp ít ngoe bò cào, để mái, cũng không dám se sua bề bộn sắm hộp sắm túi, duy giấu đờ mấy con này trong bao thơ cũ, hay vô hộp quẹt không, để đợi mãn giờ về nhà sẽ cung cấp cho con chim cang. Chợ chim có khách đủ hạng, khách thích chơi chim cũng có, mà bọn bảỉ lái chim cũng có, chuyên nghề xách lồng thật đẹp giả mặt người sang, kỳ trung là «thằng bán chim vô hạnh», trong lồng bọ con bạch yếu giả mạo, khoe đây là con yến Nhật Bản mới mua về, lòng *xác pháo* «chánh hiệu» nhưng giá nào y cũng bán, ai rờ tới nó thì nó không buông tha, vì như đã nói, đó là con chim giả,

lông phun nước sơn, ai mua về nhà vài ngày là lộ tẩy. Chim sơn đã có thì chó sơn lông cũng có, tính coi chó gì đầu là đầu chó xi chó ghê, lưng lại lốm đốm tròn tròn toàn những vết đen huyền rõ khéo, thật tròn xoe, trở hiện trên màu vàng hực bộ lông «*vàng da cạp*», sau rõ lại đó là con phen nhà ta giả làm con «*kim-tiền-cầu*» đời nay. Kim-tiền-cầu đời xưa là con thần khuyển có tài cắn giết yêu tinh quỷ mỵ, còn «*kim-tiền-cầu*» tân chế đích thị là con chó vóc giặc để coi, ngày nọ chủ thấy nó «*tốt bộ*», bèn mặc cho một chiếc áo có khoét lỗ sần lốm đốm tròn tròn như đồng bạc, rồi sẽ lên đưa nó lại tiệm sơn xe máy xe đạp, trả một số tiền phải chăng, độ một giờ sau dắt chó ra khỏi «*lò phun sơn điện*» rồi có thể đưa luôn chó lại chợ chim, duy phải nhớ đừng gấp lắm không nên, vì còn phải đợi ngày giờ thủ tiêu cái áo chó ban nãy, và đủ ngày giờ cho con chó khô lông. Nơi chợ chim, đã nói chó phen, chó cò trở nên «*Kim-tiền-cầu*», thì loại mèo bốn chân cũng có thể thắp từng theo chủ và loại chó «*xa-lông*» bỏ túi, cũng lóc cóc theo mẹ Tày, mẹ Mèo, xem đi xem lại đó là chợ Đồi, bán «*chó ăn cắp*» mèo bốn cẳng, mèo hai chân đủ thứ! Nơi đây là Chợ Trời, chợ súc vật, mà cũng là chợ hoa, chợ ái tình, bán từ cây bông giấy màu trắng mới nhập cảng, cây hoa «*ma-ni*» lá xen xanh trắng như chiếc áo sơ-mi loè loẹt Phi-luật-tân, có bán rong cho cá ăn, hoa chớm nở, hoa sắp tàn, hoa mai bị đọa.

* * *

Người nuôi chim công phu không ai bằng. Trong lồng, sắm một mủng vừa đựng nước sạch, làm bể cạn chờ con nhông nóng nực rửa lông; sắm một mẻ cát sàng sảy kỹ càng cho con chim trời trưa tắm mát, — có nước trong cát mịn cho chim rửa cánh vùi lông, tha hồ chim sung sức. Chủ nhà khuya sớm nhọc nhằn với chim (hỏi đối với người

trong thân, được như thế chưa?) Và chờ khi chim khỏe sung, bộ tịch chăm hăm, thì chủ xách lồng, hội hiệp bọn đồng điệu đồng chơi chim với nhau, cấp độ con chim nhà với con chim hàng xóm, con chim người mình nuôi với con chim do ngoại kiều rên đúc có phương pháp, bày trò cho nó đá chọi đánh cấn với nhau, hơn thua bằng những cuộc đánh bạc giỡn tiền, mà mệt không kém đá cá thia thia, đấu kê hay là đồ bạc.

Tại đô thành, luôn cả trong phố chật hẹp Chợ-lớn, tôi đã thấy tận mắt nhiều căn phố người khách trú ở, không lớn hơn cái vỏ hộp quẹt cây, không đủ chỗ hong chung bày hàng, thế mà chủ-nhân-ông dầy công khổ cực, sắm lồng riêng nuôi đến bốn con chia vôi, con nầy treo khít dưới con kia, và sáng sớm ông chưa lo dọn hàng, phải lo thay nước, phân phát lương thực từ con ngựa trời, châu chấu ngắt chùn, đến con giò, con sâu bò lúc nhúc, công phu tỵ mỵ, tôi thấy rồi so sánh lại, riêng mừng cho mình, cứ mỗi sáng mỗi thức sớm lau quét o bế đồ xưa và sách cũ, đầu nhọc và đầu gòn bằng ông khách trú chơi chim nầy!

* * *

Có người nuôi *cun-cút*, là giống chim nhỏ bé bằng nắm tay, thế mà gan lý còn hơn gan Triệu-Tử.

Người khác nuôi *chim trích*, người nuôi *quốc-quốc*, *le-le*, ngỗng trắng; nuôi quen cho ở chung lộn với vịt gà, trẻ nhỏ lại gần nó cắn cho mà biết! Chiều chiều *le-le* lùa vịt vô chuồng thấy rất nên thương. Nuôi chó, chó táp người lạ, đưa nhau ra tòa, chủ bị phạt là thường. Nuôi trích, nuôi ngỗng: trích gặm rách da, ngỗng cạp chảy máu: chưa có luật pháp nào áp dụng phạt những tình trạng nầy, sựong chưa?

Tục vì nuôi như nuôi cun-cút, độ chừng đoán biết cách săn sóc tăng tỉn tỷ mỹ là đường nào.

Người thì nuôi cu đất, cu cườm : con nào gáy « cu-cu » là thường sự. Con nào gáy tiếng hai, tiếng ba : « Ruc cu-cu », có con gáy đến bốn tiếng năm tiếng : « Ruc cu-cu...cu...cu », « Ruc cu-cu, cu-cu...cu », những con ấy là bạc là vàng, chủ nuôi hãnh mặt khoe mình có con linh diệu. « Chim nhà tôi, nó gáy có hậu ghê ! »

Có con lại gáy lặp đi lặp lại nghe ngộ ngộ : « Ruc cu-cu, Ruc cu-cu... cu ». Nếu ở trường, học trò thế ấy là thằng cà lăm vô dụng ; đàng này nó là con chim, nên xứng đáng là con linh diệu ! Mấy con chim như vậy là món nợ đời trong gia đình. Con trẻ rui động tới là bị đòn nút thịt ; vợ nhà rui tay làm sây thì còn sợ hơn mất vàng thoi ngọc quý.

Xưa có tích thằng nuôi gà chọi miệt Hóc-Môn, bị trời trồng giữa ban ngày cũng tại nó dám rượt đánh mẹ nó, chẳng qua bà này thương dẫu, nàng dàu lỗ tay liệng khúc củi làm chết con gà cung, trông nhận tội nó nghĩ tình mẫu tử mà tha, không dè tên nghịch nhi đi chơi về, hay mẹ giết chết gà, nó coi gà trọng hơn mẹ, xách dao rượt chém, trời trồng cũng đáng !

Nuôi cu cũng thế... Viết đến đây tôi bỗng nhớ anh cựu hương chủ Trần Ngọc Lợi, tự Lý, quê làng Hòa-Tú (Sóc-trăng). Năm 1946, vì phải tuân lệnh tản cư, tôi bèn lia tổ ấm, bỏ chợ búa chạy vô ruộng quê, nương nán nhà anh chủ, đình dấp bà con bên vợ trước. Đến chừng có lệnh « triệt để tản cư » nữa, trong nhà anh chủ ai nấy đều tay gói tay xách, cu bị gồng gành đem đồ quý xuống thuyền : mằm, gạo, nước ngọt, linh cuộc lán dài, « đại viễn du » vô

hạn định. Khi ấy, anh Chủ, vốn vẹn không động móng tay, chờ đến giờ thuyền lui bến, một tay xách lục cu (1), một tay xách cây siêu đao, chễm chệ xuống thuyền, oai nghi như lờ phó hội Châu Du. Chúng tôi nhạo anh là ngông, anh cười chúng tôi là còn bận bịu mắc nợ đời, nào chưa dứt lòng trần, nào còn thương tiếc của tiền và chưa thoát tục. Anh chê chúng tôi không như anh lia bỏ hết sự sản, thông dong rảnh tay rảnh nợ, nhẹ nhàng hồn trí, mặc tình tấu nhạ chơi chim, từ đây sẽ thi hành triệt để câu « cầm hạc tiêu đao » ! (Anh Chủ ơi ! ngày nay anh đã là người thiên cổ, miệng nào ngạo anh cho đành. Ngày nay tôi nhớ lại lúc ấy anh cầm siêu đao dẫn mẹ chạy giặc, rõ anh là người con chí hiếu. Nhưng đêm hôm ấy Tây bắn già quá, anh quăng cây siêu đao của anh lúc nào, anh đâu còn nữa mà hỏi ? Ó hó ! Anh Chủ !)

Cũng độ ấy, trong lúc bình hồng tản cư giữa trời và nước, chiều ba mươi nhớ lại ngày mai này là Mồng Một Tết, ngửi ngửi túi cho cái Tết vong hương không pháo không lân, cũng không miếng đất nhỏ cặm nêu. Thuyền chúng tôi cặm sào dậu cửa Sông Lớn, tục danh Vàm Cỏ Cò. Người người tuy xa nhà xa tổ ấm, nhưng đã là chiều ba mươi tháng chạp, nên trưa hôm đó không hẹn mà như một, thuyền nào ghé nào đều lo giỗ quải ông bà đơm hạc trên thuyền, cho đỡ tủi. Duềnh ngân bạc phạn, có chút vậy mà an ủi vô cùng... Riêng anh Chủ, thông dong tự tại, ai mặc ai, sáng bưng trưng anh xách lục lên bờ mất dạng. Đứng ngo, cứng rồi, cơm dọn ra mà anh vẫn không có thì anh em cũng khó mà cầm đũa. Thêm nỗi, giờ ấy là giờ « Sóc dậy », người

(1) Lòng cu có tên riêng là *cái lục*, có lẽ vì lòng che lá xanh tươi (lục) chung quanh lòng để nhái cảnh rậm rừng. — Lục cu nhỏ bé và thấp vừa mình con chim chớ không rộng và khoáng khoáng như các lòng chim khác. V. H. S.

Thỏ dân lộng hành. Đứng trước mũi thuyền ngóng xa xa thấy dạng những con người mình trần đen như cột cháy ấy đang quơ bổi đốt xóm làng và đang lửa bắt đàn bà trẻ con người mình, lại càng thêm thót ruột, trống ngực đánh lung tung... Chúng tôi đề nghị nhờ cậu trai út con anh Chủ lên bờ thăm cha, để mời anh xuống cho kịp buổi cơm và cũng kịp giờ lui bến ty nạn Thỏ đối. Tội nghiệp đứa con anh Chủ triệt đề thi hành sứ mạng giao phó. Vô tận bụi cây xanh giữa rừng, thấy cha mình đang nằm khoanh tôm, nhip đùi, núp dưới bóng mát, ca nhỏ nhỏ bài « *Thanh niên hành khúc* » :

« *Này thanh niên ơi !!! Chúng ta đến ngày giải phóng* ».

Anh Chủ giờ này khoái đến tột độ...

Cu nhà, trong lục, bo bo, kêu rúc...

Cu rưng, như có gì thúc đẩy, ban đầu « nhát đèn » rồi « mê trận », chuyện chuyện đáp đáp lần xuống nhánh thấp, định không còn mấy chốc nữa là « cho cơm » anh Chủ !

Anh Chủ, trống ngực đánh muốn bẽ, ngứa ngáy cùng khắp thân thể mà không dám gãi...

Giữa lúc ấy, sứ giả của chúng tôi, ngày thơ nào biết gì, phần bụng đói phần mắng ló « *giặc đảng thổ cấp đường* », sứ giả của chúng tôi, chuyện đã lời bèn tròn, nên không giữ gìn cẩn thận, không kể giờ phút thiêng liêng của cha, cứ việc bước tới... Lá khô dưới chân kêu sột sạt, anh Chủ trợn mắt dóc mà thẳng nhỏ bắt chấp... Bỗng một nhánh khô gãy dưới chân đứa nhỏ : cu rưng giật mình bay cái vù... Cu nhà, mất tròn, cũng thôi bo..... Anh Chủ phùng phùng chổi dấy, không kể phu tử tình thâm, cũng không thềm hỏi lý do sự tình, xáng đứa trai út mấy lát tay tá hỏa hào quang. Rồi anh như định bỏ bữa cơm Tết, tiếp tục đàn xếp dọn lớp lại, nhưng cu rưng « *động ổ* » đã bay mất dạng.

Báo hại chúng tôi ăn Tết ly hương mất hứng !

Mê gác cu đến nước ấy là cùng. (1)

Kính khùng vì nạn Thỏ dân tàn ác, tác oai tác phúc, không biết giờ phút nào rượt kịp thuyền mình ; hồi hộp cho một người anh kính mến, nghĩa hiệp, đang còn trên bờ rồi số phần sẽ ra sao, chúng tôi nao nao trong lòng, biếng nuốt cơm, biếng nói rằng, dè đâu đến đở đèn, các ghe thuyền chum nhum một chỗ, thì thấy anh Chủ lù lù xách lục xuống ghe, an nhiên vô sự. Anh ngồi ăn cơm một mình, nghe anh anh em kể trách người móc, anh gật gù nhìn nhận : một mình anh làm cả thuyền lo sợ, cũng vì một con chim giá thử bắt được, cũng không hơn hai hào bạc ! Tưởng như vậy anh Chủ ăn năn... Không dè sáng sau hỏi lại, lục chim và anh Chủ đã lên bờ quyết « *ăn thua đủ* » với con chim rừng cứng cổ.

Nghĩ tới giống chim cu mà ngán. Quen lồng quen lục, mê ba hột lúa gié vàng thơm nhựa, mà sát hại giống nòi không tiếc tiếng gáy tiếng gà. Chủ đem ra rừng bụi lựa chỗ êm thắm, che túp lá xanh giả cảnh lâm sơn, ngoài lục đánh cỏ phăng phiu rồi gài lưới kín trên thả cỏ non cho dễ mà con mắt, mảnh lưới có tra sẵn sợi nhợ bí mật dài, anh chủ chim lòi nhợ ra ngoài xa ngồi núp bóng chờ thời, không khác *Thái Công ngồi câu sông Vị*. Trong lục mặc tình « *cu gù, cu gáy, cu bo* », chim rưng nghe tiếng chim lạ đến xâm chiếm địa phận mình, sẵn tánh ghét tiếng gáy, mà cũng là quen thói cây tài hay ý sức khỏe, không chịu kiêng dè,

(1) Nhớ câu : « *Ở đời có bốn cái ngu : làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu* ». Xét ra : làm mai là một, xa nhe (signer) ký lên lãnh nợ vay bạc Chà là hai, chóng bị quên ơn, oán thù có... Còn cầm châu vẫn ít ai vừa lòng, trên sân khấu cũng như dưới hàng khán giả. Đến như gác cu, câu chuyện như trên đủ thấu tâm tình, như là không phải do tôi bày đặt. Nay nhớ lại từng tuổi này tôi đã vương đủ bốn cái ngu. V. H. S.

từ trên cao liều minh phóng xuống mổ cắn chim nhà. Mãng say cuộc tranh giành, quên đề phòng, anh chủ chim chực cơ hội thuận tiện, hèn giết sợi dây ác nghiệt, chim rừng mê độ không hay biết, nên hai tấm lưới sập liền theo tay, ô hô, còn gì là phóng khoáng tự do ?

Bắt được chim về, xem con nào tốt mã thì sắm thêm lục mới, tập dượt chờ ngày dỡ lại trò cốt nhục tương tàn. Những con chim xấu, tha hồ nhậu nhẹt.

Tục còn câu « *cung như cung cu-cu* » nhiều nghĩa. Bằng ai muốn thấu đáo nghe huyết tặc, tiếc thay anh Chủ Trần Ngọc Lợi, làng Hòa-Tú, đã không còn. (1)

Nói đến tự do phóng khoáng của chim, sự nhớ câu chuyện từng đọc trong sách Tây (2). Theo sách ấy, dường như chim trong lồng mất tự do đã đánh, nhưng những chim ngoài trời, nghiệm ra cũng chưa tự do gì mấy.

Thử xem loài chim vac luôn luôn đi ăn ban đêm ; chim cò thì vẫn ăn ban ngày, chúng đứng đầu nhau trong giờ nghịch lệ sái giờ ước kết, thì không gian nào bằng, mổ cắn

(1) Nói có vong hồn anh Chủ Lý. Anh là người cao kiến lạ lùng. Năm 1945-1946, anh em mình ăn gia tài, dứa nào cũng trên 2000 công ruộng. Dứa nào như dứa này, mãng lo giành ăn, đóng thuê gia tài, ra tiền cho tá điền làm ruộng. Bỗng một cái, giặc giữ liên miền đến nay chưa dứt, dứa nào theo nghiệp nông cũng đều phải hai tay không, bỏ chạy lên thành mất cả sự nghiệp đất đai, đầu nay chính phủ nghỉ tình mua lại ruộng đất cấp phát cho người lực canh, — của đồ mà hết, vừa đủ trả nợ bấy lâu nay vay mượn ăn xài, — duy một mình anh Chủ, thấy xa hiệu rộng, từ năm 1946, anh đã lớp lớp cho lớp đem cầm cố cho nhà lấy tiền ăn xài cho đã, ai này đều chê anh là « con phá sản », nay rõ lại, tuy anh đã nằm dưới đất, nào có hay đâu mấy thằng bà con với anh như tôi đây, bo bo kỳ cốp để giành rồi cũng phải tay không ? Nay muốn bắt chước anh thì đã quá muộn.

(2) Xin tìm đọc, nếu may gặp, Sélection, Mai 1959 : « Dans la nature, aussi les oiseaux sont en cage » (ngoài cảnh vật thiên nhiên, chim cũng vẫn như ở tù trong lồng chứ không tự do chút nào).

lung tung. Giống chim ở rừng thì lại không dám ra kiếm ăn ngoài đồng nội. Trái lại giống chim đồng bằng không bao giờ dám tuồng pha rừng rú. Bên Mỹ quốc, có loài *Cardinal* là chim hung tợn khét tiếng : lông đỏ mỗ dử. Thế mà khi rừng của nó bị phá, cây ngã rạp la liệt, thì chim *Cardinal* nằm mẹp dưới đất chờ chết, nhứt định không dám bay qua rừng khác tuy chỉ cách đó không hơn hai trăm thước, không khéo thâm nhập địa phận chim ~~ư~~ chim mèo, chúng nó đánh cho mang xấu hoặc lên án tử hình, gập đầu cắn đó, như vậy thà nằm chết tại rừng cũ còn thơm danh hơn ! Nghiệm cho kỹ, mỗi giống chim muông, mỗi loài điều thú, vẫn có khu vực riêng biệt, tuy ranh giới mắt phàm không ngó thấy, nhưng bọn điều cầm cùng giống hoặc khác loài đã có qui chế riêng, không bao giờ con này dám xâm phạm địa phận con khác, nếu xâm phạm không khác nào, như ta nói, xâm phạm tứ địa, cấm địa, ranh giới nước thù, v. v... Thậm chí, có giống chim hung dữ thuở nay chưa từng chịu thua chim nào, thế mà nếu ta thử bắt đem thả nơi khu rừng lạ thì con chim dữ ấy sao sao cũng nòng nã tìm cách bay về quê cũ, rừng cũ chứ không đủ can đảm ở lại chỗ mới, vì đó vốn là « *ngoại quốc* », lạ nước lạ non không chỗ dung thân. Điều khác là khi chim đẻ, lại càng cố thủ giữ gìn địa phận chống kẻ thù hơn lúc bình thường. Duy có giống chim hậu điều (*oiseaux migrateurs*) tùy mùa đổi chỗ ở, cho nên có một cách dường như « *xin phép* ». Mỗi khi chim hậu điều bay về quê cũ, con chim trống về tới quê hương, cần thận sẽ đứng trên chót cây đại thọ rồi cất cổ gáy lớn lên. Nếu không nghe tiếng chim trống khác gáy trả lời, ấy là cuộc đất chưa ai chiếm cứ, vợ chồng về ở được, trọn mùa bình an ; bằng như nghe có tiếng trả lời, thì là *đất có chủ* rồi, hãy toan hồng bẽ vợ con tìm nơi đất mới về chủ, đừng cượng lý ở lại chỗ xưa là trái với *kết ước mật cha truyền con nối*. Tiếng chim gáy nghe đến đâu là ranh giới của chim ăn đến

đó. Ghét nhau từ tiếng gáy cũng vì tục lệ chim như vậy đó thôi. Khi chim gáy để « *cắm ranh đất* » lại cũng là một dịp gáy lên để tìm bạn ngọc trâm năm. Con chim trống nào biếng nhác, đến trễ, gáy trễ, mắng chần chờ để con chim trống khác gáy trước, « *cắm ranh trước* », « *có vợ trước* », thì đành chịu bụng đói, độc thân, và hãy cất cánh bay kiếm tha phương: cầu thê, cầu thục.

* * *

Tiền đây, tôi xin trích lục một đoạn nghiên cứu nữa, rất mới mẻ về chim chóc.

Tập *SÉLECTION*, tháng Mars 1961 có đăng một bài của bà Jeanne GEORGE khảo về cách ăn thời ở của loại bạc má (*mésange*) Mỹ quốc. Như ta đã biết, chồng bà là ông John GEORGE, nguyên là một điều cầm gia danh tiếng, dạy khoa *écologie des oiseaux*, chuyên tìm hiểu về thú tánh, tập quán, cách ăn thời ở, cách sanh sản của điều cầm, v.v... Một hôm, ông cho bà biết ông sẽ đề riêng bảy năm học hỏi, nghiên cứu lại về chim bạc má « *mésange* ». Bà tỏ ý lấy làm lạ hỏi chồng « như thế chẳng là tự cổ chi kim chưa ai khảo tường tận về loại *mésange* hay sao »? thì John cười mà trả lời rằng « phải nghiên cứu thêm bảy năm như vậy nữa mới là thấu thoát vấn đề chim bạc má. » Bắt đầu, ông mượn bà tiếp tay ông, cầm giùm một chim trống ông đặt tên là « *Beunet Noir* » (thằng Kết Đen) (từ đây xin gọi tắt là B.N.) để ông cho đeo số trước tịch đảng hoàng tiện bề nhìn nhận. Ông đeo cho B.N. một cằng là khoanh *plastique* màu lam, còn cằng bên kia ông đeo khoanh *aluminium* có chạm số, rất dễ nhìn. Trong khi bà kèm con B.N. trên tay, bà xem kỹ thấy mắt chim quả là lưỡng tiện, một nhãn kiếm ăn ngó con mồi, một nhãn thủ thế phòng chim dữ, mèo chó chụp bắt thành linh. Lại nữa, xương chim dường

như cốt bông, dễ thêm nhẹ mình lúc bay, tim chim đập rất mau, có thể lên đến một ngàn tiếng đập trong mỗi phút. và tai chim không « *thính* » lắm, tỷ như liếng thưng của người, đối với chim, nhỏ nhĩ quá, không lọt tai được.

B.N. được thả ra rồi thì bay nhập đoàn với mười lăm con khác thành một tiểu đoàn chim bạc má, có một bạc má bị cầm bẫy, quản thủ độ tám mẫu đất vuông có cả rừng, bụi rậm và vườn tược sum sê. Ngày ngày chim ngủ đêm trong rừng, kiếm ăn xóm bà George, ăn rồi bay đậu nghỉ khỏe trên đại thọ « *xóm nhà đèn* », khỏe cánh rồi bay một vòng đảo qua viếng xóm *Chị Chim Ut*, rồi trở về xóm bà George là vừa đúng bữa ăn trưa. Lúc nào gặp đông thiên giá lạnh thì cả đoàn làm thi, bàn triết lý, hoặc đứng lặng yên ngắm tuyết rơi, và kiếm ăn trong khu rừng êm ấm.

Buổi sáng hôm B.N. được ghi số và thả, phu nhơn thấy bầy chim đập xuống sân bà, có một con « *Jaune* » đang đứng ăn, thoát B.N. hạ cánh đập xuống thì « *Jaune* » nhường chỗ lúc thì. Giày lát có chim « *Vert* » đập xuống thì đến lượt B.N. tránh mặt; sau đó có các chim khác đập xuống, nhưng những phen ấy, B.N. vẫn đứng ăn như thường; do đó phu nhơn độ chừng có lẽ B.N. là phó trưởng đoàn, « *ông phó xếp* » bạc má! chỉ thấp hơn con « *Vert* » một bực. Theo kinh nghiệm của phu nhơn thấu thập, thì trong đoàn vẫn có con chim này háng hiếp, làm anh làm chị các con khác, nhưng những lúc hoạn nạn hay ngộ địch thì luôn luôn tương trợ không bỏ nhau. Con chim nào khiờ khạo, lù đù cách mấy, miễn biết nhập đoàn, biết tuân lệnh, biết có lớn có nhỏ, thì sẽ được chở che, không bao giờ sợ đói sợ lạnh. Những khi điều qua, chim ưng toan bắt, thì đã có các con lanh lợi hơn giải cứu, ủng hộ hết lòng.

Hạ tuần tháng giêng năm đó, phu nhơn đề ý bạc má

khi ăn trong sân tỏ vẻ bứt rứt rộn rục khác hơn mọi lần. Chồng bà bảo ấy thế là đến mùa chim mái chịu trứng. Bà tọc mạch rình mò xem B.N. sẽ lựa ai làm vợ. Chiều hôm ấy, rõ ràng bà bắt gặp B.N. « gù » chị Roussote. Khi lựa được « ý trung nhân » của mình rồi, bà thấy B.N. hăng hái bay đi « xóm nhà đèn » chọn một cây cao để sau này làm ổ, này phải chiếm trước hầu không có con khác tranh giành. Qua tháng ba, thì cuộc « ăn ở cùng nhau » giữa B.N. Roussote đã thành tựu. Cùng trong tháng ấy, có cuộc biến đổi khá lớn trong tiểu đoàn bạc má vì chim từng cặp đưa nhau đi tìm chỗ vừa ý để ăn ái và tạo gia đình riêng mỗi cặp mỗi nơi. Trong đoàn còn sót lại hai con chim trống « vô duyên » nhất, bộ tịch lù đù, « thương không vô » nên mặc dù gáy gù khô cổ khô nước miếng, nhưng không bắt cặp được với mái nào, mỗi lần bay đến xóm mới « bày trò 35 » thì vẫn bị chim trống ra cản đánh, hai chim lẻ bạn đành tìm xóm cô quạnh ở độc thân chờ dịp may khi nào có chim chồng chết hay chim lạ « gái già » ở đâu đến sẽ rập thử. Phu nhân nghiên cứu lâu năm thấy rằng trong giới chim bạc má, dường như vợ chồng chung tình với nhau lắm và không thấy có chuyện lấy bậy, vụng trộm ái tình.

Trọn một tuần nhứt, phu nhân không thấy bóng B.N. lai vãng xóm bà, nên sốt ruột bà đi tìm thử thì thấy B.N. đến định cư « xóm nhà đèn » và mái lờ đờng mỏ cứng moi bọng cây liễu già, lót ổ cho mẹ Roussote. Hễ chồng mệt thì vợ tiếp, vợ mệt thì chồng ra tay, chung sức nhau moi bọng cây thêm lớn và rộng rãi, moi rồi, B.N. lấy rễ mềm và lông rụng lót thêm và tỏ vẻ ân yếm cưng mẹ Roussote vô ngần. Ổ lót rồi, đúng tám ngày sau, phu nhân bắt gặp B.N. đứng rìa lông làm dáng trên cành gần cửa sổ nhà bà. Trong khi ấy, mẹ Roussote đứng xù lông hạ cánh xuống xề xệ, rõ là điệu bộ một phụ nữ đa tình đang mong mỗi một cuộc ăn ái mây mưa. À! thì ra hai chim đang tìm cách thỏa đức tình.

B.N. biểu quyết đồng tình cùng Roussote... Hai con chim không hẹn mà nên, tự nhiên vô cánh bay lên không trung cao thật cao, rồi xấp lại nhau, cánh đầu cánh, mỏ giao mỏ, đầu cung đầu, mình khít sát kín, rồi tề tề mà, sập sập liu nhiu để rơi hai thân thề song song, rơi xuống thấp. Trong khi ấy thì B.N. đã bắn « tinh đực » vào hậu môn chim mái và mẹ Roussote đã chịu trứng rồi vậy. Cách thụ thai của loại điều cầm là thế. Trứng non trong bụng chim mái độ vài giờ sau khi thụ nhận tinh chim trống, đã « kiết tử » bảy giờ chỉ đợi lòng trắng bọc thêm, lớp vỏ cứng bọc thêm là thành hình trứng chim « có trứng ». Sáng sớm hôm sau, chim mái nhận thấy trong mình « đi nặng, bụng khó chịu », bèn rặn đẻ, trứng rơi ra dễ dàng trong ổ, đẻ xong chim mái nhẹ mình vẫn bay theo phu tương kiếm ăn thân nhiên vô sự. Trong tám ngày liên tiếp, Roussote đẻ được tám trứng. Đến kỳ đẻ xong trứng thứ tám, mẹ Roussote ở trong bọng cây, ấp trứng không ra, bỏ ăn bỏ uống, dù biết rằng tuy mang tiếng là « bạc má » nhưng chim mésange mẹ con lắm! Trứng ấp mười ba ngày liền đêm là nở con. Trong lúc ấp, B.N. phải đem cơm cho vợ, bắt từ con sâu non mềm, và đút cho Roussote « tời miệng », Roussote chỉ nằm đơ trên trứng, lim dim, há miệng, nhông nhẹo còn hơn các chị dài các tân thời. Phu nhân ghi ngày mồng chín tháng Năm là chim nở, vỏ trứng không được lòi ra khỏi ổ cho sạch sẽ bêu trong, chim con vừa nở là kêu la chi chiít và đã biết ăn. Chim con không ỉa ra « cứt su » nhưng tiết ra phần nguyên bọ, mỗi ngày B.N. phải cẩn bọ lòi ra xa ổ cho được vệ sinh. Mười sáu ngày từ phá vỏ trứng, là chim đủ lông đủ cánh tập bay. Tuy vậy vành mỏ chim còn vàng khè như môi chú hề hát xiếc: chừng nào mỏ chim mất màu vàng là chim đã khôn lớn trưởng thành. Mặt trời mọc khỏi ngọn cây là chim tập bay. Ban đầu bay từ nhánh nhỏ này qua nhánh nhỏ kia, trước

còn linh quỳnh vung về bọ ngựa, mỗi lần bay lên đầu lại đều nhủi đầu xinh xinh, chưa chi đã la đòi đòi ăn. Qua tháng Tám, bầy con của B.N. để tám nay còn ba, năm con xấu số bị ụt, mèo, cú sót ăn tươi nuốt sống lần hồi. Bước đầu tháng Chín, B.N. trở nên có thần độc mộc như xưa, vì con đã trưởng thành và đã theo tiếng nói trái tim đi lập gia đình đôi bạn nơi xa lạ. Ấy cũng là thiên tánh hay linh tánh của điều cầm, tránh khi lờn không ở chung với cha mẹ là cốt tránh sự loạn luân giữa anh em chị em, vả lại điều cầm mà cũng biết nếu đồng một huyết mạch mà làm chồng vợ lẫn nhau thì mau đi đến sự lụn bại giống nòi, sanh con để cháu sẽ tật nguyên không khỏe mạnh. Càng khổ thêm cho B.N. là mẹ Roussote qua đời hồi nào không rõ biết, cảnh bơ vơ của B.N. càng thêm bơ vơ. Một đoàn chim bạc má lạ, từ đầu bay đến gần nhà bà George phu nhon, định đùm đầu nơi đây qua hết mùa đông rét giá. Năm ấy B.N. thăng chức trở nên chim chúa đoàn, B.N. tỏ ra có sức lực hơn các chim trống khác, cả vợ chồng John George đều lấy làm lạ cho sự trường thọ của B.N. vì đếm đốt tay B.N. đã hơn tám tuổi lễ. B.N. có bản lĩnh lạ thường, bầy chim mới lạ đến tá túc sẵn mất chúa đoàn bị B.N. rủ các trống khác đến chinh phạt, đánh bại chim mới và sáp nhập bầy chim mới vào đoàn của B.N. cầm đầu. Nhon dịp B.N. nói rộng chu vi chiếm đóng thêm tám mẫu vuông nữa. Từ đây cương vực của B.N. càng rộng lớn, quyền hành của B.N. càng nhiều. B.N. càng lão luyện, xứng đáng một chim « cầm bầy » : lo cho chim em út từ miếng ăn chỗ ngủ, đêm nào các chim vào rừng nin lặng thì B.N. mới chịu nghỉ ngơi. Đầu năm thứ chín, trong một đêm mưa gió bão bùng, rạng ngày, vắng mặt B.N. Vợ chồng John George bâu lán phân vân, chồng viện cớ vì trận bão chim chóc chết hại nhiều, c B.N. ham đất bay đi chinh phục phương xa nào đó chẳng, còn phu nhon thì

cần thân hơn, lưỡng lự phân phân bất nhứt. B.N. không còn trong đoàn, bọn chim trống lại một phen thur hùng đề tranh nhau chỗ trống do B.N. để lại.

Một con bạc má tên gọi « Orange » đánh thắng các trống khác tự mình lên nối ngôi B.N. Phu nhon trở vào văn phòng, lấy xấp thẻ chim ra tra cứu. À há! Orange đích thị là cháu đích tôn của B.N., thảo nào? B.N. đã chết còn nhiều B.N. đời đời kế tiếp đó chi? Và chung qui chim bạc má loại mésange trong vùng phu nhon ở luôn luôn vẫn còn nhiều.

* * *

Người khác nuôi chim họa my, sấm lồng bề cao thật cao, dưới đáy thả cát nhuyễn, để khi mỗi lần chim lột, chim cất cánh bay lên tận đỉnh lồng rồi phàng xoè thả mình rơi xuống sập sần, vừa xoay mình tròn, vừa lú lo lãnh lút, ai nghe ai thấy cũng mê.

Nhưng công phu và thanh nhã hơn hết là nuôi *chim bạch yến*. Tiếng rằng yến bạch, mà lông có nhiều sắc nhiều màu: con lông trắng gọi « *bạch* » đã đành, đến như con lông vàng dợt cũng lại là con *bạch yến*: người nào gọi « *hoàng yến* » hay « *kim tước* » thì cho người đó là cầu kỳ!

Gần đây hơn nữa, bên Nhứt-Bồn, các điều cầm gia thiện nghệ có gây được một giống chim mới « *bạch yến màu xác pháo* », lông đỏ hồng hồng y như xác pháo nổ toang. Ngày nay tại Sài-Gòn giống chim này đã có khá bọn, chờ độ năm 1958, có một điều gia ở đường Thủ-khoa Huân, dám mua một con tận bên Pháp, giá hơn tám ngàn bạc, — chỉ nội tiền chuyên chở và bảo hiểm đi máy bay, đã là mười lăm ngàn quan Pháp (bạc 1958). Tôi thấy tận mắt con chim này, thấy luôn giấy chứng chỉ, có ký tên bảo lãnh đảng hoàng. Tôi ngán quá, hỏi chủ gia, ông cười

nói « Tuy mua mất thất, nhưng mình gây giống ra và lấy vốn lại không mấy hồi ! » Riêng tôi, tôi nghĩ khác : « nếu con chim vì thiếu săn sóc hay vì lẽ nào, không sống được trên đất Sài-Gòn nóng nực này, thì chẳng là toi tiền ? Thôi đi ông hạn ơi ! Tôi có được số tiền như ông, tôi sẽ mua một cái độc bình Khang-Hy, mình vuông, vẽ « tiền, hậu Xích Bích », có đề hai bài phú của Tô Đông-Pha mà tôi ao ước bấy lâu nay, Tết đến tôi cắm mai, ngắm nghĩa đủ hai vợ chồng, giặc đến, tôi chạy trốn bỏ nó ở lại cũng không tốn công cho ăn cho uống. Ông nói nuôi chim thú lợi, vậy chờ cái bình của tôi, gặp thằng Mỹ thằng Tây nào gần hơn hai đứa mình nữa, nó hỏi nài, chừng ấy ông sẽ biết tay tôi ! Hy ! Hy ! »

Thử dỡ từ điển Đào Duy Anh, tra sơ thì thấy :

— *serin, canari, serin d'or* : hoàng yến hay kim trước (hình số 1) ;

— *jaune serin* : màu vàng của chim bạch yến, màu vàng lọt ;

— *jaune queue de serin* : vàng hơi đậm ;

— *seriner* : cách tập bằng kèn *serinette* thôi cho chim bạch yến hát theo.

— *serinette* : hộp nhạc để tập chim hát.

Cứ xem nội bao nhiêu đó đủ thấy người phương Tây nuôi chim tìm đủ phương pháp tập luyện cho chim hát theo ý muốn, bằng máy móc, bằng đàn sáo, bằng giọng hát, v.v... không như bên mình chỉ biết tốn công nuôi và cho ăn, còn chim hát cũng không, phú cho Trời, Đất.

Tóm lại, bạch yến và hoàng yến đều là giống chim sanh sản từ quần đảo *Canaries* ở Đại-Tây-Dương, người Tàu đem qua bán trước tiên và nay người mình gây giống cũng nhiều.

Còn một thứ bạch yến, lông pha vài sọc đen, định cho là giống chim lai cần lâu đời, vì lúc ở ngoài trời có thể bạch yến mái bị se sẻ trống hay loại chim khác làm « điều ó nhục ».

Tục truyền muốn có chim hát hay, nên lựa giống bạch yến mình thon dài, đầu giẹp giẹp, chớ giống mình tròn núc na, đầu to như đầu chim sẻ sẻ thì ít con hát giỏi.

Đừng lộn bạch yến với *hoàng oanh*, hay chim oanh (*loriot*) màu vàng anh, cũng biết hát và vẫn có danh với câu bắt hủ : « con oanh học nói trên nhánh mả mai » (K.V.K.).

Đến như chim bạch yến nuôi lâu đã biết hát, có người còn cần kỹ lập dị, kén cho được chim « tốt lông tốt bộ », đừng hát cách nào cho khéo mới là phải điệu, đầu cất xéo làm sao, cánh nghiêng nghiêng thế nào, như vậy mới là đẹp. (Không khác cô ca sĩ, chẳng những hát hay, mà phải đứng lè, đừng khòm, đừng cúp đầu, đừng đủ thứ.) Đến như tiếng chim hát, lại kén phải tiếng dài, tiếng vắn, lên bổng xuống trầm, phải phân minh và phải ra làm sao mới là trúng cách, hát cụt ngủn, hát lè nhè, thì hoặc đó là con chim mơ chưa biết hát, hoặc chim không có hậu, hoặc đó là con chim bầy điềm, chủ chim sắp suy tàn !

Nhưng chim hay mặc chim, chớ khá hờ hững sơ sẩy chim gặp mèo thì khốn !

Ngày nay tiền giấy bạc giấy đã nhẹ về thể chất thì chợ, thêm nhẹ về giá trị, cho nên một con chim hay giỏi, có người dám mua bạc ngàn bạc vạn, con chim làm thường có khi cũng đến bốn năm trăm bạc mỗi con.

Nuôi bạch yến cho ăn bằng tấm gạo nhỏ, lựa tấm gạo già tay cho ăn tốt hơn tấm chà máy, vì tấm chà mất hết sinh tố, chim ăn lâu ngày sanh bệnh trỉnh đít. Người nuôi chim nhiều, nếu có đất rộng, nên trồng giống cỏ bông lầy

hột tươi, hột mới, cho ăn chim càng thêm khỏe mạnh. Thỉnh thoảng phải cho ăn xà lách và trứng đỏ hột gà. Có người tập chim ăn rau sam, vừa dễ tốn lại được phần dễ kiếm. Phải lấy nang mực khô treo trong lồng sẵn cho chim gặm để thêm chất với làm vỏ trứng, không thì chim chậm đẻ. Lấy cỏ khô dăm bèo sạch để sẵn cho chim tha làm ổ. Lại phải năng thay giấy hay vật chi lót đáy lồng cho được tiêm tắt tránh mùi hôi của phân chim.

Còn nhớ năm xưa tại chợ Sa-déc, có ông thầy thuốc Tàu, rất phong lưu, danh gọi ông thầy *Lâm Quang*, vừa giỏi nghề y dược, vừa có tài nuôi bạch yến, đời ấy không ai bì kịp. Ông có một cặp chim đặc biệt thuở ấy, đến bây giờ cách trên ba mươi năm, tôi ăn cơm lục tỉnh đã mòn răng mà chưa gặp con chim nào giỏi hơn. Chim ông nuôi trong lồng dương bằng tre bên Tàu tuyệt khéo, ông vẽ bèn mang qua. Tự tay ông săn sóc con chim. Hồ nước uống, bể nước tắm, hũ đựng hột cỏ chim ăn, mỗi mỗi đều là những cỗ vật đồ sứ hiếm hoi, cái đề «Khang Hy», cái đề «Ung Chát» hay «Càn Long», vừa đẹp vừa quý. Cặp chim này, chủ càng cũng phải, và mấy mươi năm về trước, nội chợ Sa-déc không ai không nề danh. Thuở ấy trong tỉnh thái bình, mỗi chủ nhật có lệ đấu xảo chim giữa một nhóm lương hữu đồng điệu. Sáng chủ nhật nào, sau buổi điếm tâm là tôi thấy các nhà chơi chim tay xách lồng tay xách ô dù, từ miệt Tân Qui, Tân Hưng, Vĩnh Phước, tề tựu tại nhà lầu ông Lâm Quang trở mặt ra con sông Sa-déc, chỗ phố ngày nay còn lại một tiệm bán mì «*Mi chú Dầu*» trên ba mươi năm danh tiếng. Trà thuốc vừa xong thì đem chim ra đấu. Ông Lâm Quang giấu kỹ lồng chim của ông trong thơ phòng phía trong. Ngoài này, nơi nhà cầu rộng lớn, gió mát hiu hiu từ Mũi Chợ Cồn thổi vào, chung quanh những chậu lan Trung-quốc quý lạ, hương xông thoang thoang, ông Lâm Quang ngồi giữa như vị chủ khảo trường thi, thong thả

xem các tay chơi chim lần lượt xúm nhau tuyên chọn những con chim nào hót hay để riêng từ lồng treo trên trần nhà cầu, còn những chim hát còn non thì cho đem lồng treo chung quang hành lang, xa hơn một tí, để tập nghe mà bắt chước. Lần hồi ông Lâm Quang chăm những con chim lành nghề cho đem vào giữa vòng quan khách ngồi. Khi các con chim ấy hát phi tình phi sức, thỏa thích ngổ nguê rồi, chừng ấy ông Lâm Quang mới sai trẻ thân tín bước vào trong buồng đem lồng chim cung của ông ra. Ông cho treo lồng trên cao giữa nhà : các chim kia chưa biết gì vẫn khoa tài lú lo chi chít... Thoạt con bạch yến của ông Lâm Quang cất tiếng chào. Ban đầu chỉ nghe một giọng trong trẻo và lớn, áp cả tiếng các chim khác. Kế đầu tiếng vàng như thác đổ, khi dồn dập cất bổng lên cao như suối reo đỉnh thượng, thoạt đổi giọng trầm nhẹ như gió tu trũng sâu, đó rồi thoạt vọt lên cao thật cao, không khác tiếng nước ào ào dồn chon đá dựng. Liu lo, êm ái, khoan nhặt đồng đều, ngọc khua, sáo thổi cũng không bì. Khi chim ông Lâm Quang dứt tiếng hát rồi, là một sự êm lặng khắp trong ngoài : rười bay cũng nghe. Các chim khác tự mắc cỡ vì lượng biết tài mình còn kém xa nên im hơi lặng tiếng đã đành, tội nghiệp các chủ chim, thua buồn cho công linh từ thuở trời sông, cũng biếng nói và quên phứt xã giao là đầu chi cũng phải vỗ tay *khen lấy lòng*.

Ông Lâm Quang truyền đem trà thom, chén quý ra đãi khách, không quên hẹn tuần sau ông vẫn chờ chim khác đấu tài. Nhưng đào đâu ra con chim đối thủ, trong khi chuyên vào trong xứ còn là tàu hỏa, xe hơi cũng ít, chim Sài-gòn, chim Chợ-lớn làm sao hót lại chim ông Lâm Quang, và tàu bay chỗ chim xứ lạ lúc ấy tuyệt nhiên không có.

Quên nói, cặp chim ông Lâm Quang, con đầu tài cao như vậy, mà nghe đầu con nhì, lúc hát còn điệu luyện hơn bội tam bội tứ, hèn chỉ tiếng đồn cặp chim ấy, lối năm

1930, là chim vô địch chợ Sa-déc. Ngày nay, sao đời vật đổi, năm rồi có việc ghé tỉnh cũ, hỏi thăm bạn xưa phần nhiều đã mất, khu phố đìu hiu, nhà ông Lâm Quang nay đã đổi chủ, họa chăng quán mì còn đó, nhưng ác thay, rãng cỏ và bao tử bây giờ cũng làm cho mì kém ngon. Hỏi vói vài câu thì chị «xăm» con xinh lịch lừng tó năm trước nay đã có cháu ngoại!

* * *

Tích xưa, *nuôi chim anh võ*, thấy ghi trong truyện Thuyết Đường. Vương Thế Sung chưa phùng thời, lãnh mạng đi tìm chuộc con anh võ của ông viên ngoại đồng tánh sây lờng. Gặp chim trong nhà một lão viên ngoại khác. Năn nỉ ráo nước miếng cũng không cho chuộc. Nói thét, tên viên ngoại ác tâm cầm con chim khôn xé ra làm hai quảng cho Thế Sung đem xác về cho chủ. Đêm ấy Thế Sung trả thù, chặt đầu viên ngoại ác, viết phản thơ trên vách, lui vào rừng chiêu binh xưng phản vương, tung hoành mấy năm, ai muốn biết rõ xin tìm mượn hay mua bộ Thuyết Đường!

Sẵn trốn cũng nên kể luôn năm xưa đọc sách, nay cũng không nhớ rõ trong bộ nào hông dẫn chứng — có nhắc chuyện một anh chàng lái buôn đi thương mại phương xa, chẳng may gặp cảnh nghịch: mua cao bán hạ, không bao lâu vốn liếng gần cạn, buồn lòng thả ra chợ dạo chơi. Anh thấy bán một giỏ chim — độ trên trăm con cun-cút, — anh hổ tiền ra mua, định sau này bán lẻ lấy lời chi độ lần hồi về xir. Dem chim về chỗ ngụ, thì trời đã tối, cũng chưa kịp đếm, đề vậy một đêm sáng ngày ra xem thì trời ôi, thấy dư trăm con xác chết nằm dưới đáy lồng, trừ phi một con duy nhất, mổ dữ mắt lanh, hiện đứng trên nhánh cây giữa lồng, hùng hăng củ củ, oai như một tướng soái thẳng

trận. Anh lái có ý định giết nốt con chim còn lại cho đã nư giậu, song chưa nỡ xuống tay. Ấy cũng may đời cho anh, hoặc vận cùng đã mãn, khiến anh giữ con chim duy nhất ấy lại. Quả nhiên về sau, anh đem chim dâng cho quốc vương xứ ấy, ông vua này có tiếng là thích chơi chim, ông ưa bày trò cho chim đá cấn, đá lộn, cấn lộn, ông xem trò ấy lấy làm thú. Khỏi nói, khi gặp con chim duy nhất của anh lái buôn, trong xứ không có con nào đối thủ. Nhờ đó anh lái buôn có tiền gây dựng cơ nghiệp không mấy bồi. (Tích này nay rõ lại có đăng trong báo Tự Do số ngày 12-1-1959, nhan là «Vương Thành» của ông bạn thân Nguyễn Hoạt dịch rút trong Liêu Trai chi dị).

* * *

Một chuyện khác nữa kể rằng có một người nuôi chim dạy chim hát ca, dạy đủ thứ tiếng nói, đi đâu thầy trò cũng không rời nhau. Một bữa qua xứ lạ, đem chim theo, lỡ đường hụt tiền ăn, người chủ lấy làm buồn. Chim vụt nói: «Sao không bán tôi đi? Bán tôi thì chẳng lo chi tiền ăn.»

Người nuôi chim. — *Tao không nỡ bán mày.*

Chim nói. — *Không can chi. Chủ lấy tiền rồi phải đi cho chóng, qua phía Tây khỏi thành hai mươi dặm, chỗ cây đại thọ mà đợi tôi.*

Người nuôi chim nghe lọt tai, đem chim vào thành, và đi và nói chuyện với chim, ai này thấy lạ bu theo coi. Xảy có người trong Nội gặp làm vậy chạy về tâu vua, vua liền đòi chủ chim bảo bán.

Chủ chim tâu. — *Kể tiền ngon nuôi chim, mền tay mền chơn, đi ở không lừ nhau, dầu túng cũng không đánh bán.*

Vua hỏi. — *Chim, mi muốn ở lại đây với trăm hay muốn theo chủ?*

Chim trả lời. — *Muốn ở!*

Vua mừng. — Chim lại nói. — *Như mua thì trả mười đồng thôi, đừng trả nhiều!*

Vua khen chim khôn, hối nội thị lấy đủ mười đồng ra trả. Người chủ chim giả bộ giận dữ, lấy tiền quày quả ra đi. Vua nói chuyện chơi, chim trình thưa bắt thiếp, vua dạy đem thịt cho nó ăn, chim ăn no lại đòi tắm. Vua sai lấy chậu vàng múc nước, mở cửa lồng cho nó ra tắm. Chim tắm xong bay lên mái điện đứng rìa lồng, nói chuyện với vua ráo rẻ. Khô lông, chim sè cánh nhảy nhót rồi nói: « *Tôi đi nhè!* » Chưa kịp ngó, nó đã bay đi mất. Vua cùng nội thị ngửa mặt thương tiếc, hối đi kiếm thì chủ đi phương nào và chim bay về đâu không ai biết được.

Sau có người còn gặp chim và chủ đưa nhau dạo chơi một phương xa.

* *

Thêm một tích nữa gọi « *Chim trả thù* », rút trong *Truyện giải buồn* của ông Huỳnh Tịnh Của (bộ sách này rất hiếm có).

Tích rằng: « Chùa Thiên-Tân có chim sẻ làm ổ trên « Thu kỹ » (chỗ hai mái nhà giao lại, về sau danh từ này nói trại đi, lâu ngày không ai biết rõ, và trong Nam quen gọi chỗ ấy là « khu đi »). Trên ván bưng có một con rắn lớn, mỗi khi chim vừa đủ lông ra ràn thì rắn bò ra nuốt hết, chim mẹ buồn thảm, kêu la ít ngày rồi bay đi mất. Ai dè nó còn trở lại, và năm thứ ba, thấy nó làm ổ như trước. Con nó vừa lớn lên, nó liền hay đi, ba bữa mới về vào ổ kêu con ra cho ăn... Rắn bò ra, động ổ sẻo con thất kinh kêu la thảm thiết, chim mẹ bay bổng lên mây xanh. Một hồi nghe có tiếng ào ào, trời đất tối tăm, ai nấy đều sợ hãi, ra coi thì thấy một con đại bàng đen, cánh sè che khuất mặt trời, ở dàu trên không ùn ùn đáp xuống, đánh một vút, rắn kia

đã đứt đầu, phá ổ rắn tan nát rồi chộp cánh bay đi, hai con sẻo bay theo như tiễn đưa. Thật là kỳ dị. Trong sách kể tiếp chim sẻo vút bay, vắng đi ít lâu rồi về, là lập tâm trả thù đã sẵn; kịp khi sanh lứa sau, rắn ăn quen, sẻo bay ba ngày trở lại, rắn chưa kịp nuốt chim non thì mổ chim thân đã đánh rắn đứt làm hai, tuy biết đó là chuyện thần thoại nhưng bấp dẫn vô cùng, biết chừng đâu là chuyện nửa thiệt nửa bịa cho thêm duyên?

Một tích khác thuộc về *chim hồng*. — Xưa kia có người đánh hầy dăng một con chim hồng, chim trống bay theo về tận nhà, bay lên đáp xuống kêu la rồi ngay rồi mới bay đi. Sáng ngày người đánh bầy dây sớm đi ra ngoài thì thấy con chim trống bay tới rồi và kêu và bay theo đầu một ben chơn. Người ấy liền chụp mà bắt nó luôn. Chẳng dè con chim nghèn cổ mửa ra một thoi vàng. Người đánh bầy hội ý bèn thả con chim mái, cả hai bay quần trên cao giằng lạt thì bay mất.

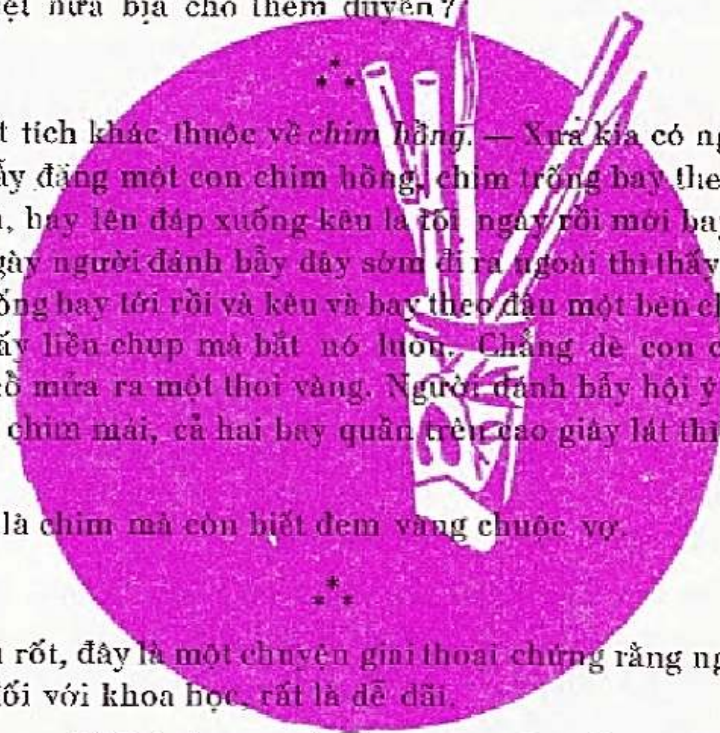
Rõ là chim mà còn biết đem vàng chuộc vợ.

Sau rốt, đây là một chuyện giải thoại chứng rằng người mình, đối với khoa học, rất là dễ dãi.

Chuyện kể lại rằng thuở xưa trời đất biển sanh thú vật cũng chưa lấy chi làm đủ, hoặc có con thiếu chơn, hoặc có con thiếu cánh. Nên sau có ba ông tiên giáng xuống trần nơi sơn lâm dặng cứu vớt những loài tàn tật.

Truyền rao hẹn trong ba ngày những con nào thiếu chơn thiếu cánh thì hãy đến cho tiên làm phép.

Khi ấy có một con vịt có một chơn, những mảng lo kiếm ăn không hay, qua ngày thứ tư, mới chạy đến lay



ba ông tiên. Tiên nói: «*Mây trời trẻ, bây giờ chẳng còn giống gì mà trông thế cái chơn thiếu của mây*». Vịt cố nặn nỉ lay lục... Ba ông tiên-cầm lòng không đậu, bèn bẻ một cái cẳng ghế mà làm phép, rồi thắp chơn cho con vịt, dặn rằng: «*Nếu sau có về, đứng ngủ gì đến phải cho cẩn thận, phải co cẳng lên, chớ đừng có đạp những vật ó ướ, cẳng này mà trở nên vô dụng, thì chúng ta cũng không biết lấy chi mà đền!*»

Con vịt từ tạ ra về, dọc đường gặp một bầy chim, nào chà chiên, ốc cau, đỗ nách, đều là chim tàn tật, không có chơn mà đi. Vịt mách sao không lên kịp chỗ sơn lâm xin tiên trông chơn cho. Mấy con chim này nghe nói mừng khắp khởi, lật đật bay tới chỗ, khẩn cầu ráo nước miếng. Ba tiên nói: «*Chúng ta có dặn phải trụ trong ba ngày, nay đã quá hạn kỳ, vật liệu đã hết, biết lấy chi mà trông cho bây?*» Nhưng chim nó lay lục nặn nỉ thiết yếu quá, ba liền tội nghiệp, bèn nhờ một mớ chơn nhang làm phép vãi ra mà nói: «*Đó chúng bay lấy thứ này cầm làm chơn mà đi*». Chim kêu nài viện cớ sợ cọng chơn nhang nhỏ quá, e nửa chừng gãy đi biết lấy chi mà chấp.

Ba tiên nói: «*Coi vậy chớ không sao! Không cần chi mà phòng sợ! Cẩn thận hơn thì khi đậu xuống, chúng bay hãy nhún nhún ba cái thăm chừng, như có gãy thì lên đây ông thay cho thứ khác.*»

Từ thuở ấy, chà chiên, ốc cau, đỗ nách, mỗi lần đáp xuống là nhún nhún thử cặp giò; còn chim vịt khi ngủ thì co lên một cẳng.

Lại Chơi Chim

DẪN: Bài «*THÚ CHƠI CHIM*» sau khi viết và đăng vào tạp san *BÁCH KHOA* (số 37 ngày 15-7-1958) một buổi nọ, tôi tiếp một ông bạn mới quen lần đầu nhưng ân cần mời tôi đến nhà xem cách ông nuôi chim. Bước chân vào biệt thất, tôi đã một phen giật mình: chim lồng lớn nè, chim lồng bé nè, nhà phố tuy nhỏ, hàng ba càng bé nhỏ, (đến đây tôi bồi hồi nhớ căn nhà cũ ở cùng một dãy đã từng che chở cho hai đầu xanh nay đã xa nhau vì bất đồng ý kiến... đường Thủ-khoa HUÂN) mà nhà ông bạn chứa chim ói là chim, mỗi thứ mỗi loại, lông đủ cỡ màu sắc khác nhau sắp đặt có ngăn nắp. Vào phòng khách, cũng lại là chim nữa. Trên bàn giấy, có một chồng sách khảo về điều cầm cao nghệu nghệu: chủ-nhơn-ông chúng tôi là một nhà chơi chim lành nghề!

* *

Sau đó, ngày 27-8-1958 như đến tòa Đô sảnh nghe lão TCHYA diễn thuyết, tôi gặp ông bạn thân, Bác Sĩ họ Ngô, dạy rằng: trong cuộc đấu chim bạch yến, có một danh từ không thấy tôi dùng trong bài của tôi, danh từ ấy là «*sùy*» dùng để tả lúc con chim trống nhà sừng sộ nghe con trống lạ, sợ mất cục cụng mái.

«*Sùy*» theo giọng Bắc, hay «*Xùy*» giọng Nam, coi vậy mà rắc rối ghê. Tôi ghi chép ra đây xin chất vấn hải nội quân tử. Theo tôi:

— *Thuyết thứ nhất.*— « Xùy » ắt do « Xuy » phát âm theo giọng Tàu (?) Xuy là thổi. Tỷ dụ : *Ngũ Tử Tư xuy tiêu khát thực. Trương Lưu xuy tiêu phá Sở binh.*

Và *xuy đồng* là ống bằng đồng hay ống bằng trúc thường dùng để thổi đạn bắn chim.

— *Thuyết thứ hai:* Xùy hay Xoè, như xoè tay, xoè cánh, sau biến đi thành « sè cánh » để nói hơn. Chim trống thấy chim lạ, sợ mất vợ, nên tranh đấu, Trước khi tranh đấu, phải làm cho chim địch thấy oai phong của mình, phải « gáy » phải « xoè », « xoè cánh », « phùng xoè » v. v...

— *Thuyết thứ ba,* mới thấy trong tạp san « *Phổ Thông* » của anh Nguyễn Vỹ, số 56 ngày 1-5-1961, trong bài khảo về « *điện mùa xoè* » của người Thái thì tác giả, ông Cao Chu viết : « *XOÈ: tiếng Thái có nghĩa là mùa* ».

Kết luận, *xuy, xùy, xoè,* còn trong vòng lẩn thẩn đợi người cao minh chỉ giáo.

Tiếng Việt coi vậy mà khó : Tàu, Thái, Miên, Ta, mượn qua mượn lại, cắt nghĩa không ra.

Qua ngày 31-7-1959, nổi thắc mắc trên được giải quyết một phần nào. Trong bài khảo của Pháp văn đăng trong SÉLECTION tháng Mai 1959, tr. 134-142, hai tác giả đứng tên chung là John và Jeanne GEORGE viết rõ như vậy :

« Loại chim chóc dùng tiếng gáy vừa để tranh tài giành phần đất ăn ở và chia giới hạn giữa các loại điều cầm. Chim nào tiếng gáy thanh thoả chắc được luôn vợ đẹp. Tuy vậy, cũng cần nơi vị trí chiếm cứ được thắng lợi; nếu vị trí này lọt vào chốn thâm sơn cùng cốc thì dầu tiếng gáy êm tai tao nhã cách mấy cũng không có con chim mái nào chịu đi theo vào đó ! »

* *

Nay xin trở lại *chim yến.* Những tài liệu này đã đăng rồi trong tạp san BÁCH KHOA số 47 ngày 15-12-1958, bài này của ông GIẢN đường Thủ-khoa HUẤN biên soạn, có nhờ tôi giới thiệu. Nay tôi xin phép ông GIẢN và báo BÁCH KHOA đăng lại đây cho đầy đủ, và thành thật cảm ơn ông bạn và tạp san có giá trị kia.

« *Chim yến* vốn gốc tích ở quần đảo *Canaries*, trong Đại Tây Dương, vì đó người Pháp đặt tên chim yến là « *Canari* » (tên khoa học thì : *Serinus Canarius*), còn người I-pha-nho và Bồ-đào-nha lại gọi « *canario* ». Đảo *Madère* và đảo *Acores* của Bồ-đào-nha rất nhiều chim này.

Yến sanh ngoài trời nhỏ con và mảnh dẻ hơn yến nhà. Lông yến rừng xám xanh có ánh vàng, lựa loại « *thanh yến* » ta nuôi trong lồng; trước cổ và ngực, thì màu vàng hơi xanh xanh, còn trán, gáy, nơi mí mắt, hai bên cổ và chỗ khấn đuôi lại màu vàng sẫm; lông dưới bụng hơi trắng, còn hai bên sườn thì có vạch nâu sẫm. Lông cánh và đuôi màu nâu sẫm có điểm vạch xanh ánh vàng.

Yến ăn hạt nhỏ, mầm lá non, trái cây ngọt và chín mớm, nhất là sung, vả, lúc chín nứt ra; nó ăn cả sâu và cũng nuôi con bằng sữa nữa.

Nó ưa thích những nơi có nước và thường tắm hàng đàn ở những nơi như vậy.

Mỗi năm yến sanh bốn lứa, mỗi lứa độ bốn đến sáu trứng. Chim cha và chim mẹ đều « *ham con* » và tận tụy săn sóc nuôi con chu đáo. Nuôi xong bốn lứa, yến bắt đầu thay lông; đến gần mùa đẻ sau thì yến mẹ đã trong lồng mượt cánh. Ngày nay có người sáng trí không chờ chim mẹ ấp và nuôi, vẫn lựa chim mẹ xấu khác thay thế vai tuồng « *vú em* » để chim mẹ mau lại sức.

Yến làm ở ngoài trời, trên những cây ăn trái, thích lựa những chẽ (cháng) cây không cao lắm và cũng không thấp lắm.

* *

CHƠI CHIM. — Người ta bắt đầu nuôi yến từ đầu thế kỷ thứ XVI. Đầu tiên ở Âu-Châu, rồi tràn sang Á-Châu, sau cùng Mỹ-Châu.

Khi chiếm được quần đảo Canaries, người I-pha-nho bèn độc chiếm quyền bán chim yến ra ngoài quần đảo. Lúc ban sơ chim hiếm lắm và chỉ vua chúa, các nhà quý phái mới có được.

Trong hạ bán thế kỷ thứ XVI, có một chiếc tàu I-pha-nho chở rất nhiều yến định đem qua Í-đại-lợi, không may bị bão tố, tàu đắm nơi đảo *Elbe* (Địa-trung-hải), một phần yến xồng ra sống tản mác trên đảo này. Nhờ hợp thủy thổ, yến sanh sản nơi đây rất lạ. Dân bản xứ nhờ đó làm nguồn lợi lớn, bắt chim bán đi khắp nơi: Í-đại-lợi, Thụy-sĩ, Đức, Pháp, Thổ, Nga, Bỉ, Hòa-lan và Anh-quốc. Người Đức có tài nuôi chim giỏi nhất. Nhờ nuôi trong lồng lâu năm, đời đời tuyển lựa nên sắc vàng chim yến lan rộng dần dần khắp thân thể chim, biến thành loại *yến vàng tuyền* như ngày nay thường thấy.

Chim yến đã thành một mối lợi quan trọng cho người Đức, và theo ước lượng đáng tin cậy, số chim hàng năm người Đức bán ra ngoài quốc lên đến số triệu con.

Dần dần người Đức trao dồi nghệ thuật nuôi chim và gây riêng một loại yến hót tài tình. *Yến Harz* (sinh ở vùng Harz) là yến Đức hót hay nhất ngày nay. Người Đức lập hội nuôi yến, viết báo nói về yến, lập ra nhiều kỳ thi tuyển chọn yến hót hay để khuyến khích và phổ biến cách nuôi chim gây thành một loại riêng biệt, có một giọng hót khác hẳn yến ngoài trời.

Bây giờ hầu hết Âu-Châu đâu đâu cũng nuôi yến, nhưng mỗi nơi nuôi chim với mục đích không giống nhau. Đức và Ý nuôi chim cần nơi giọng hót, nước Anh thì chú ý đến màu sắc hình dáng luôn và giọng hót. Riêng nước Pháp thì thiên về yến lông soăn (quần, không soăn sổng).

Vì khuynh hướng khác, nên người ta gây lẫn ra yến càng ngày càng khác xa loại chim gốc ở đảo Canaries có trước.

Những yến ta nuôi ngày nay sanh sống ở trong lồng đã hơn mấy trăm năm nên đã trở nên giống chim nhà, có thể xếp vào các loại gia cầm, gia súc, như gà vịt, bò cày, v. v... Cánh của nó yếu đi và không đưa nó bay xa như chim trời được.

* *

YẾN NUÔI Ở ĐỨC. — Người Đức chuyên nuôi chim để hót, nên không chú trọng nhiều về màu sắc và hình dáng. Có hai loại:

— *saxon* và *harz*, hình vóc như nhau, giọng hót cũng tương tự. *Saxon* bầu con hơn, đứng ngả mình về trước, khi hót cổ có hơi phồng hơi và mở hoác mở.

Harz hình thon và cao hơn, đứng thẳng mình, khi hót, ngậm mỏ, cổ thật phồng.

Ngày nay loại *saxon* bị bỏ rơi và chỉ được coi như chim thường, không quý mấy. Loại *Harz* vẫn được săn sóc và chọn lọc, nuôi năng kỹ lưỡng để luyện giọng hót càng ngày càng thêm hoàn hảo, tận thiện tận mỹ.

* *

YẾN NUÔI Ở ANH. — Các loại được nuôi bên Anh là: *Yorkshire*, *Lizard*, *Norwich*, v. v... Phần nhiều những

yến này điều to con, nhưng không sai con (để ít) thêm nuôi con rất vụng. Người sành điệu thường cho chim khác ấp trứng và nuôi con thế.

* * *

YẾN NUÔI Ở BỈ-LỢI-THÌ. — Những yến nước Bỉ có hai loại :

1) Giống *Malinois*, to con, hót hay, thường được gọi *Waterslager* hót theo giọng chim *Rossignol*, nhái tiếng thác reo, suối chảy, nước sôi. Loại này ngày nay ở Pháp đang giầy giống, đặt tên là *Rossignol de Paris* ;

2) Một loại yến nữa, ưa đứng còng lưng hay gập lưng lại như thẳng gù. Loại sau này, nay lan sang Anh, trong khi ở Bỉ còn lại rất ít, vì không mấy người thích nuôi.

* * *

YẾN NUÔI Ở PHÁP. — Loại yến lông soăn ở Paris là do loại soăn Hòa-lan gây giống ra. Cho được thật đẹp như ý muốn, người Pháp tạo nên những làn lông soăn rất cân đối : ở lưng, ngang đầu vai, lông soăn phải phồng to to lên, còn lông ở hai bên ngực phải soăn chấu vào giữa và phải úp lên nhau, làm cho giữa ngực chim như có một đường sâu (hông). Con nào lông soăn không đều, không cân đối, thì mất giá trị. Còn lông trên đầu phải mượt sát xuống, trái lại ở gáy thì phải quăn ngược lên. Trông toàn thể con chim có thể mường tượng một chị *Pa-ri-diên* kiêu kiêu, sanh đẻ tại kinh-đô hoa lệ, vì mùa đông thiên giá lạnh, đang ung dung quần trên cổ ngà vóc ngọc một chiếc áo ngự hàn quý giá, dưới thân ngọc chuốt vàng trau lại mặc một cái áo dài hẹp đáy, để lộ hai chân mảnh khảnh, mỹ nhân ấy đang «*kim liên bộ bộ*», bước mau trên lề đường...

* * *

Ngoài những loại đặc biệt kể trên, để ta thấy khuynh hướng và thú ưa từng nước, ít lâu nay, người chơi chim

yến lại tỏ ra chú trọng về yến màu, con nào màu càng mới càng lạ thì càng được quý trọng, tỷ như : *Hồng yến* (hồng thật đỏ) ; hay *Đen yến* (toàn đen). Yến đen, đến nay chỉ nghe đồn bên Anh quốc đã gây giống được nhiều, trông cũng chưa nhiều mấy, nên chưa ai ở đây trông thấy.

Cũng có nơi vừa gây giống yến màu, vừa tập chim hót giọng yến Harz. Biết chừng nào nước ta được có chim *đủ thình lãn sắc*, vừa kiêu mỹ như gái Nam, vừa lãnh lót giọng Đầm nước Đức, quận Harz ?

* * *

YẾN NUÔI Ở NHẬT. — Từ đầu năm 1958, nhờ ở sự giao thông dễ dàng và mau lẹ bằng tàu hay thứ phản lực, nên có nhiều người thừa dịp qua tận xứ Phú-tang đem về đây một ít chim *yến đỏ* và vài kiêu lông xinh xắn bằng tre hoặc thép. Tiếc thay trong những người có diễm phúc sang viếng xứ hoa Anh-đào, lại chưa có người chịu khó sưu tầm và học hỏi phương pháp nuôi chim yến của người chuyên môn Nhật.

Căn cứ vào những lồng chim tinh xảo và loại *yến đỏ* mới lạ của người Nhật gây giống được, ta có thể nói không lầm rằng người nuôi chim nước Nhật đã đến trình độ cao siêu không kém nước nào bên Âu-Châu, hoặc bên Mỹ-quốc.

* * *

YẾN NUÔI Ở VIỆT-NAM. — Người Việt biết nuôi chim yến cũng đã lâu, do người Tàu phong lưu đem qua ; nhưng ta chỉ biết chơi toàn *hoàng yến*, lúc đặc xen một ít *thanh yến* (vert). Còn *yến trắng* thì cũng mới có độ vài chục năm đây thôi.

Cách nay không bao lâu, người mình mua *yến màu* tận bên Pháp về nuôi như : *thanh yến* (vert), *yến màu*

lam (bleu), yến cà-phe sữa đậm (isabelle), yến lưng màu nâu lãn đen dưới bụng đỏ sẫm (agate rouge), và hồng yến (rouge intensif). Những yến màu này đem về đây đã bắt đầu chịu phong thổ và có sanh sản rồi, nhưng kết quả chưa khả quan mấy, vì phần đông người nuôi chim hơi nóng và gấp, chưa chi muốn có nhiều chim lạ trước hơn ai, để mau thủ lợi, nên chim bèn Tây vừa sang Việt-Nam, chưa «quen nước quen cái», đã để chung lồng, ép «đồ mái», làm như thế chẳng những chim cha chim mẹ mua mắt tiền chết yếu, không trường thọ, thêm dầu đẻ chim con, cũng không như ý muốn, không sống lâu dài.

Lại cũng có người lúc ghép chim, không để ý chịu khó chọn lọc màu sắc cho kỹ càng, thành thử đực được chim vá lang, xấu hơn chim cha chim mẹ, làm như vậy chẳng những hủy hoại giống chim của người tiền bối lâu năm gây tạo, tức đi thụt lùi chớ không tiến bước nào.

Một tề đoan khác là người xứ ta không biết trọng chữ «tín», muốn kiếm được tiền thì không ngại gì mà không «hờng gạt» khách mua hàng bằng thiên phương vạ kế: lấy nước sơn điện phun vào lông chim yến giả chim màu hồng, màu sắc pháo, v.v..., khách mua về ít lâu mới biết mắc mưu, muốn kiếm thặng bọm bải thì nó đã cao bay xa chạy.

(Thuật theo tài liệu của ông GIẢN ở đường Thủ-khoa HUẤN, đăng trong tạp san BÁCH KHOA số 47 đề ngày 15-12-1958).

* *

Viết đến đây, thoạt có người chặn tay, hỏi:

— Anh biết chơi chim chớ? Và còn chơi nữa hay đã thôi rồi?

— Xin đáp: «Tôi từng chơi nhiều năm lúc thiếu thời

và lúc có nhiều tiền. Nhưng tôi đã không nuôi chim từ khi rời bỏ tỉnh nhà lên Sài-gòn kiếm cơm từ năm 1947. Nuôi chim như tôi lúc trước cũng chỉ thêm tội bất hiếu, vì tôi chỉ ra công kiếm và bỏ tiền mua, mặc cho nghiêm phụ, nay nhớ lại càng thêm thương và hối hận, mặc cho cha già tự tay đan lồng khéo, thay tắm, thay nước, rửa lồng. Lại còn nhiều lẽ khác khiến tôi không muốn nuôi nữa:

1) Tuổi đã lớn, không thấy đó là thứ vui. Thấy chim tự do ngoài trời hót, thú hơn thấy con chim làm cái việc ấy trong lồng. Độ trước mỗi chim năm, sáu, mười đồng bạc là nhiều. Nay giá chim từ năm trăm đến bạc ngàn bạc vạn. Chim đủ thứ màu, làm sao sắm kịp với người? Từ ngày có cuộc tản cư, di cư làm thân con người đâu phải ở ru-rú trong nhà hoải, sắm chim bỏ không ai săn sóc độ ba hôm, thì bao nhiêu tiền cũng mất, bao nhiêu chim qui cũng không còn.

Nhưng lý do chính đáng, nói thật ra là tại một bài văn cũ đến nay đọc còn thấy hiện nghiệm như toa thuốc thần phương; xin trích lục ra đây để cùng nhau đồng lãm:

«CÁI BUỒN CỦA MỘT TÊN TÙ GIÀ»

(Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti.
Bản dịch của PHẠM THƯỢNG CHI).

«Truyện tôi thuật lại đây là một truyện nhỏ mọn, một buổi tối kia anh Y-vê tôi đã kể cho tôi nghe.

Bữa ấy anh tôi đi theo cái thuyền binh, đi ra ngoài bến một mớ tù phải đi đày Tân-đảo.

Trong số có một tên tù già lắm (ít ra cũng bảy mươi tuổi), có đem theo một cái lồng nhỏ, trong có con chim sẻ con ra dáng trân trọng lắm.

Anh tôi, nhân đứng không, hỏi chuyện lão. Coi lão không ra mặt như ác gì, nhưng cùng xích chung với một

chàng trẻ tuổi, thật là tay mặt hạng du côn, mắt cận thị, đeo nhỡn kính, mũi thon thon, mặt tái mét.

Tội lỗi là tội cướp đường cướp chợ già đời, bị bắt đã năm sáu lần, kết án ăn trộm và du thủ du thực. Lão nói rằng: « Khốn lắm! thừa ông, đã ăn trộm một lần rồi, không sao chữa được nữa; nghề nghiệp thì không có, làm thuê làm mướn ở đâu cũng không ai dùng, ông bảo làm thế nào? Phải kiếm cách mà ăn, chứ sao? Cái án sau cùng của tôi là cái án ăn trộm một bì khoai, vớ lại một cái roi ngựa và một quả dưa. Sao không đề cho tôi chết quách ở nhà, già cả như thế này còn đem đi đây làm chi cho nó cực? »

Thấy anh tôi có ý ân cầu hỏi han, lão lấy làm vui mừng lắm, chỉ cho xem cái cửa quý nhất của lão ở đời: là một cái lồng nhỏ ở trong có con sẻ con.

Con sẻ nuôi đã quen, thuộc tiếng lão, ngọt một năm trời ở ngục vẫn đậu trên vai lão... — Trời ơi! xin được phép đem con chim theo sang Tân-đảo, kể cũng đã khó nhọc thay! — Rồi lại phải làm cho nó một cái lồng để đi đường; phải kiếm gỗ, kiếm một ít dây thép cũ, lại kiếm một ít sơn xanh để sơn một lượt cho coi được.

Nói đến đây, tôi còn nhớ lời anh tôi thuật lại, không sai một chữ: « Khốn nạn, con chim sẻ! ở trong lồng ngày ngày ăn có một miếng bánh đen là thứ bánh lương tù. Thế mà vẫn ra dáng vui vẻ; vẫn nháy nhót như các chim khác. »

Cách mấy giờ sau, tàu nhỏ đã áp đến tàu bễ, sắp sửa cho tù xuống để chờ đi, đi cái chuyến xa ghé! Anh Y-vê tôi đã nhặng quèn lão tù già, chợt đi qua đến gần chỗ lão ngồi. Thấy lão nói giọng thật thanh mà tay thì chia cái lồng nhỏ:

— Này ông, ông cầm lấy. Tôi biếu ông; họa có dùng được gì chẳng, để làm quà cho ông vậy...

Anh tôi cảm ơn, nói rằng:

— Ồ không. Lão phải đem nó đi chứ. Đề sang bên ấy cho nó làm bạn cùng...

Lão già nói lại rằng:

— Trời ơi! nó không còn trong này nữa... Ông không biết ư? nó không còn đây nữa...

Nói xong thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má, thê thảm vô cùng.

Thì ra trong khi tàu chạy, kẻ xô người đẩy, cửa lồng mở ra, con chim sợ, bay ra ngoài mất,— rồi rơi ngay xuống bể, vì đã bị cắt cánh. Trời ơi! đứt ruột thay là lúc bấy giờ! Trông thấy nó bị nước xoáy, vừa rẫy vừa chết, mà không làm sao được! Thoạt tiên, cũng là cái sơ tâm tự nhiên, muốn kêu lên, muốn nhờ người cứu, muốn gọi ngay anh tôi mà kêu van... nhưng nghĩ ra, sự nhớ đến cái thân phận khốn khổ của mình, bèn ngừng lại ngay: ai là người thương đến con chim sẻ của một thằng tù già như mình? ai là người đề tai nghe đến lời kêu van nữa? Có đâu lại mơ tưởng rằng người ta sẽ dừng tàu lại để vớt một con chim sẻ chết đuối,— mà con chim sẻ của một thằng tù, ấy mới mơ tưởng vô lý chứ!... Nghĩ thế rồi ngậm miệng ngồi yên, nhìn cái hình nhỏ nhỏ đen đen vẫn còn rẫy rẫy trong đám bọt bể xa xa; bấy giờ mới cảm thương cho cái thân phận mình bơ vơ một mình, nước mắt chau chửa, khóc cái thân cô thế cùng, khóc đến mờ cả mắt,— mà bên cạnh thì cái chàng thanh niên đeo kính là người bạn cùng xích kia, lại nhả nanh cười lão dở hơi!

Bây giờ chim không còn nữa, cái lồng kia chu chỉ làm để nuôi chim, còn giữ làm gì; thấy anh tôi là người linh thủy có bụng tốt, ân cần hỏi đến chuyện mình, bèn

cổ đưa cho, muốn để lại cho cái di sản đó trước khi vĩnh biệt vô cùng.

Anh tôi cũng rầu rầu trong lòng, nhận lấy cái lồng, — để khỏi thêm phiền lòng lão già cô độc, khỏi ra ý khinh rẻ cái đồ vật của lão khó nhọc mới làm nên.

Anh tôi kể cho tôi nghe truyện ấy, tôi lấy làm cảm kích vô cùng, tôi nói lại đây, muốn phần không được một.

Bây giờ là đêm, đã khuya, tôi gần đi ngủ, Tôi bình sinh trông thấy biết bao nhiêu là cái khổ vỡ lở ra ngoài, ai ai cũng biết; biết bao nhiêu là bi kịch thảm kịch đâm nhau, giết nhau, mà không thấy cảm động gì mấy; vậy mà bữa này nghe nói cái khổ của lão già đó, bất giác như phá quả tim, đến mất giấc ngủ, nghĩ cũng lạ. Tôi nói :

— Có cách gì mà gửi cho hân con chim khác...

Anh tôi nói :

— Có, tôi cũng đã nghĩ thế. Ra chỗ người ta bán chim, mua lấy một con chim đẹp, bỏ nó vào lồng, sớm mai còn kịp giờ tàu chạy, đem ra cho hân. Cũng khi khó. Vả cũng chỉ có chú mới có thể xin phép sớm mai ra ngoài bến, ghé vào tàu mà tìm lão tù già đó, tôi cũng không biết tên hân là gì nữa. Nhưng mà... chắc có người họ cho là nực cười...

— À! hân chứ. Cái gì chứ cái thiên hạ cười thì không khỏi được!...

Rồi, một lúc, tôi tự ngẫm nghĩ một mình, cũng lấy cái ý ấy làm nực cười thật, mà tự mình cười, cười thắm không lộ ra ngoài.

Song tôi cũng không thi hành cái ý đó; sớm mai thức dậy, cái cảm giác lúc đầu cũng đã qua đi, tôi lấy làm truyện

trẻ con, truyện nực cười thực. Cái buồn của lão già kia không phải là cái buồn có thể lấy đồ chơi mà làm cho người được. Khốn nạn! làm thân một tên tù già, cô độc ở đời, nuôi được con chim con để làm bạn, đến nỗi tấm lòng đã nguội lạnh như băng như đá, còn cảm động được, chảy được những giọt nước mắt cảm thương, nay đã mất đi rồi thì dẫu được con chim xanh trên trời, cũng không đến được con sẻ con bị xén cánh và nuôi bằng bánh nhàu tù đó...

Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti, Phạm Quỳnh dịch ra văn Việt. (Khảo về tiền thuyết, Phạm Quỳnh biên dịch, Đông Kinh ấn quán xuất bản, Hà-nội, 1929, trang 94-99).

PHẦN THỨ HAI
(PHỤ LỤC PHẦN THỨ NHẤT)

**CHIM
PHỤNG-HOÀNG**

Phụng-Hoàng

1.— ĐIỀN TÍCH :

Phụng, phương vốn là linh điều. Trống gọi *phụng*, mái gọi *hoàng*.

Phụng hoàng là giống chim lạ, quý. Người nước Tàu, nước Nhật, cả nước ta đều tin tưởng đích nính rằng khi gặp đời thái bình thanh trị, chim phụng hoàng mới xuất hiện.

Phụng hoàng tiên là cái ống sáo tre. Sáo tre, chỗ miệng thổi giống hình mắt phụng.

Loan cũng đồng loại với phụng hoàng.

Loan phiên phụng bạc : chim loan chim phụng bay tan tác. Khi nói về chồng vợ thì có nghĩa chồng vợ xa lìa. Khi nói về lối chữ viết thì hiểu chữ đẹp sánh được bầy loan bay phụng bay đáp thung thăng.

Loan phụng hòa minh.— Cả hai cùng hát. Như đó, ta dùng điển này để chúc đám cưới, ước ao vợ chồng mới hòa hiệp lâu dài.

Loan trường phụng chữ.— Chữ viết đẹp xinh như loan liệng phụng bay.

Phụng hoàng vu phi.— Chim phụng chim hoàng đồng bay cùng nhau ; vợ chồng hòa hiệp.

Phụng cầu hoàng.— Chim phụng tìm chim hoàng, đi cầu chim hoàng. Con trai đi tìm con gái. Tích Tư-mã

Trương-như gặp nàng Trác Văn-Quân, hai người nên đôi vợ chồng, lá lay môi giới cũng vì bản đàn Phụng cầu hoàng.

Phụng cử. -- Kể sử thần vâng mạng ra xứ ngoài, không khác chim phụng bay phương xa.

Phụng mao lân giác. -- Lông chim phụng, sừng con lân, toàn vật hiếm có. Nghĩa bóng: con cháu hiền tài của nhà qui tộc.

Phụng minh triều dương. -- Chim phụng kêu ở phía mặt trời mọc; điềm lành khó được. Người hiền tài đem văn chương ngôn luận để hô hào (Từ điển Đào Duy Anh).

Phụng-Sở. -- Bảng Thống, đệ nhị quân sư của Lưu Bị đời Tam-Quốc: chim phụng còn non; người hiền tài.

* *

Khảo sách Henri Doré (1) dựa điển Tàu viết bằng Pháp văn:

1) Phụng hoàng có xuất hiện trên nóc điện vua Huynh-Đế (2697-2598 trước Da-tô);

2) Đời vua Thiệu-Hạo (2597-2514 tr. D. t.) phụng hoàng hiện ra lần nữa. Thiệu-Hạo-Đế lựa tên điều cấm đặt trước phẩm trong triều.

3) Năm 2351 trước D. t., có một cặp chim phụng đến làm ở trên nóc điện vua Nghiêu.

(1) Recherches sur les superstitions en Chine, Henri Doré. — 1ère partie. — Les pratiques superstitieuses, — tome II, No 4, Chang-Hai, Imprimerie Tou Sè-Wè, 1912, p. 438.

II. -- SỰ THỜ KÍNH CHIM PHỤNG :

1) Theo sử chép lại, đời Tiền Hán, triều vua Chiêu Đế (năm 84 trước D. t.), đã có tục lệ thờ chim phụng.

Qua đời vua Võ-Đế, việc thờ chim phụng càng thêm thanh hành.

Hoác Quang tâu cùng Chiêu-Đế rằng hiền Đông có chim phụng ra đời (năm 84 trước D. t.) Chiêu-Đế sai quan ra tận Đông-hải tế chim phụng.

2) Năm 73 trước D. t., sử chép có bầy phụng xuất hiện tại tỉnh Sơn-Đông. Vua Tuyên-Đế lấy đó làm điềm lành cho ngôi cửu ngũ của mình. Hoác Quang tâu xin bày lễ tạ linh điềm. Tuyên-Đế y tấu, và ban chiếu đại xá trong nước.

Ba năm sau, chim phụng hiện đất Lỗ. Ân xá một kỷ nữa.

Sau rốt, sử chép phụng hiện tại Phụng-dương phủ, tỉnh An-huy, vào đời Đại Minh Hồng-Võ.

Sách Henri Doré không kể truyện Thuyết-Đường, tích Tề Quốc-Viên chọc ở chim phụng tại Phụng hoàng san.

* *

III. -- HÌNH THÙ CHIM PHỤNG :

Như đã nói rồi, phụng là linh điềm. Thuở thái bình, phụng ra đời. Con loạn lạc, phụng ẩn non cao, không cho người thấy.

Phụng là chứa trong ba trăm sáu chục loài chim (Henri Doré, trang 444).

Sách tả hình chim phụng: « đầu như đầu gà mái, mắt như mắt người ta; cổ rắn, tạng phủ y tạng phủ loài còn

trùng, trán chim én, lưng rùa (1) ».

Đuôi phụng giống đuôi cá, gồm mười hai lông tượng trưng mười hai tháng. Năm nào nhuận (theo âm lịch) thêm một lông, tượng trưng mười ba tháng trong năm ấy.

Tiếng phụng gáy có đủ ngũ âm, điệu dàng tiết tấu. Sắc lông có đủ năm màu (xem hình số 1). Theo thần thoại, phụng là kết tinh của « hỏa đức » và « nhật đức ».

Người Tàu vẽ chim phụng đứng châu mặt trời, gọi tích : « Phụng hoàng triều dương ».

Phụng sanh tại Đông-hải, tắm nước thanh tuyền (suối trong), sống tại Côn-sơn, ngụ tại Đơn-động. Phụng đáp nơi nào, thì có trăm giống chim bay theo châu hầu.

Phụng chỉ đỗ cây ngô đồng, ăn rỗng trái trúc (quân tử trước) chỉ uống suối tinh khiết.

Chim phụng cao sáu thước mọc (six pieds).

Một tích không thấy dẫn trong sách Henri Doré là tích « mẫu đơn phụng » vẽ chim phụng đậu kê hoa mẫu đơn (cả hai đều tượng trưng đàn bà đẹp).

Tích « rồng châu biển Bắc, phụng gáy non Kỳ » cũng không ghi trong sách Henri Doré.

Tôi biết có hai tài liệu quan trọng :

1) Trong quyển « L'Art à Hinc » của cô L. Cadière, trong bộ Bulletin des Amis du Vieux Hué (tập san của nhóm Đồ thành hiếu cổ) năm 1919, trang 89-94, thì : Long là biểu hiện của đấng thiên tử, còn Phụng là tượng trưng bực mẫu nghi thiên hạ (hoàng hậu).

(1). Il a la tête de poule, l'oeil de l'homme, le cou du serpent, les viscères de la sauterelle, le front le hirondelle, et le dos de la tortue (Henri Doré, p. 444).

Mỹ thuật Việt-nam thường tạc hình phụng trên mái nhà, nóc đền, chùa, khi để đứng đầu đòn dông, khi vẽ vào bình phong, hoặc trên quạt giấy, tranh lụa, hộp sơn mài, v. v... Khi vẽ hình chim đứng như thật, khi vẽ kiểu « phụng biến », từ một nhánh hoa, một gốc kiềng, chế biến ra, mượn lá làm cánh chim, lấy rễ cây làm chân cẳng; một nhánh cây quẹo lại, đó là đầu con phụng ngó mặt ra sau đuôi, có đủ mắt, mỏ, móng; khách Tây-phương không hiểu nghệ sĩ trở hình gì, kỳ kỳ quái quái; người Á-Đông quen với thuyết Lão-Trang hư không huyền ảo lại thích thú và lấy làm tự nhiên khi thấy từ giới thảo mộc có thể sang giới sanh cầm điều thú dễ dàng (xem hình số 3, vài kiểu chim phụng).

Một biến điều : mẫu đơn, cúc (xem hình số 4); Cung nhưn thảo (amaryllis) biến chim phụng, chim loan, v. v.... (Hiển như vậy mới thấy màu nhiệm của lời thề « Tại thiên ty-đục điều. Tại địa liên-lý-chi ».)

Không nên lầm phụng loan cùng hạc điều, tuy cả ba đều là vật của tiên ông cỡi làm chầu cẳng bay trên không gian, như mô tả trong truyện thần thoại Tàu « Kỳ hạc Tây thiên », « Giá phụng tiên du », ...

2) Tài liệu thứ hai là « Le Phénix fabuleux de la Chine et le Faisan Ocellé d'Annam » (P. Jabouille — Bulletin des Amis du Vieux Hué, année 1929, p.171-186).-- Do theo tài liệu này, chim « Faisan Ocellé d'Annam », cũng gọi là con « Rheinardia Ocellata » (J. Verreaux) đã được nghiên cứu kỹ càng kể từ năm 1850-1856 và mô tả rõ rệt từ năm 1882. Phái đoàn khảo cứu Delacour phải xuất hành bốn lượt, nhưng chỉ thu góp đem về, vừa chim bắt sống, vừa chim chết, cả thấy lối hai trăm con.

Ông U. Hachisuka, nhà thông thái nước Nhật, chuyên khảo về điều cầm (Pháp gọi « ornithologist », hoặc « orní-

thologue») viết bài, dịch ra Pháp văn là « *Le Phénix de l'art chinois, si souvent représenté, aurait eu comme modèle, le faisán ocellé d'Indochine, ce qui prouverait des raisons d'ordre linguistique et historique* ». (B. A. V. H. Index 1914-1941, p. 69): (chim phụng mô tả trong mỹ thuật Trung-Hoa, thường vẽ ra hình, vẫn lấy kiểu nơi con chim *faisán ocellé d'Indochine* (trĩ xứ Đông-Dương); và chứng cứ còn nhiều trong ngôn ngữ học và trong lịch sử).

*
* *

Nay tôi tạm ngừng nơi đây phần điền cổ, để đay qua phần khoa học, có lẽ thiết thực hơn:

— *Tài liệu theo các nhà học về điều cầm.*

Tập san « *Đô thành hiếu cổ* » (Bulletin des Amis du Vieux Hué), năm 1929, số 4 năm thứ 16, — Oct. Déc. 1929, trang 171 đến tr. 186, có đăng bài khảo cứu rành rọt bằng Pháp văn, tác giả M. P. Jabouille, vốn nhà chánh trị, từng làm Khâm-sứ Trung-Việt tại Huế, vừa nhà khảo cứu có biệt tài chuyên về điều cầm, lại cũng phong lưu tài tử, từng xếp đặt trong viện bảo tàng Huế-đô góp công với Sogny. Jabouille là đại diện tại Việt-nam cho Viện Bác-vật Paris (correspondant du Muséum de Paris). Năm xưa, bài của Jabouille viết rất đầy đủ, nay đọc còn hấp dẫn lắm. Tiến thay đó là văn Pháp ít người thưởng thức, nên tôi không nệ tài hèn, rân dịch như sau, mặc dầu lần thân, nhưng những ai thích khảo cứu ắt hiểu nỗi lòng dịch giả.

Chim trĩ « *Faisán Ocellé d'Annam* »⁽¹⁾ có khi gọi « *Argus* »⁽²⁾ vốn loại chim thuộc bộ môn Rheinardia⁽³⁾.

1) Ocellé: có điều tròn hình giống con mắt.

2) Argus: loại trĩ riêng xứ Ấn-độ.

3) Lấy tên ông tìm gặp và thấy lần đầu chim trĩ tại Việt-nam mà đặt: ông Rheinardt.

Chim này chỉ ở trên núi phía đông dãy Trường-son (Chaîne Annamitique) từ Nha-trang đến Vinh là dứt địa phận sinh sống của nó. Mặc dầu phái đoàn Delacour gia lâm nghiên cứu kỹ càng, nhưng đến ngày nay chim trĩ đối với chúng ta vẫn còn nhiều bí ẩn. Thuở giờ ít ai lên đến sào huyết của loại trĩ; nhưng tay thiện xạ cũng ít khi hạ được trĩ sống, và không mấy ai thấy chim này, tuy ta vẫn tưởng việc ấy rất dễ dàng.

Trong hai trăm chim hoặc sống hoặc chết của phái đoàn Delacour thân thập, không con nào mang vết thương do ná đâm đạn bắn. Hai trăm trĩ này đều do người Kha-leus và người sơn cước gài bẫy sanh cầm hoặc tuy bắt được còn sống nhưng đã phạm thương sau rủi ro mà chết; nhưng xét ra chim này mắc bẫy mắc lồng cũng vì tánh ưa phùng xoè khoe múa trước chim mái. Về sau nghiên ra một con chim trống sanh cầm, dường nuôi săn sóc kỹ lưỡng cách nào, được tự do thế mấy, cũng phải ít nữa đời ba năm mới quen lồng và khứng múa me trước chim mái: dù biết loài trĩ chỉ thích sống tự do ngoài trời, không ưa cảnh bó buộc trong lồng và luôn luôn nhớ cảnh rừng rú núi non của nó. Trĩ nuôi có khi cũng đẻ trứng, nhưng ấp ít nở, dầu nở chim con sống vài tuần nhứt rồi cũng chết (có lẽ vì lúc ấy khoa nuôi chim chưa tiến bộ).

Khoảng năm 1850 và năm 1856, ông J. Verreaux, nhà bác vật học phụ trách Bác Vật Viện Paris, có đề ý đến sự cách biệt giữa sắc lông trĩ Mã-lai (Argus de Malaisie, Argusianus Argus) lại với vài lông chim trĩ rời rạc mua nơi xứ nào không rõ ắt nhưng lúc ấy nguyên của vườn bách thảo Paris tàng trữ. Sau khi khảo xét chắc chắn, J. Verreaux bèn quả quyết rằng lông chim rời thuộc một loại trĩ lạ, chưa ai từng khám phá, và hơn vì lông này có hoa tròn như con mắt, nên y đặt tên là « *Argus Ocella-*

lus ». Về sau, tên này đều được các chuyên gia nhìn nhận là đúng (Ch. Bonaparte, G. R. Gray, v. v...)

Có nhiều nhà du lịch từng gặp nơi nhà hoặc trên tay người Việt thời ấy những lông chim lạ này mà lúc đó chưa ai bắt gặp nơi chỗ nào khác bao giờ. Tập san Trung Pao năm 1904, số 5 trang 553, thuật lại năm 1819-1820 đã có trung-úy Rey viếng núi Ngũ-bành tại Đà-nẵng. Nơi đây Rey thấy nhiều giống chim lạ chưa từng gặp chỗ khác như là Rey thấy một bộ lông quỳ, theo Rey giống chim sản xuất mở lông này dường như chỉ sanh sống riêng biệt vùng núi non hiểm trở đất Phú-Yên mà thôi. Người bản xứ gọi đó là « kim try » (chim trĩ) và kinh như thần diệu. Kim try lớn bằng chim bê cầu, mỏ đỏ, đầu đen, cổ trắng, cánh màu hoàng kim (vàng), ức bụng và lông đuôi thì màu xám tro (xem hình số 5). Lạ nhất là đuôi lông dài trên tám thước mộc (8 pieds). Chính là lông Rey thấy, tuy đã ngắn đi một đoạn, vẫn còn do được 5 pieds 2 ponces (5 thước 2 tấc Anh). Tuy còn đôi chỗ lệch lạc, nhưng tài liệu này nay nghiệm ra quả phù hợp với tình trạng con Rheinardie d'Annam) vậy (hình số 5).

Năm 1871, một điều cầm gia khác, ông D. G. Elliot lại khảo về chim trĩ này và viết bài khảo luận xác đáng hơn bài của trung-úy Rey. Trong sách in năm 1872 nói về loại chim Phasianidés (các loại trĩ), Elliot in hình màu một lông đuôi trĩ « faisan Ocellé » họa hình lớn bằng lông chim thật. Ngờ đâu bài khảo luận của D. G. Elliot gây ra một cuộc bút chiến sôi nổi giữa ông và các điều cầm gia khác. Elliot bị chế nhạo đủ điều, có kể lại nghe ông lấy lông công « paon spicifère » mà gán cho con chim ông mô tả. Học giả khác lại cười ông khéo bày một con chim quái gở bằng cách mượn vài lông rời rạc mà đồ chừng một con chim hình sắc như vậy như vậy, kỳ trung chi Elliot chưa thấy nguyên hình con chim « lạ » ấy bao giờ.

Khen cho Elliot chẳng sờn lòng, nản đợi đến năm 1882, tìm dịp « trả đũa » và trưng bằng chứng hẳn hoi để cải chính cái dốt nát của các điều cầm gia khác và bêu giễu họ lại. Cũng năm 1882, Bác Vật Viện Paris tiếp nhận hai bộ xác ướp chim trĩ còn nguyên vẹn do Miền Trung-phần Việt-Nam gửi qua :

1) Bộ thứ nhất mua hai ngàn quan tiền Pháp, do nhà điều cầm Maingonnat gửi; chim này do Trung-tá Rheinardt, tùy viên sứ quán Lang-sa tại Huế tặng ông ;

2) Bộ nhì thì Viện Bác Vật tiếp nhận của Le Myre de Villiers, viết lộn chằng? Thure ra : Le Myre de Vilers lúc ấy là thống-đốc Nam-kỳ được triều đình Huế biểu.

Bài phúc trình gửi lên hội nghiên cứu thú cầm Pháp-quốc đề ngày 12 tháng sáu năm 1882 và loại trĩ này được đặt tên là Argus Rheinardi, Rheinardia Ocellata, Rheinardius Ocellatus, Rheinardius Ocellatus, vân vân; rồi lại hội thú cầm lựa danh từ đầu tiên mà đặt tên chim; danh từ ấy đến nay vẫn dùng, ấy là « Rheinardia Ocellata » (J. Verreaux).

Tập san « Science pour tous » (Khoa học cho khắp mọi người) số ra ngày 8 tháng bảy năm 1882, tả hình trạng chim trĩ xứ Việt-Nam rõ rệt lắm. Qua tháng chín cũng năm 1882, tạp chí « La Nature » khắc bản cây in thành sách hình trĩ này.

Hai con chim kiểu mẫu đầu tiên của Bác Vật Viện Paris vốn là hai trĩ trống tìm gặp tại đỉnh núi hương Tây gần kinh đô Huế.

Tiếp theo đó, bác sĩ Philipp, cũng là tùy viên sứ quán Pháp tại Huế, gửi thêm tài liệu rành rẽ về chim trĩ, những tài liệu này nghiệm lại khá đúng và vẫn còn dùng được.

Bác sĩ Philipp cho biết chim của Trung tá Rheinardt

gửi qua Pháp, nguyên của mục sư Renauld, chủ đồn điền Ba Trúc (cách Huế hai mươi cây số ngàn) được người sơn cước biểu. Lúc dâng cho mục sư, chim vẫn còn sống, nhưng có lẽ đã bị thương. Chim chết đi, Renauld lấy da lông dồn thuốc, ướp xác kỹ càng, thịt thì nếm thử, nên viết trong thư rằng: « Đây là con chim trống. Thịt nó màu sẫm và ngon như thịt chim faisau » (1).

Cả hai giống chim faisau Ocellé và chim Carpoceoccyx đều thần bí lắm. Không bao giờ các tay khảo cứu hoặc nhà điền cầm thấy nó tại chỗ sinh sống của nó, mặc dầu biết chắc nơi trú ẩn của hai loại này chỉ là vùng đèo Hải-Vân và đèo Phú-gia mà thôi.

Nhiều đoàn thám hiểm như phái đoàn Pavie, đoàn của bác sĩ Harmand, phái đoàn của hầu tước Barthélemy, vẫn tốn rất nhiều công phu, trụ trung không thu hoạch kết quả là bao cho ngành động vật học. Loài thú cầm Đông-Dương nói chung và của Việt-Nam nói riêng, về sau được thế giới chú ý nhiều là vào những năm gần đây mà thôi.

Phái đoàn Delacour được chánh phủ Pháp thời ấy trợ cấp dồi dào nhưng cũng không làm gì có kết quả; di tích chim trĩ faisau Ocellé vẫn mai một và bất tống tích cho đến năm 1882 mới khởi công tìm tòi lại nữa. Một dịp may bất ngờ xảy ra trong thời buổi ấy là người sơn-cước Kha-leus hiến nạp một lúc cho phái đoàn: đến cả sáu chục chim trĩ; tiếc thay khoa học thời ấy chưa biết cách thế nuôi dưỡng loài chim chóc để chúng bị chúng bạch hầu (diphthérie) mà chết lần mòn. Một vài con sót lại khi chở qua đến bến tàu Marseille, lối tám ngày sau cũng « ngủm cù đèo » luôn.

(1) Lão Renauld về sau, còn tìm ra một giống chim lạ nữa, đó là *cu dất* đặt tên là *Carpoceoccyx Renauldii*.

Ngày nay, nhiều vườn công công Âu-Châu và nhiều tư gia các nước vẫn nuôi chim faisans Ocellés d'Annam và chim vẫn sanh sản như ở rừng rú (nghe nói ngoài Huế có người nuôi).

Phái đoàn Delacour xuất hành trước sau làm bốn kỳ và kết luận là giống trĩ Faisau Ocellé gần như là chim riêng biệt xứ Việt-Nam, chỉ sanh sản tự do trên khuynh đất này; như cũng thì dãy Trường-sơn (Chaîne Annamitique) nhưng triền núi bên Lào thì không có chim trĩ ở và chỉ triền bên Việt-Nam mới có chim trĩ ở mà thôi.

Trong bộ sách « Transactions Meiji Japan 3 ty », quyển thứ XXIII, xuất bản năm 1925, từ trang 1 đến trang 13, nhà điều cầm Nhật M. U. Hachisuka có viết một bài khảo luận về chim phụng-hoàng Trung-quốc, và ông này đề quyết phụng-hoàng đích thực là chim trĩ faisau Ocellé d'Annam của nước ta vậy. Năm xưa, ông Jabouille có xin phép Hachisuka dịch bài khảo Nhật-ngữ ra Pháp-văn, đăng trong tập san Đô-thành hiệu cổ (B.A.V.H.) nay tôi mạn phép dịch lại văn Việt như sau:

« Đã nhận ra chim phụng-hoàng rồi.

« Có hai giống chim linh, thường được các sách vở « Trung-hoa, Nhật-bản nhắc đến; ấy là *Phụng-hoàng* « feng-huang và *loan* (luan). Nhật gọi *Hô-O* và *Ran* (lan) « Anh gọi *Phoenix* ».

Chim phụng và chim loan thường vẽ hình gần như nhau. Họa sĩ Trung và Nhật đều vẽ một cách; lúc vẽ thường phỏng theo hình gà rừng, hình con công hoặc một loại trĩ xứ khác. Từ thuở nào đến nay, các điều cầm gia Á-Đông vẫn in trí rằng *phụng* và *loan* là linh điều chỉ trong thần thoại mới có, nên không mấy khi tìm tòi kiếm thế tả hình dạng nó ra gần như thực, và định ninh trong óc

nước nhà thái bình thanh trị mới có giống chim này xuất hiện.

Danh từ gọi chim này trong Nhật-ngữ xét lại thì gần đúng danh từ của đời thượng cổ Trung-Hoa :

HỒ (P'ENG) (BẮNG) là danh từ đời xưa dùng để gọi giống chim to lớn khác thường (*đại bàng diều*). Sau đó đặt ra danh từ *HỒ (FENG) (PHỤNG)*. Những danh từ này lúc đó đồng nghĩa với nhau. Tục truyền khi chim phụng bay, thì có cả bầy chim khác giống cùng bay theo châu hần, kể cả ngàn con như vậy; vì đó danh từ *HỒ (P'ENG) (BẮNG)* được dùng để chỉ người băng hũu. Lần hồi, Trung-hoa và Nhật-bản đồng hồ nghĩa thứ nhất và dùng danh từ « *BẮNG* » với nghĩa thứ hai của nó là bầy hũu.

Tác giả Nhật, ông Hachisuka, nhất quyết « *Phụng-hoàng diều* » quả là giống faisán Ocellé (*Rheinardia Ocellata*), còn « *Loan diều* » lại là con faisán Argus xứ Má-lai (*Argusianus Argus*). Hachisuka phân tách hai loại chim như vậy :

Sách tả « *Phụng-hoàng* » và « *Loan* » :

— Đầu gà, cổ rắn, cằm én, lưng rùa, đuôi cá. Lông ngũ sắc, bề cao độ sáu thước mọc. (Cet oiseau a une tête de coq, un cou de serpent, un menton d'hirondelle, un dos de tortue et une queue de poisson. Il a cinq couleurs et sa hauteur est d'environ six pieds).

Bây giờ ta hãy lần lượt phân tách từng chi tiết trong con chim faisán Ocellé :

1) *Đầu gà (tête de coq)*.— Sự thật đầu chim trĩ khá giống đầu gà cồ. (xem lại trong hình).

2) *Cổ rắn (cou de serpent)*.— Cổ chim trĩ dài, khi đứng thường cất cao như cổ rắn, thêm ít lông (peau presque dénudée du faisán Argus).

3) *Cằm én (menton d'hirondelle)*.— Tác-giả viết, tôi không hiểu nên lược bỏ.

4) *Lưng rùa (dos de tortue)*.— Lưng chim trĩ faisán Ocellé d'Annam, lông xếp lò nhò, chót cánh thềm tỏa ra đều đều, và có chấm lặn-tấn hình vẽ lục giác gần như da qui. Những đốm những lặn trở như thế khiến ta tưởng tượng giống da rùa, da qui cũng được. Có sách xưa tả lưng trĩ *da hồ*.

5) *Đuôi cá (queue de poisson)*.— Hình chim trĩ khô, đuôi trĩ đẹp-dẹp gần như bánh lái thuyền, tạm gọi giống đuôi cá cũng được đi.

6) *Lông trĩ năm màu (cinq couleurs)*.— Người Trung-hoa ưa nói « ngũ » (*năm*), nói « thất » (*bảy*) nói thiên nói vạn, tựu trung đó là số nhiều.

7) *Trĩ cao sáu thước mọc (six pieds de haut)*.— Vấn đề thước tắc Trung-Hoa, không có chi là nhất định. Tùy thời đại, tùy địa phương, cây thước mọc dài ngắn khác nhau. Thêm nữa nào ai rõ được khi người xưa tả hình dáng chim trĩ, đo bề cao đo từ chót mỏ dài đến chót đuôi, hoặc từ trên đầu đo xuống cẳng, đo chim nằm hay đo chim đứng? Trong câu vãn của Tàu : « *con gà con chim màu trốn trong cụm rừng rộng ngàn dặm : (un poussin de neuf couleurs dans une forêt de mille li)*. Nay tả chim trĩ lông đủ năm sắc (*un phoenix a cinq couleurs*) đó ai biết được ý tác giả muốn nói gì !

Đến như giọng hót của loài trĩ, tác giả Nhật Hachisuka ghi chim trống có tiếng kêu nghe như « *How-How* (1) », tiếng này lặp đi nhái lại mười, mười hai lần mới chịu thôi. Khi chim trĩ gáy trong một khu rừng nào thì chung quanh nếu có trĩ nào thì con chim ấy tức thì đáp lại, gáy

1) Hãy so sánh với tiếng Việt, ta gọi « *con công lỗ hỏ* » (gáy).

trả lời như gà trống trên sân nhà, dần cho có tiếng sùng nổ bên tai, chim trĩ cũng vẫn hót như thường.

Trĩ mái kêu tiếng nghe như « *How-Owoo, How-Owoo* (1) » và tiếng chót lại ngân dài, kêu cũng lối mười, mười hai tiếng, đến tiếng chót thì dồn dập giòn đều nghe như một đọc « *Owoo* ». Tiếng chim trống và chim mái kêu nghe xa mấy dặm trường.

Tác giả Nhật kết luận tiếng « *Phụng* » dùng để gọi chim trống và « *Hoàng* » để gọi chim mái, vẫn là tiếng nhái, nghĩ-thanh-từ của loại chim này (onomatopée).

Một điều-cảm-gia nghiên cứu về loại trĩ xứ Mã-lai. qui danh là Beebe ghi rằng người Mã-lai gọi chim trĩ trống (Argus mâle) là « *KUAN* » hoặc « *KUANG* ». Người sơn cước Sakai lại gọi *KWAK*. Người Thái-lan gọi « *KYEK* », thổ dân Sumatra thì gọi *KOEWEAU, KUAOW*, cũng là nghĩ-thanh-từ tất cả.

Nay quả quyết « *phụng-hoàng-điều* » của Trung-Hoa (Phoenix chinois) và chim trĩ Việt-Nam (faisan Ocellé) vốn hai ma một, biết được như vậy rồi, nay trở qua tìm hiểu chim phụng về những chuyện hoang đường và linh thánh chung quanh nó.

Tác giả Nhật định ninh không thể bắt chim Argus bằng súng đi săn. Chim faisan Ocellé càng khó bắt hơn nữa, và thời đó, khắp hoàn cầu chỉ có bốn bảo tàng viện hãnh diện có chung bày vài bộ xác loài chim trĩ.

Ông Beebe viết trong « *Monographie des faisans* » (tập kỷ sự đặc chủng về trĩ) rằng ông từng sống nhiều ngày giữa vùng có trĩ ở, từng nghe tiếng chim kêu, từng gặp lại

1) Con công tổ họ. — Con công nó gáy làm sao? — Nó thụt đầu vào, nó xoè cánh ra, nó kêu « tổ họ », (câu hát xưa).

đầu vết những sân trước đó không bao lâu có chim trĩ đến múa giỡn gáy sù, nhưng Beebe nói không bao giờ thấy hình dạng trĩ sống lần nào. Đêm đêm ông nghe trĩ kêu, tiếng khi gần khi xa, biết chắc đó là giọng kêu chim trĩ, nhưng sáng lại theo dấu tìm thì không bao giờ gặp được trĩ sống giữa cảnh thiên nhiên, thật là huyền vi lắm vậy. (Truyện Tàu, sách Tàu, vẫn tả chim phụng kỳ kỳ xuất xuất, mầu nhiệm vô cùng).

Sử Tàu từng ghi có trĩ trắng, có phụng bạch, nhưng đời nay chưa gặp giống chim albinos (chim bạch tạng). (Hiện nay, lại thảo cầm viên Sài-Gòn, vừa nhận được hai chim công (paon) trắng, mỏ trắng, lông trắng, chân trắng, từ ngoại-quốc mang về, nhưng đó là ngoại đề, tôi không nói).

Tác giả Nhật định nếu có chim bạch tạng trong các loại chim săn được, thì có thể trong các loại faisans ocellés và Argus cũng phải có giống bạch tạng chứ chẳng không.

Sử Tàu ghi lại điềm chim trĩ trắng là điềm lành, triệu chứng đời thái bình thanh trị, hoặc báo tin một vĩ nhân xuất thế, hay là sẽ có một sự thay đổi quan trọng. Nhật-bản vẫn tin như thế và chép rằng đời TEN CHI (vua Thiên-Trị), TEMMU (Thiên Vũ), SOTOKU (Xung-Đức), vẫn có chim bạch trĩ ra đời.

Tác giả Nhật ghi thêm rằng đã từng mắt thấy sân con trĩ bạch bày tại chợ nước Anh là Cambridge, thế là tại Anh-quốc, trĩ bạch bày ra giữa chợ lại nhiều hơn khắp nước Trung-Hoa.

Trên một bức tranh cổ Tàu, người họa sĩ vẽ hình chim phụng mà đến nay nhiều người ngỡ đó là hình công là phải hơn.

Trong báo *Adversaria Sinica*, xuất bản năm 1905, giáo sư Giles, đồng ý với điều-cầm-gia Newton mà đề quyết rằng « chim phụng và chim loan tả trong bộ sách Tàn *TU SHU CHI CH'ENG* vốn là: 1) *chim phụng* (*feng*) vẽ theo chim công, loại *Paon cristatus* của xứ Ấn-Độ, còn 2) *chim loan* (*luan*) vốn vẽ theo con *Argus* của xứ Boruco và Malacca (Mã-lai).

Tác giả Nhật viết đến đây ghi chú rằng ông đồng ý với Newton về điển tích *chim loan*, nhưng không đồng ý với Newton về điển ông nói *phụng* do hình chim công vẽ và tô điểm đôi chỗ.

Hachisuka giải nghĩa: « chữ *KHÔNG* (*K'UNG*) (*Công*) nghĩa là « lỗ », lấy tích đuôi công mới xem tựa như có lỗ y như lỗ con mắt. Trái lại từ xưa chữ *phụng* đã có từ lâu và không có tượng trưng bằng lỗ mắt.

1) Có một loại vịt gọi là « *canard à tête de phoenix* » (*phụng đầu áp tử*), cũng gọi là « *canard à crête* », loại vịt này trên đầu có cái mồng (*crête*) lông thông ra sau như mồng con *Rheinardie*, còn mồng chim công thì khác xa và dựng đứng;

2) Lại có một loại cây kê gọi « *palmier à queue de phoenix* » danh từ chuyên môn gọi *cycas revoluta* (*phụng quật tiêu*) lá như đuôi phụng;

3) Cũng có một loại cá kim ngư đuôi phụng, gọi « *phụng quật kim ngư* » (*dorado à queue de phoenix*),

Trong ba loại kê trên, không có loại nào áp dụng điển *khổng tước* (*công*) vì loại công thì mồng và đuôi không giống ba loại kê trên đây.

Giáo-sư Giles vẫn thạo tích bá Tây-Vương-Mẫu di đến đâu vẫn có chim phụng theo châu. Giles so sánh Tây-Vương-Mẫu với nữ-thần La-mã Junon, vì Junon cũng có

chim công theo hộ giá. Nhưng giáo-sư Nhật Hachisuka cãi lại và dẫn chứng dựa theo sách Nhật thì chim công hộ giá Junon là thuộc loại *Paon Cristatus*, tức công xứ Ấn-Độ và không phải công xứ Trung-Hoa. Trong điển Phạn (sanscrit) thì nữ-thần kỳ công danh gọi *MAYURA* (*paon*). Nếu muốn đem Junon so sánh với một nữ-thần kỳ công thì có thể so với nữ-thần Ấn-Độ hơn là sánh cùng Tây-Vương-Mẫu Trung-Hoa kỳ phụng.

Giáo-sư Rapson rất sành về Phạn-tự thêm quả quyết trong thần thoại Ấn-Độ có nhiều vị nữ-thần được họa hình có công theo hộ giá, nhưng ông cẩn thận không dám chắc thần nào sánh được hay đối chiếu được với Junon của thần thoại La-mã.

Giáo-sư Nhật kết luận đầu sao trĩ faisán Ocellé (*Rheinardia Ocellata*) của Việt-Nam là chim làm kiểu mẫu để do đó vẽ hình chim phụng của Trung-Hoa.

Giáo sư Nhật đính chính rằng không hẳn sao trĩ trước các sách vẫn dùng danh từ « *Phoenix* » để gọi chim phụng. Theo ông không có điển tích nào nói *Phụng* đã tự mình biến hóa tái sinh trong đồng tro tàn do xác mình bị hỏa thiêu, như trong truyện thần thoại con *Phoenix égyptien*. *Phụng* và *phoenix* khác nhau rất xa và trông không nên lấy danh từ « *phụng* » mà dịch danh từ « *phoenix* » vậy.

* *

Đến đây Jabouille trở lại thuyết của riêng mình. Ông nhắc vùng Việt-Nam có chim trĩ ở, vốn xưa kia từng bị người Trung-Hoa chiếm cứ lâu đời hoặc đã có dấu chôn người Nhật-bản đến đó cư ngụ từ thế kỷ thứ 3 trước Đatô đến thế kỷ 16, 17. Vùng Bình-Định, Qui-Nhon, địa-bạt Nha-trang là vùng chốt Miền Nam còn lưu dấu vết chim faisán Ocellé, thì Bình-Định và vùng lân cận đã từng bị quân Mông-Cổ dày xéo từ năm 1282 đến năm 1284 sau

Da-Tô, và vào thế kỷ thứ 15 thì thủy quân Mông-Cổ đã từng lấy Bình-Dịnh làm căn cứ để độ binh từ đó qua xứ Qua-Oa (Java) (Jabouille).

Quảng-Nam và tỉnh ly Faifo trái lại vốn thuộc về đất Trương-Quân ngày xưa (Commanderie des Eléphants). Vào thế kỷ thứ 3 trước Da-Tô, quân sĩ Tàu từng chiếm đóng tại đây, ngày nay là vùng Trà-Kiến. Binh lính Tàu nối tiếp cư trú lâu đời tại đây. Năm 111 sau Gia-tô, đời Đông Hán, quận Trương-Lâm (Siang-Lin) vẫn thường được nhắc nhở đến.

Qua năm 351 sau D.T., người Tàu chiến thắng người Chiêm-Thành nơi chốn này. Tiếp theo, năm 446 và năm 605, vẫn người Trung-Hoa kéo đến vùng này, lập dinh trại, ăn ở tại đây khá nhiều năm.

Nhưng ta phải nhớ chỉ có vùng núi non này và vùng sơn lâm gần Thừa-Thiên, Quảng-Trị, mới có chim trĩ faisán Ocellé ở. Tại vùng này, những nghệ sĩ, kếp hát bội và vũ nữ bản xứ đã từng biết dụng lông đuôi trĩ làm vật trang sức gắn trên mũo trong khi biểu diễn.

Tỉnh Thừa-Thiên (Huế) bị Tàu chiếm cứ năm 214 trước Da-Tô. Vùng Huế là *Tây Quận* (Si Kinan), tức là một trong năm quận của *Trương Quân* (Commanderie des Eléphants).

Qua thế-kỷ thứ 9 sau Da-Tô, người Trung-Hoa vẫn trở lại lưu trú nơi đây một lần nữa.

Tỉnh Quảng-Trị (cách tỉnh ly ba mươi cây số ngàn đã có gặp trĩ rồi), là nơi trú ẩn đặc biệt của loại trĩ faisán Ocellé, và tỉnh Quảng-trị vẫn là nơi người Tàu chiếm cứ lâu đời.

Dưới đời nhà Hán, đây là quận Nhựt-Nam (Je Nan). Dưới đời Tùy, từ năm 605 đến năm 617, đó là quận Lâm Ấp (Lin Yi) và qua nhà Đường, đó lại là quận Châu-Kiến.

Từ Quảng-Trị trở lên hướng Bắc là tỉnh Quảng-Bình

(Đồng Hới), vốn khi xưa thuộc quận Nhựt-Nam (Commanderie de Je-Nan) đời nhà Hán. Qua năm 605 đổi làm quận Ti-Canh (Pi Ying) sau lại, từ năm 627 đến năm 647, trở nên Châu Nam-Canh (Nan Ying) (Jabouille).

Đời nhà Hán, Hà Tĩnh thuộc quận Cửu Chân. Năm 264 đổi làm quận Cửu Đức. Dưới đời Tùy, đây là trung tâm quận Nhựt Nam (Je Nan). Qua đời Đường, năm 627, bị nhập về Châu Hoan, danh gọi Dương Lư (?).

Trĩ faisán Ocellé còn ở đến chót Bắc vùng Nghệ-An. Nghệ-An xưa kia bị nhà Hán thôn cứ, qua đời nhà Ngô (Wou), năm 264 sau Da-Tô, đây là quận Cửu Du, rồi sau đổi làm quận Châu Đức dưới đời nhà Lương (Leang). Qua năm 598 trở nên Châu Hoan, thuộc quận Nhựt Nam (kinh de Je-Nam). Đời nhà Tùy, năm 607 đây là châu Nam-Đức và vẫn giữ danh này cho đến năm 622 buổi Sơ-Đường.

Nay trở lại tìm dấu vết người Nhựt-Bản, thì sử chép đầu kỷ-nguyên đã có bóng hình người Nhựt trên khuỷnh đất Nam này. Họ lập làng lập ấp buôn bán trú mật, bằng chứng là khu phố Faifo, đến thế-kỷ thứ 17 mới dẹp. Sở dĩ người Nhựt bỏ khu Faifo (Hải phố) là vì năm 1636 có lệnh của Nhựt-Hoàng cấm dân Nhựt xuất dương và ra lính những kẻ sinh nhai ngoại quốc đều phải rút lui về Nhựt-Bản. Ngày nay tại Faifo còn nghĩa địa người Nhựt, nhứt là còn sót một cây cầu bằng gỗ mộc, trên có nóc ngói, khá gọi là một di tích hay cổ tích của con dân xứ Mặt Trời. Cầu này chữ gọi là Lai-Viên-Kiến.

Trở lại giống trĩ thì trong sử Việt còn ghi tích đời nhà Chu, một sứ đoàn Việt từng đi dâng trĩ bạch qua Tàu, bặt về phải nhờ vua Tàu ban cho một đĩa bản chỉ hướng Nam cho phân biệt đường về.

Vì duyên do kể trên, người Tàu và người Nhựt phổ biến chim trĩ trong các thần thoại của họ, người Tàu gọi

đó là FUNG (Phụng), người Nhựt gọi HỒ-O, cũng đồng một con chim trĩ Việt-Nam. Chuyện thật mà trở nên chuyện hoang đường một cách dễ dàng, cũng vì khi xưa có một sự huyền ảo khó giải là loài trĩ từ thuở nào khó gặp tại nơi sinh sản, khó bắt sống, khó bầu chết theo phương pháp thời đó. Hơn đó và để thêm vẻ linh thánh, những lúc họa chim hay tạc hình vào đá, người thợ đã thi-vị-hóa, thêm nhuan thêm nhụy, vẽ giậm thêm vài chi-tiết, vài nét tuy không đúng sự thật nhưng tăng phần huyền ảo rất nhiều.

Đời xưa chưa có phương pháp khoa học thâu hình như hiện nay (tỷ dụ máy chụp ảnh), nên cũng khó mà tránh sự lẫn lộn khi mô tả những loại gần giống nhau, tỷ dụ như *phụng, loan, trĩ, công...* Nhất là tranh cổ thường có sự lẫn lộn về chim phụng. Có nhiều bức tranh, vẽ chim phụng, phần chót đuôi lại điểm chấm như điểm chấm đuôi chim công, quên rằng đối với mắt nhà chuyên môn: đuôi trĩ có hình như dấu lỗ con mắt « Ocelle » và lại nhọn nơi đầu, còn đuôi chim công thì rất khác.

Cổ nhân, khi vẽ chim phụng, tô điểm đủ màu, nào xanh da trời, xanh chói lợi màu lá cây, chỗ khác đỏ hồng tươi rói, không khác vẽ hình chim công; như thế là lầm to, vì chim *faisan Ocellé*, lông màu đỏ sậm như màu da nâu lợt (brun) lại thêm có chấm chấm vàng không thể lẫn lộn (xem hình số 3). Sự vẽ lầm, họa hình lầm ấy cũng dễ hiểu khi ta biết được thường chỗ nào có chim trĩ ở thì lại cũng có chim công ở lẫn lộn theo. Sự lầm lộn và vẽ lầm lại dễ xảy ra vì lỗi ở thợ săn, đa số khi săn được chỉ lấy lông đuôi trĩ đem về, không đem nguyên xác chim trĩ, bởi đó họa sĩ nào thiếu kinh nghiệm, chưa thấy chim trĩ thiệt, ắt lầm ngay.

Sài-gòn ngày 31 tháng Giêng 1961.

PHẦN THỨ BA

THÚ CHỌI GÀ

Con gà tốt mã vì lông,
Răng đen vì thuốc, rượu nồng vì men.

(Ca-dao xưa)

Thay lời tựa

Theo tôi :

Không thú chơi nào sung sướng và « *thể thao* » bằng tự mình săn sóc con gà nòi : ôm nó tram trum vào lòng, khi cho ăn, khi tắm, khi làm cựa, khi hong nước, ...

— Người trong cuộc gọi « *đó là thú phong lưu* » :

— Khách ngoài vòng sẽ cười : « *Nhà người bị con gà hành tội* ».

*
**

Mấy ai từng say mê vì gà, bỏ nhà bỏ cửa, lợi bộ năm sáu ngày đường, tìm chuộc giống hay...

Ấy là thầy tôi, tôi xin thọ giáo.

Jun 1961

Tưởng niệm âm thầm :

Năm 1960 vừa qua, tôi có phần nào an ủi vì được về thăm quê tại Sóc-trăng ba lượt :

— Hai lần đầu, ngày Mồng Năm tháng Tư Canh-Tý (5-4-1960) và ngày Mồng Chín tháng Mười (9-10-1960) : lúc ấy, BA tôi còn mạnh, thấy tôi về mừng, chuyện trò hỏi han...

— Kỳ sau, ngày Ba-mươi-mốt tháng Chạp Dương-lịch (31-12-60) cũng là lần chót : BA tôi vừa qua cơn cầm. Lên xuống thang lầu tuy không cần diu đỡ (BA tôi cho đến mất, không dùng gậy bao giờ), nhưng yếu đi nhiều. Tôi muốn rước thầy. Ba tôi cười : « *Đèn hết dầu thì để cho nó tắt ! Đừng làm rộn mắt công người ta* » !

Đè đầu đó là lời trời. Ngày 18 tháng Giêng d.l. 1961, tôi được dây thép về nhà chỉ kịp vuốt mặt...

V. H. S.

Hai lần về quê năm 1961, tôi lưu tâm đến một thư phong lưu, nay gọi lỗi thời, nhưng lúc tôi nhỏ, buổi Tây còn, rất thanh hành trong đồng bãi:

Thú nuôi và đá gà nòi

Bạn Nguyễn Hoài-Trang, thông phán về hưu ở chợ Sóc-trăng và người em bạn dì, chú Trầm Tư ở Tài-Sum, hai người thuật chuyện chơi gà cho tôi nghe, cách nuôi làm sao, cách đá làm sao, ăn gian bí quyết nhà nghề thế nào, mãi giờ này qua giờ nọ, tôi chưa đá con ráy...

Mấy lời ký chú đình ninh, nay chép lại, sau nhiều tháng bỏ bê vì hiếu sự, tưởng những lay mè gà, vẫn còn nhiều, sẽ tha thứ khi đọc những hàng này. Có chỗ nào sai sót, hãy giữ mình đừng giấu nghề nữa, xin chỉ bảo thật tình. Tôi xin bái lĩnh lời vàng và luôn luôn nhớ câu: « Học sư bất như học hữu ».

Ngày nay đá gà đã cấm.

Nhưng đây là thuật lai chuyện cũ, thói cũ đề đánh dấu một thời xưa, tưởng cũng nên.

Cấm đá gà chớ dấu cấm nòi và nhắc chuyện đá gà và đá cá thia thia...

Dẫn

Tự thưở nào, thích thú nhất của tôi là được rảnh rang ngồi thư thả tra cứu bộ sách Thầy: « Đại Nam Quốc Âm Tự Vị » của Huỳnh-tĩnh Của. Hôm nọ, nhơn lật quyển II, bản in năm 1896, tr. 155, về chữ « NÔI », tôi đọc:

NÔI : n. dòng, giống.

NÔI NẶNG : như trên.

CON NÔI : con chính dòng thông minh,

GÀ NÔI : gà người ta nuôi mà đá độ, chính là giống gà tốt.

NÔI NÀO SANH GIỐNG ẤY : nòi tốt sinh giống tốt.

RẤT NÔI : thật giống, thật nòi; không lộn lạo, chính là một máu một thịt, không phải là *chạ*.

MUA NÔI : mua giống tốt, cho được nòi sinh (nói về nuôi *tầm*).

ĐỀ NÔI : đề nòi sinh (thường nói về gà).

NÔI NÔI : n. t

MẤT NÔI : không dư giống ra được (nói về gà).

TUYỆT NÔI TUYỆT GIỐNG : tuyệt giống, không còn nòi sinh được.

THẬT NÔI : chính là dòng giống tốt.

RÒNG NÔI : n. t.

ĐẠO NÔI : đạo giữ đã từ nhiều đời (đạo đây là religion).

NÔI ĂN CUỚP : quân ăn cướp, con cháu kẻ trộm cướp.

NẠ DÒNG : đàn bà đã đẻ nhiều con nhiều lứa (T.đ. Nạ dòng trang điểm hãy còn xuân xanh. Tự-điền Khai-Trí).

* *

Xem tự-điền Huỳnh-tĩnh Của chưa đã thêm thì tôi xem qua những tự-điền, tự-vị khác:

Quyển GÉNIBREL, bản in 1898, viết:

CHÓ NÔI

GÀ NHIỀU NÔI

Lai —, lộn —, lai —, pha —, rặt —, ròng —, chính —, thật —, hết —, đề —, đề làm nòi, hết —, tuyệt —, mất —, Bút nghiên nghề nòi, đồ —, bị ăn trộm lấy hết đồ nòi,

* *

Day qua tự-điền GUSTAVE HUE, bản 1937, thấy:

LẤY NÔI : gây giống, cho nhẩy đẻ.

GIỮ PHƯƠNG NÔI : giữ giống dòng.

THĂNG ẤY NÒI LẦM: nghĩa là tinh ranh lắm.

CÂY NÒI: một loại cây tạp, thờ màu vàng.

* *

Bộ Khai-Trí Tiến-Đức bản 1954 :

NẤY NÒI : nghĩa rộng : thạo, sành một việc, một nghề gì.

Tỷ dụ : đánh bạc nói.

Khen rằng ấy thực đại gia con nói (Nhị-độ-mai).

Cảnh hoa việc biết, bút nghiên nghề nói (N. đ. M.)

* *

Tự-diễn Đào-văn-Tập, bản 1951, vắn vắn :

NÒI : dòng, giống. Tỷ dụ : nói quyền qui, con nhà nói,

* *

GÀ NÒI.— Tóm lại :

Trong Nam gọi : GÀ NÒI

Trung gọi : GÀ ĐÁ

Bắc gọi : GÀ CHOI

NÒI, ĐÁ, CHOI, ba nơi gọi ba cách, nhưng khắp nước, ai ai cũng biết đó là một giống gà rất khác hẳn các gà thường thấy.

NÒI, ĐÁ, CHOI, tánh tình dữ tợn, hung hăng. « chánh thị Anh Hùng », ưa đánh đá, nhưng không bao giờ hiếp kẻ yếu và mỗi khi đá lộn, tỏ ra vô cùng gan dạ, « thà nằm chết trận liền, chớ không chạy bậy ».

Hình thù.— Gà nói không ô dề như gà nuôi để làm thịt, cũng không lướt mượt mặt tãi mét như con gà trống thiến.

Gà nói gọn gàng, hùng dũng, lanh lẹn, toàn thân gân xương: hai giò cao nghẹn, cứng rắn; cần cổ liền lạc, khi

thì biết dài ra như tay võ sĩ vói đánh thế độc, khi thì biết co quắp rút ngắn để giữ thế thủ; bộ mặt lúc nào cũng vừa lanh vừa sắc, lăm lăm lý lý; cặp mắt chớp có sao; mỏ sắt, cựa thép, cần đâm đầu dính đó; tiếng gáy hoặc dài hơi để tỏ sự bền sức, chịu đựng giỏi, khi vẫn tắt để tỏ sự muốn dứt mau, chém ngã cấp kỳ; và luôn luôn gà nói có giọng hạp thời: giọng *túc con* để cho biết mình là tay anh cả có đủ tài bao học che chở, giọng *túc mái* để gọi ai kia đến đây làm bạn với ta nào.

Tự ngàn xưa, gà nói bị lợi dụng nhiều hơn ai: chủ cho ăn không đầy một nắm lúa, bắt làm công việc tay dính, bắt chơi, bắt đá, bắt làm món đồ chơi giải trí... Đã man không thua đấu bò ở Tây-ban-Nha, cuộc chơi gà càng đồ nhiều máu mủ, con người càng hưng chí say sưa quảng, bắt, cá, cuộc. (Xem hình số 6).

Nền đá chạm thơ mộng Đê-Thiên, vách đá cổ xứ Phật hiền lành Ấn-Độ, đá chạm thực thể Mã-lai, Phi-luật-Tân, Thái-lan, chỉ những gỗ chạm đơm màu Lão-Trang dính Đình Bản (Bắc-Việt), đầu đàn cũng ghi những buổi đấu kê làm kỷ niệm, sánh đồng hàng với nghề đánh vật, con gà con kê mà hiền hách không kém anh hùng danh tướng cổ kim.

Chẳng nên lầm lộn con gà nói, thuộc dòng võ sĩ, cùng với gà chạ, hoặc giả như:

— *gà ác*: lông trắng xù, xương đen, thịt đen, hàn chơn năm ngón, chỉ biết đá trong nồi canh thuốc Bắc;

— *gà cổ tức* là gà rừng nhỏ con; khi gọi « *gà ri* », « *gà che* » lâu ngày biến thành « *gà tre* » tưởng nó ở bụi tre, kỳ thật « *gà che* » do chữ Miên « *Monn che* » (gà rừng xứ Thổ);

— *gà đồng*, chánh danh là con ếch;

— *gà gô*, chánh thị đa-đa;

- *gà hoa*: gà tơ không thiên;
- *gà hồ*, giống đặc biệt của tổng Đông-Hồ (Bắc-Ninh);
- *gà kiến*: gà nhỏ con, lông đỏ như màu cánh kiến;
- *Gà kim tiền*, cũng gọi *cầm-kê* là gà lông như lông công, mà chân thấp;
- *Gà lói*, ai ai cũng biết đó là con dindon xứ Hoa-kỳ;
- *Gà mờ*: người biết mập mờ, không rõ ắt (phải do «gà mù» chăng?)
- *Gà mở cửa mả*: người dân độn, không khác con gà dùng trong lễ mở cửa mả người chết, lễ rồi thả gà nó đứng lừng kờng, không biết hương mà chạy kiếm ăn;
- *Gà pha*: là gà nòi đã lai giống, giống đã pha rồi;
- *Gà ri*: đã nói rồi nơi gà cở; đây chỉ nhắc để gọi người đệt con. (Đồ gà ri mà dám lấy Mèo cở).
- *Gà rừng*: giống gà sanh sống trong rừng, con trống thích gậy buổi sáng sớm, làm tàn; con mái, hy sinh vì con, nuôi ấp đã giỏi, thêm trốn kẻ thù tài tình;
- *Gà sao* là con gà Nhựt-Bồn, lông có đốm như sao: pintade;
- *Gà tồ*: cũng gọi *gà cở*: gà to con, ngọc ngạch ít lông.

Tùy địa phương, tùy sắc tố, *gà nòi* được tăng (trong nhiều tiếng lông từ Bắc chí Nam, do người đồng nghệ chế biến đặt ra), nào là:

- Gà bướm*: sắc lông lốm đốm, đẹp như con bướm;
- *bông*: sắc trắng lẫn đen, lộn trờ như bông, hoa;
- *bông dầu*: một loại gà bông,
- *bông lau*: lông pha đốm như hoa lau;
- *bông trích*: gà bông, mỏng như mỏng chim trích;
- *bông nhạn*: trắng nhiều;

- *chuối*: sắc pha như đọt chuối;
- *chocolat*: đỏ màu chocolat. Năm xưa ở Sóc-trăng, có gà như vậy, nhưng chủ nó không khiring dùng danh từ Pháp, nên gọi *gà Ngọt Truật*, nhắc nhớ tên tướng Phiên tọc râu đỏ hoe từng đôi dich đưng đầu cùng danh tướng Nhạc Phi đời Tống;

Gà điều: lông đỏ sậm;

- *điều lau*: gà điều có bộ lông mã pha đốm trắng như bông cở lau;
- *hoe*: gà vàng có điểm đỏ hay trắng;
- *nhạn*: gà sắc trắng phau, căng vẩy trắng xer. kẽ đỏ, mỏ trắng, con mắt bạc. (Ai gọi tiếng la nghèo? Tỷ như cũg thì *lông trắng*, nhưng phân ra: gà nhạn, ngựa kim, chó cò, trâu cò, bạc tọc bạc râu...)
- *lau*: cũng như gà bông lau.
- *mái lại*: gà trống, lông mã to sợi như lông gà mái.
- *ô*: lông như lông chim ô. Cũng gọi *gà đỏ mái lại*.
- *ô*: lông tuyền đen
- *ô mái lại*: lông đen, mã như mã gà mái ô.
- *xám*: lông màu xám, như tro.
- *xám ô*: vira xám vira ô.

- *xanh*: gà chưa xanh
- *xanh lau*
- *vàng, điều, ô vân vân* có cặp chưa xanh

Giống gà chưa xanh, thường cặp mắt như mắt ếch; gà này có tiếng là lý lợm gan dạ nhứt. Có câu ví:
«chưa xanh mắt ếch, đã chết không chạy». Do giống gà ở Long-khánh (Tân-Châu) có trước.

— Gà khác với *chân xanh* là gà *chân trắng*, *chân vàng* và gà *chân có lông* (gà xù lạnh). Gà *chân lông* có lẽ là gà gốc gà Tàu. Khi con gà *chân lông* đá hay thi hay đọ địa. Nhưng phần nhiều đều dở, dở như Ba Tàu: nhất đón, ưa chạy bầy: đem gà kia đổ máu, rồi thấy máu chảy khua, vì sợ mắc nhơn mạng!

— *Gà cúp*: rất khác với gà có lông đuôi, là con *gà cúp*, chẳng có phao cầu, cũng không một sợi lông đuôi nào. (Gặp gà hay thì hay tuyệt, nhưng cũng ít người thích nuôi, vì mỗi khi cúp độ, đều chịu thua sút con gà kia; thêm chi vào trận như là ngộ nước suy sút, thì tở lại dài, khó đứng vững, vì chưng thiếu mất một bình khí lợi hại (bộ lông đuôi) để chống đỡ lúc ngặt nghèo. Lúc ngặt nghèo có cây chổi cùn trong tay cũng chống cự được, huống chi là thiếu bộ lông đuôi trong thân con *chiến kê*. Gà cúp ngày nay ít thấy, vì ít người chịu nuôi, bợn nhàu là thú nhất vì thiếu mất một món trong « *nhị khoát* »: (*Nhứt phao cầu, nhị đầu cùn* ».)

— *Gà hóc*: nói về gà khi đá độ, mau mệt, thở không kịp.

— *Gà rù*: gà rút co kêu tiếng buồn buồn.

— *Gà nở*: không phải gà sặc lông đốm đốm như bông nở. Nở đây là bật võ ra, vì *gà nở là gà thua độ*, bao nhiêu vẩy và lông tai đều hỏ hang ra, xem thấy là biết liền đó là con gà thua độ.

— *Gà niền*: con gà thua độ, đem về nuôi lại cho sung để gạt bán cho tay mơ hay gạt người nóng tính bắt gà ấy đá nữa thì mình cứ theo bên gà kia là ăn chắc. Gọi *gà niền* phải chăng là ý muốn nói vật ấy, gà ấy đã hư nát, nay phải đánh dai niền mới tạm dùng được.

— *Gà rút*: Cũng là gà thua, đã chạy một phen rồi, nhưng chạy đây là chạy tại sân nhà, thua con gà lớn vóc cao niên chớ chưa ra trận tiền thử sức lần nào. Có khi cũng chưa từng chạy, nhưng vì trong mình không khỏe nên không hiểu chiến, không khác người đau, không ham gây gỗ, thuốc điều, đàn bà, cũng đều chê! Cũng gọi *gà chạy mất*; và có ý xem, *gà rút* và *gà chạy mất* trông hình y nhau: bộ tịch khúm núm, hai cánh treo tóp, mỗi lần gặp gà khác thì quạt quạt hai cánh muốn bắt bõ và nhắc « *bao giờ tôi cũng nhớ trận đón năm xưa* »!, tiếng kêu « *cót cót* » bi ai!

— *Gà ăn vớt, gà thua vớt*: Gà đá chưa xong độ, ăn thua chưa kết thúc, nhưng hai chủ vì tiếc gà hay nên bắt lên không cho đá nữa. Gà này nuôi lại, đá lại độ khác còn được.

— *Gà ức độ*: Trái với *gà rút* là *gà ức độ*, hai cánh xệ xệ, phùng xoè, miệng túc con túc mái phở lớ, nhưng vô ích, vì chủ dốc lòng không cho gần mái kia mà.

— *Gà công độ*: Cũng như *gà ức độ*, *công độ* là gà nuôi quá lâu mà chưa đặng độ, sức có thừa mà chưa có dịp dùng, thành thử sức ấy dồn lại trong mình làm cho khó chịu. Cũng khúm núm, đi không muốn nổi, nhưng khúm núm đây là chưa có dịp trở tài chớ chưa phải thua ai. Ta vẫn còn nói: « *Lão này ứ hơi, như con gà công độ* », tuy cùng điển nhưng nghĩa có khác.

NAM NÓI:	BẮC GỌI:
Gà đem ra trường, sắp cấp độ	Gà sắp ra sỏi (theo ô. Lê Huy Canh, Ảnh Đèn Dầu, 1961)
Ổng chân gà, cẳng gà	Đôi khớp gà (n. l.) (Theo tôi, nên viết «quản» như «quản bút» trông như vậy đúng hơn chẳng? VHS)
Gà sưng chun	Gà bị lâu dề (n. l.)
Gà đá ra trường, còn đứng nơi mức thép, nơi mức ăn thua	Con chiến kê, hay con gà chiến, ra trận, còn đứng ngoài sỏi (n. l.)
Gà đá chun tron	Gà chọi đòn (n. l.)
Đá đòn	Đòn đâm. (n. l.) Tỷ dụ: đòn đâm là hấu mạnh vào khúc dưới cần hoặc vào lưng kẻ thù rồi đá thốc khớp vào ngực (như trên)
Sỏ, mé	Đòn mé là đứng bên tổng khớp vào mắt (n. l.)
Đá tạt	Đòn dọc là đứng trước địch thủ, đá vào cần hay vào mắt.
Khai vựa lúa, khai bờ lúa	Đòn hầu (mỏ vào hầu, đá vào hầu) (n. l.)
Xạ (đá hai chun, mỏ không cần gà địch) Tỷ dụ: Gà mới xáp độ, sức lực đôi bên còn dư, nên ham xạ như hai tướng kếp trên sân khấu thử tài cao hạ.	Đòn buồng

Điều cần biết là con gà, khi đá, không bao giờ biết đá một chân như bò (theo nghề võ, ngôn ấy, ta gọi «đòn dọc

«trúc»), và luôn luôn tung hết cả hai chân, vừa cựa vừa móng, phóng tới, y như ngựa đá ra sau (võ gọi «đòn song phi»).

Gốc gác con gà chọi. — Theo tôi tưởng, con gà chọi đã có từ đời Thương Cổ. Á-Châu, Âu-Độ, Đông-Nam Á-Châu, Bắc-Việt, Trung-Việt và Nam-Việt, nơi nào, vùng nào Miền Nhiệt Đới, đều có dấu chơn gà chọi. Gà chọi sanh ra, có lẽ do sự dục nắn liền tiếp nhiều năm nhiều đời của giống gà thường: nơi nào thích *gà cựa* thì luyện cho con thú mọc cựa thêm dài để chém dữ đâm sâu, nơi khác ưa *gà đá đòn*, thì dục gà lớn con, bay nhảy mặc dù chấu chạp, nhưng đá thật đau, đòn đòn như búa bổ. Đặc tính «*truyền tử lưu tôn*» của gà chọi là: ham chiến đấu, hình thù vạm vỡ, tài kiêm văn võ, v. v. . .

Gà đòn, gà cựa. — Gà vùng Mã-Lai, Cao-Miền, Thái-Lan, lớn con nhưng đá chậm chạp; tuy vậy đòn nào chắc nịch đòn ấy: một đòn đá tỷ dụ vào cổ con gà của ta, thì đủ cho con nói *Việt giã cần chạy chết*. May sao, «*gà Miền Dưới*» có cái sở đoản là chậm lụt quá, nên thừa cơ gà Việt biết dùng cựa mau lẹ hơn thì cuộc thắng bại chưa biết về đảng nào (xem hình số 7).

Tùy địa phương, con gà nói đã thay đổi hình thù. Tỷ dụ như ở Trung-Việt, đá gà là môn tiên khiển của người tam lu, khi hết mùa lúa thóc, rảnh việc đồng áng, khi ấy mới bắt tay chơi gà. Và chẳng tiền bạc ở ngoài ấy, không phải dễ kiếm, phải trầy vì tróc vảy mới kiếm ra, bởi rứa cho nên Miền Trung thích chơi gà đòn, — một độ dẫu ăn dẫu thua, cũng kéo dài trót mấy giờ đồng hồ, có khi từ sáng sớm cho đến tối mò, cũng chưa xong một độ gà, và làm sao đôi bên cũng coi thật sừng con mắt. Vì Miền Trung chuyên đá *gà không cựa*, danh gọi *gà đòn*, nên có ý xem,

gà nòi Trung-Việt cựa mọc chặm và mọc ngắn : nó *nín cựa* vậy. Rủi thời con nào cựa mọc quá mau quá dài, thì cựa ấy cũng có khi bị cựa bót, không cựa cũng bị cựa dầu cho cựa chai đi, không lú được nhiều hoặc giả khi cựa vừa bằng hội bắp, thì chủ gà đã dùng móng tay mỗi ngày mỗi bấm, bấm thét cựa ấy tã đầu, vô phương lú được. Như đã nói, gà đòn đá lâu lơ lâu lắc mới xong một độ, nhưt là khi hai con đều thắm mệt, thì thỉnh thoảng, « trư » này mới nắm đầu « choa » kia đá đấm vài cái rồi lết bết cả khía lại nữa. Như đã nói, đá gà đòn là thú phong lưu của hạng người biết quý trọng đồng tiền đồng bạc, dầu cho nay có đem ra tung phá vào cuộc đồ bạc thì cũng muốn dây dưa kéo dài cho thêm khoái nhần.

Trong Nam, từ Tiền-Giang xuống Hậu-Giang đến miệt Cà Mau, mấy năm về trước, tiền rừng bạc biển, người dân có xu nhiều, cũng thay đổi cuộc giỡn tiền. Người Nam thích *đá gà cựa*, nên gà nào gà nấy cựa sắc lẹm như cặp « siêu đao ». Gà Miền Nam, lông cánh lông đuôi thật nhiều, nhờ đó, giới nghề bay nhảy, thêm sẵn cựa dài chnốt nhọn hoặc, nên chi may rủi nội trong một ngọn cựa, thì đủ con kia nắm một đống, có khi vừa nháy mắt, đá đá xong một độ gà, và mỗi ngày cặp đá ba hay bốn độ là thường (xem hình số 8).

Từ Ấn-Độ, Xiêm-La, Mã-Lai, đã có người lên đem giống gà hay giỏi qua đây cho nhảy với gà mái rừng, tuyển cái tài chịn đòn pha lại với cái nghề đá bay « bản xứ », nên lâu đời ở Việt-Nam có nhiều giống gà nòi rất khác nhau : gà Bình-Định, Bà-Rịa, Bà-Điền, Cao-Lãnh, Kẽ-Sách v.v..., chung qui tuy là nhiều giống nhưng ta có thể gộp lại làm hai thứ chánh thức là :

a) gà đòn,

b) gà cựa.

a) *Gà đòn*.— Gà đòn vốn là gà chun tron, không cựa, hoặc cựa mọc không dài, cựa vừa lú vậy thôi. Gà này lớn con, không khác võ sĩ hạng nặng, có người đặt tên là « *gà cù-lự* » (Và cũng vì đó, ta có danh từ « *thằng cù-lự* » để gọi những người vạm vỡ to xương). Gà cù-lự có những đặc điểm sau đây :

— Lông thưa, tuy chưa hót mà đầu tro cổ trụi; lông cứng, đòn, dễ gãy; đá xô vài lần, cù-lự đã còi cọc, xem không « *tốt mã* » chút nào ;

— Con mắt sâu hoắm, sâu lõm; da mí thật dày, tỏ ra tánh tình gan dạ nếu không nói là lý lợm ;

— Cổ dài nhòng, không khác cánh tay nhà nghề của võ sĩ, để thò nắm đầu kẻ thù và để vói đánh những quả thoi sơn ;

— Chân to căng bự; mỗi khi chạy rượt mái, trên sân đất, tiếng giẫm đui đui tưởng chừng thẳng sơn-dá nã tróc đàn bà. Chơn to ấy để đá đòn thật rất và thật xót xa. Vì không cựa, phải có chơn căng lớn, nhưng cũng vì quá lớn, thành ra chặm chạp, đá không kịp cựa đấm. Đá gà cựa, ngồi xem tưởng như đến tịch người Lôi Đại-Bàng trong « *Kiền-Long hạ Giang-Nam* », thì võ cùng người Hồ Huệ-Càn. Đại-Bàng vọc to nhưng không đảub trúng lên Tú tài học võ Thiệu-Lâm Huệ-Càn, thiện nghệ môn đá lêu thêm mũi giày có giấu sẵn con dao nhọn làm ám khí. Trong truyện nói Đại-Bàng về sau bị hạ, nhưng ngoài đời, khi gà đòn đá với gà cựa, gà cựa đấm chém nó như tử, chừng con bão táp lướt qua, gà đòn nắm được gà cựa, đánh một đòn cũng đủ mềm xương gần lia cuống họng. Kể về gà đòn, có tiếng nhưt là gà Bình-Định, không kém đàn bà xứ ấy, dầu chi cũng có một miếng võ thủ thân. Miền Bắc gà nòi ở đầu danh tiếng, tôi xin chịu đối và cũng không muốn lõe đời bằng một sự nghiên

cứu phớt qua. Trong Nam thì tôi biết có giống gà Bà-Hiến, rồi đến gà Bà-Điền, gà Hóc-Môn, gà Cần-Đước, gà Trảng-Bàng, nhưng nếu hỏi khó tôi gà nào thật hay, tôi không trả lời vội và xin mời đến trường gà sẽ biết.

b) *Gà cựa*. — Gà này, chân nhỏ, có « bộ võ học trò » nhưng đây là học trò có võ nghệ; thân hình liền lặc, toàn gân xương, không chút mỡ dư, thịt không húng beo;

- Cựa dài, nhọn hoắc, sắc bén vô cùng. Gà cựa không khác kiếm khách, hiệp sĩ, võ sĩ, đi đâu cũng dài tùy cặp phi kiếm, song đao. (Có khi con nòi già đập mái, vừa trên mình mái bước xuống, là « mu đầm » giãy chết dưới chân, vì húc hai đũa tơ-lơ-mơ, cặp cựa đã ghim thấu phổi mu hồi nào không hay biết);

-- Mắt thật lạnh, xinh tươi khả ái;

-- Bụng dạ rất tốt, không ăn tham, được một hạt lúa cũng tức mái tức con, tỏ ra mình là người anh cả trong sân, đủ sức đùm bọc.

(Tuy tôi không đá độ nào thật lớn tiền, nhưng thích gà từ thuở nhỏ. Tôi có một con, lên mua đến bảy đồng bạc (tiền năm 1915 lối đó), và thích ôm nó như ngày nay tôi giỡn ngọc thường ngày trên tay. Đến bây giờ nhớ con gà ấy tôi còn cảm tưởng êm đềm sung sướng như nhớ những anh hùng xuất sắc trong truyện Tàu).

-- *Gà nòi cựa* Miền Nam, lông lá phủ phê, luôn luôn tươi mượt;

-- Lông cồ (lông hờm) thật nhiên;

-- Lông mã (lông trên lưng) phủ giáp hai bên hông, dài lông thông như áo giáp hát hát bội, xem rất xôm;

-- Lông đuôi dài chấm đất, tỏ ra sự mạnh dạn dư sức, có khi phải hót bót cho khỏi lướt lướt. Gà nào, lông đẹp, đuôi lốt, gọi « gà ấy có phụng vĩ ».

Gà cựa Miền Nam, lông nhiều và chầy ngày bị lông phủ kín, nên « trắng da trắng thịt », không như gà đôn, thịt da đỏ sẫm bởi lông ít lại thưa. Gà cựa phải hót sạch lông, năng võ nghệ, có chịu sương chịu nắng, lâu ngày mới sần đỏ và chắc da thịt.

Giống Cao-Lãnh. — Gà danh tiếng nhất, lối mấy chục năm về trước, là giống gà Cao-Lãnh, khi đó còn thuộc hạt Sa-Đéc. Đây là giống gà các cu đời xưa đời Thủ-khoa Huân, Cử Trị còn roi dấu lại. Hai thay, gà Cao-Lãnh chỉ hay giỏi vào đời trước, rồi ngày càng lụn bại, nguyên do, theo tôi có lẽ vì:

a) Ta không biết tuyển giống theo khoa học, mắng cho gà nhà đập lẫn nhau nên lâu đời huyết thống kém suy, gà trở nên đời truy. Cái luật kiêng cũ cưới vợ lấy chồng đồng máu huyết (*đồng huyết tộc*) là không nên, xem vậy mà quan hệ vô cùng.

b) Hai nữa là vì tài nghệ bị quyết, đôn độc, vĩa tối, vĩa sáng, khi xưa chỉ gà Cao-Lãnh là thiện nghệ, thì nay các giống gà khác cũng học được có lẽ còn hay giỏi hơn nữa mà chớ, bao nhiêu lối đá độc đều bị đôn kỵ phá hu, thành thử gà Cao-lãnh nay ít thảng độ như trước...

Thiết tưởng, nếu những người chơi gà miệt Cao-Lãnh không sớm đổi phương pháp, đem máu mới thay vào lần lần và gia tăng ngón độc thủ cho giống nhà thì sớm muộn gì gà này sẽ hư nòi đi mất, unction lắm vậy.

Ngày nay miền Nam có nhiều giống mới nhập cảng, và mỗi địa phương gà có tài nghệ khác hẳn nhau:

Gà Bà-Ria, gốc từ Ấn-Độ, Mã-Lai: mái Bà-Ria có túp

râu dưới cằm. Giống gà này thịt n, xương lớn, tuy chậm chạp nhưng kẻ về gan dạ thì đứng Số Một:

— Đá chun tron, hay vô cùng;

— Sức chịu đựng không chỗ chê: nằm chết tại trau tiền, chớ không biết chạy bao giờ;

— Đá tối ngày không thôi, khỏe thì đánh vài đòn, mệt thì đứng đó ai đánh đá bao nhiêu cũng lững chịu, không sợ gì cả. Quả thật là « giống gà núi », xứng danh « *Thầy Rùa* », « *Tướng Núi* » chẳng sai.

Dữ làm sao đến mái Bà-Rịa cũng không hiểu. Đạn bà xứ ấy dùng đòn gánh bằng gỗ trắc có móc thau chắc chắn hai đầu, đi rừng gặp cạp không hề sợ. Mái nòi cũng vậy. Mặc dù giống yếu, gặp trống chạ muốn trèo là kháng cự ngay. Chừng nào đá không lại, khi ấy mới chịn nằm xuống, ai leo trèo gì mặc!

Gà Bà-Điêm: thiên nghệ đá chun tron, không biết dùng cựa, có cũng như không, nhưng đòn thật hay và thật độc. Cặp chun đá mạnh đến đổi giã cần cõ và mềm mình mấy con gà đối thủ như chơi. (Dường như không bền gan bằng giống Bà-Rịa).

Tóm lại, các giống gà Bà-Rịa, Bà-Điêm, Bình-Định, hay Hốc-Mòn, Gò-Vấp, có đặc điểm là gà il lông, to xương, cổ dài, chun đá chậm nhưng chắc đòn, tiếng là *gà Cù-lự*.

(Đá gà theo kiểu Miền Đông, cũng lạ mắt: tôi từng gặp các chủ gà không dùng lồng ép cũng không dùng bệ để nhốt con gà chiến. Mỗi người trong túi có sẵn vài nọc tre, đi đến đâu muốn « cầm gà » thì cầm nọc xuống đất rồi lấy dây nhợ cột chân gà vào đó thì xong. Chừng nào cạp độ sẽ tháo gà ra, gọn thì gọn thật, nhưng như vậy có vẻ tạm bợ, không cương gà, chủ kẻ kém phong lưu, gà cũng không xứng danh chiến kê chút nào. Đối với hạng gà chun

tron, còn được, bằng với gà cựa cũng đối đãi cách này thì ắt có ngày cựa gãy không còn cái nào.

Khi đá khi hồng nước, Miền Đông cũng khác. Ở đó, trước khi thả gà, đôi bên dùng chanh trái thoa khắp mình gà và thêm phun rượu trắng, để tỏ cho bền địch biết gà không có tâm thuốc độc hay xạ chồn, v.v...)

Gà Cao-Lãnh.— Đã nói rồi nơi đoạn trước, Tóm tắt lại thì gà này vừa hay, cựa nhạy, chém liên tu, nhưng bỏ gan, chém đâm không xuể thì cuốn đuôi chạy tét. Xưa kia có giống của ông *Cả Hiền*, nhạc gia cố hữu *Diệp Văn Kỳ* là hay nhất nội vùng.

Gà Kẽ-Sách (Sóc-Trăng).— Pha hai giống dữ: lấy sức bền dai và giỏi chịu đòn (Bà-Điêm, Bà-Rịa) chung dục với cái lanh lẹn, cựa nhạy của Cao-Lãnh. (Vài chục năm trước, có giống gà ông *Hàm Cang (Trần Như Cang)*, con là *Cậu Ba Oai* là nhất).

Ngày nay giống gà này đã mất nòi vì hai vị kẻ trên đã qua đời, nhưng miệt Kẽ-Sách, Sóc-Trăng còn thiếu gì giống gà dữ hơn nữa.

Gà Rạch-Giá.— Gần như gà Kẽ-Sách về dòng máu. Xưa có gà ông *Hội đồng Lộc* là chiến nhất. (Giống này cũng không còn).

Gà Trà-Vinh.— Có giống gà họ Lâm-Quang...

Gà Rạch-Gầm (Mỹ-Tho).— Có giống gà ông *Chủ Trước*.

Gà Bến-Tre.— Gà ông *Hội-đồng Hoái*.

Gà Giá-Ray (Bạc-Liêu).— Gà ông *Hội đồng Ngô Phong-Điền*.

Gà Phong-Điền (Cần-Thơ).— Gà ông *Lê Thọ Tường*.

Gà Gò-Công.— Gà của ông *Phủ Khiêm* và của ông *Huyện Đậu*.

Gà mái Gò-Công đúc với trống Dấu-Đỏ, danh tiếng một thời gian.

Gà Bà-Điền pha giống gà Cao-Lãnh, trở nên một giống gà vừa mạnh, vừa lạ, vừa cựa, vừa đòn.

Gà Mã-Lai pha nòi Việt-Nam, được một giống gà cựa hay, đòn dữ, danh tiếng như thời.

* * *

Nói là gà rặc giống, rặc nòi, quyết chiến, gan lì,... Gà không rặc nòi, tỷ như lai gà Tàu, tốt mã tốt bộ, lẫm lẫm oai phong, nhưng khi xáp trận, đá thắng gà kia thì còn ở, nhược bằng gà nọ đá đau, chém đổ máu, thì la choát choát, chạy cúp đuôi, không khác người tay ngang đánh lộn, thấy máu là tối tăm mặt mày, không như võ sĩ chánh danh, dù đánh không lại cũng không bỏ cuộc vô cớ.

Gà gân, gà lông. — Đã nói về gà đòn, gà cựa, trống nên nói luôn về gà gân, gà lông.

a) *Gà gân* (gà Ké-Sách, Rạch-Giá,...) khác gà Cù-Lự và gà Cao-Lãnh, vì vóc mình ở giữa, không lớn quá cũng không bé quá, tuy không mau lẹ bằng *gà lông*, nhưng toàn thân gân guốc, dẻo dai, đòn thật chắc, đá tiếng gió nghe « Ret, Ret » y như tiếng bao tay võ sĩ đánh miếng nhà nghề.

b) *Gà lông* (Cao-Lãnh, Rạch-Giá, v. v...) là gà lông nhiều, thịt ít, nhỏ xương, nhưng cựa thật bền, cựa chuốt rồi thấy đủ lạnh mình.

Gà lông lạ làng, giỏi hay giỏi xa, nhưng kém nước bền.

Gò lông có pha chút ít máu gà rừng, có tài đá « song phi », hai cựa phóng tới tuyệt diệu như cặp phi đao của kiếm khách... Uống thay, nước chịu đựng không có, đâm gà kia nếu không hạ nó nằm chết, thì kinh tâm tán đởm, đến

lượt gà kia thích lại vài mũi cựa thì đứng bết bát, hình thù như « bom hút ăn đòn », xấu hình xấu dạng. Gặp con hay thì xuất sắc, gặp con dở thì dở không chỗ nói.

CON HAY NHỜ MẸ GIỎI. — Nói về gà, thì đây là câu nhứt tụng. Có câu vi : « *Chó giống cha, gà giống mẹ* », và câu khác : « *Gà bền tại mái* ».

Vì lẽ ấy, mái nòi, ít ai chịu bán ra. Mỗi lần gà sanh con trong bầy, lựa gà trống nuôi đã đành. Đến như gà mái, lúc còn tơ, cũng lựa rất kỹ : con nào tốt bộ thì *để giống* ; còn lại bao nhiêu mái dư, thả nhắm mắt cho ai ăn nhậu làm gì thì làm, riêng chủ gà, không bán ra cũng không cho chác.

Lựa mái hay là một chuyện, nhưng cũng phải *kén trống tài* khác dòng máu, thì lựa sau đảm chắc là không thua cha mẹ : theo nguyên tắc thì : *trống hay cộng với mái hữu hạng, sanh con đó là gà dòng, gà giống* ».

Gà trống để giống, phần nhiều là gà ăn độ, nay vì cao niên, không ra trận mạc nữa, để giữ đòn hay, tài đá giỏi, nên cho *cẩn mái*, hay *để mái*, *đúc mái*, *đạp mái*, lấy giống lại. Cũng có khi dùng trống còn tơ vào việc ấy là vì muốn có *gấp giống* gà để đá kịp mùa, trống tơ ấy cũng là gà dòng, đã biết tài sức rồi. Nhưng thường lệ người nuôi gà có phương pháp ít nóng tính, vẫn chờ trống được hai ba tuổi và kén mái sung sức đúng năm mới đẻ, như vậy sanh con mới chắc được « nòi » y hệt tánh nết cha mẹ.

Như đã nói, phép đúc gà quan hệ lắm. Nếu trống và mái « *đồng huyết tộc* » thì con đẻ ra sau này lần hồi lụn bại kém sút cha mẹ thì có, chớ không hơn. Người biết chơi gà, phần nhiều không có học nhà trường, nhưng học hỏi ngoài đời lấy kinh nghiệm làm căn bản, cứ xét ở chỗ đối với loài người, chỉ những dòng giống vua chúa Á-Âu, nếu cưới gã quanh đi lộn lại cũng trong dòng họ, con

câu lấy con cò con đi, lần hồi sẽ sanh ra cháu con kềm thông minh, không đàn độn cũng tật nguyên, bịnh hoạn... Bởi lẽ ấy, các tay nuôi gà chọi hay giấu nhem gốc gác giống gà của mình dày công tuyển lựa, không mấy khi nói cho ai biết trống mái của mình nguyên ở đâu mà có.

Người chơi gà chuyên môn luôn luôn lấy kinh nghiệm làm gốc làm thầy, và bèn chỉ không ai có. Tỷ như họ đã từng thua độ vì gà địch giỏi vừa tối và cựa dậm nhấp nháy, thì khi đúc gà để bào thủ, họ sẽ tuyển giống có tài hay cao chêm dũ, trị lại đòn vừa tối của địch thủ, — biết đá bay, mỗi lần bay mỗi lần chêm, biết dùng cựa lúc xa, nap, lanh le cao tài hơn giống gà ỉn độ năm xưa, thì ắt trả thù được chắc chắn rồi, tóm lại họ nhớ kỹ cho đến đời con gà ỉn độ năm giỏi miêng vừa tối thì nay họ lựa giống gà biết móc biết khều đầu gà địch không cho chun vào nách và biết đá liền liền khiến con gà kia không kịp đỡ thì lấy gì trở ngón.

Thầy Rùa độn thò vào cánh kẻ thù?— Nhưng nghề đá gà thiên hình vạn trạng, mình ần nhãn «tâm sư học đạo», thì bên kia cũng dễ phòng tìm hiểu con gà trong lai của mình, họ chạy mắt nhìn thua hơi hoai thì mình cũng khó trả thù, kịp đến ngày họ nhận lời chịu đá thì biết đâu chừng họ sẽ có phép cao hơn, và mình lại phải thua nữa mới tức cho.

* * *

ĐÁ GÀ DAO.— Rồi cũng bởi đá gà cao tri hơn nhau ở chỗ bền chí dày công luyện đúc con gà nòi lâu lo lâu lác, nên dân Sài-gòn quen tánh ăn xổi ở thời, không chờ đợi được, bèn bắt chước phong tục Mã-Lai «chơi gà dao». Đá gà dao thì giống gà không cần thiết lắm có khi gà ngoài chợ lựa con nào tốt bộ, may thời nó ghim một dao nhằm chỗ nhược thì hốt bạc như chơi, gà chạ ăn gà nòi là vậy. Có câu «May

rủi một mũi cựa», «hơn thua một cựa» là thế ấy. Đá gà dao là đá theo sự cầu may, một cuộc đánh bạc nhiều hơn một cuộc đấu trí, thi sức bền, sức giỏi chịu đựng, con nào chém trước được phần hơn, chủ nó chắc có tiền, con nào không biết chém, có sẵn dao không dùng kịp thời, sa cơ, chạm một đòn thì đã nằm một đồng bỏ thầy trận tiền. Đá gà dao coi chưa mãn nhãn, có khi vừa giục mắt thì gà mình đã thua. Chỉ tội nghiệp cho gà, không cần đồng giống, người đá gà thua mãi họ điên đầu mua gà chợ cấp độ đá liền liền, gặp «ông bà độ mạng», gà tuy gà Tàu nhưng Tàu võ nghệ, vô trường đi nước tiên, hạ địch một dao, chủ thì lượm tiền, gà ngẫu nhiên lại lên chun «gà chiến»!

* * *

ĐỒ GIỐNG.— Đồ giống thường lựa hai giống khác hẳn tánh tật, trống gà gân, mái Bà-Điêm, trống Cao-Lãnh, mái Mã-Lai, vân vân, cốt dung hòa hai thứ: đức tánh của mẹ cha thọ lãnh đủ thì gà sanh ra là gà có nghề, tức gà nòi vậy.

Đố ai, dẫu thân cách mấy, hỏi mượn mái hoặc nài mái lấy giống được bao giờ. Thà giết con gà «làm bồi ỉn nhậu» mà vui lòng với bạn, chớ chẳng bao giờ chủ gà đành lòng cho đời mái khỏi gốc. (Tập Võ Thú Y số 7 năm 1950).

Một trứng nòi mất đi cũng đủ gây thành đám giặc nhỏ nữa là. Cũng trong Tập Võ Thú Y kể trên, có nhắc lại một giai thoại lý thú: «Có lần ông Bảy bị ăn cắp mất một trứng trong ổ gà đang ấp. Bình sanh ông Bảy rất điềm tĩnh, thế mà phen ấy ông đã lên cơn thịnh nộ, một hai đời đuổi tên mái nghệ tin cậy của ông, vì nó sanh dạ bất lương

đám lên cấp một trứng bán đôi Năm Đồng Bạc (thuở đó một chục mười trứng giá ngoài chợ là tám xu, chín xu, là cùng). Sau đó, người chủ mưu ăn trộm trứng, liệu không êm, phải mang trứng đến trả cho ông Bảy và còn nấn nỉ thiếu tiền «*thụt lười*», công chuyện ăn cắp trứng dần xếp mới xong».

Vì sợ mái bị cắp trộm nên thường chủ gà chỉ lựa đủ số cần dùng, con nào tốt nhất trong bầy sẽ dành lại, kỳ dư phải hy sinh để tránh sự đánh cắp.

Người nuôi gà chính tông không ăn thịt gà nòi, một là dị đoan sợ xúi quẩy, hai là không nỡ và không đang tâm chút nào vì dầu sáo gà nòi là khí cụ, đồ nghề sanh sống.

* * *

LỰA TUYỂN GÀ.— Từ lúc trong trứng nở ra đến khi trộng cây, gà nòi con cũng không có sự săn sóc gì đặc biệt khác hơn cách nuôi gà nhà để thịt. Nhưng gà tơ được mười bốn, mười lăm tháng là mở mùa được nuôi thức để sau này đá độ. Sơ khởi, chủ bắt gà «*xổ thử*», tức cho hai con «*thảo vài đường*» trước cặp mắt lão luyện nhà nghề để xem võ nghệ đường bao. Hai con đây, một lão tướng, một tráng sĩ, một già một trẻ, gà tơ đá cùng gà có độ, để xem cách thức tay mơ chống trả, cự địch cùng gà có kinh nghiệm ra thế nào. Nhưng đây là cuộc xô chơi thử sức, nên phải bịt cựa đôi bên để tránh sự rủi ro: biết đâu chừng, trong lúc tranh phuông, lỡ một mũi thoi, cũng đủ hư một trong hai con gà quý giá. Và tuy gà tơ đá với gà già là tài sức dị đồng, một già một trẻ, nhưng trên trường chinh chiến tài không đời tuổi, già kém trẻ cũng là thế gian thường sự.

Bịt cựa gà thì dùng lá chuối khô lột bên trong, ngoài dùng giẻ ràng rịt hay da mềm quấn nhiều lớp rồi lấy dây nhợ mịn buộc rút thật chắc. Trong khi xô, lâu lâu cũng phải xem chừng lại sợ cựa ló không thấy, chém bậy vào mắt vào mang tai gà thì khổ.

Tuy cùng bầy cùng mẹ cùng cha nhưng có con hay con kém, giỏi dở không đều. Khi tuyển chọn «*cử tử*» làm vậy, con nào tệ quá thì cho thêm sả ớt, bột cà ri đưa tiễn uó vào nôi cho rảnh chuyện; không ăn thịt thì thủ tiêu cách khác, lơ đỉnh chủ lạ bắt về nuôi tìm hiểu ngón đá, nghiên cứu chỗ hay chỗ dở của giống gà thì cơ đồ bại lộ rồi.

Con nào vài được sẽ nhốt riêng, còn kiểm soát vài lần nữa rồi sẽ quyết định. Trong khi luyện tập và chờ đợi, chú gà có một thú vui không có trong nghề khác là xúm nhau coi chun coi vảy từng con gà, tiên đoán hậu vận mỗi con sau này hay dở ra thế nào:

Chun càng nhỏ chột càng quí.

Cựa phải đóng sát thời mới hay. (Thời là ngón chun phía sau). Cựa, thịch cựa sườn sể, mũi phải quót lên chút ít, thép thật nhiều và thật dẻo. Như vậy mới là cựa độc, cựa dữ. (Thép đây là lớp vỏ cựa, chất men xương, không phải lớp vôi đóng ngoài lớp vỏ này). Cựa độc hơn nữa là *cựa sáp* (cựa lớp ngoài, dẻo như sáp). Còn cựa làm thường là *cựa nôi*, có lớp vôi khô đóng ngoài, chuốt hoài cựa vẫn bôi rời, cựa này ít đảm. Trong cựa còn một khúc xương, (cũng như răng của ta có xương bên trong, men, ngà lớp ngoài), khi nào gà sút cựa, hoặc vì chuốt mỏng quá, hoặc vì duyên cơ khác, thì con gà ấy hết xài, không dùng đá độ được nữa (gọi là «*ê cựa*»).

* * *

GÀ NƠI CÓ TÊN CHĂNG ? — Trong tạp san « Ánh Đèn Dầu » số 1 năm 1961, ông Lê Huy Oanh viết về « Thú chơi gà chơi », tôi xin phép tác giả cho tôi trích ra đây những tài liệu này :

1) *Con Tia Vía* : Gà này bộ mã màn đỏ tía, sở trường đòn vĩa. *Đòn vĩa* là « chuyên luôn vào nách gà địch, lòn đầu lên nắm cổ nắm vai, nắm lông trên lưng rồi đá thốc lên. — đòn này có thể làm gãy cánh gà kia. Và công dụng đòn vĩa là làm tiêu thiệt ngực và cạnh sườn, làm sả cánh gà địch. Bị vĩa thét, gà địch sẽ yếu sức hết gân hết cốt, đá không mạnh đòn nữa ». (Lê Huy Oanh)

Và tôi xin thêm : Có hai cách vĩa :

a) *vĩa sáng*, như ông Oanh đã nói ;

b) *vĩa tối*, là chun vào mình gà kia, núp luôn dưới cánh, lựa da đùi, da nách non, kẹt cánh, mảy chỗ nhược đó, nắm chắc vừa đá vừa đâm, khi thẩu phổi, khi lũng hông, khi xệ cánh, mỗi đòn như vậy là y như hốt tiền thồn vào túi chủ.
V.H.S.

2) *Con Xám Bốn Kỳ* (có lẽ thắng bốn độ rồi) ;

3) *Con Cáp-Tổ-Vân* (xem truyện Đường chinh-đông) ;

4) *Con Tiết Nhơn-Quy*, tức là *Tia Vĩa* (Đường chinh đông) ;

5) *Con Điện Quang*, ở Nghệ-An, đem lên đá ở Hà-Nội, sở trường mé nhanh như chớp và có thể đánh thông luôn hàng chục đòn một lúc ;

6) *Con Ô Năm Kỳ* (thắng năm kỳ) ;

7) *Con Xám Nhật-Nguyệt* (cựa một đen một trắng) ;

8) *Con Mơ Bốc Cát* (đi chun như hốc cát vãi lới).

9) *Con Tia Li* (lâm li).

Ông Lê Huy Oanh cho biết thêm ngoài Bắc, có sới Cụ Bá Chấm ở Ở Chợ Dừa là danh tiếng nhất (Tài liệu trong « Ánh Đèn Dầu » số 1 năm 1961).

Trong Nam, gà hay không ít, cũng có tên riêng như gà ngoài Bắc, tên cũng tương tự làm vậy và phần nhiều mượn tên các danh tướng trong truyện Tàu mà đặt, nên không kể làm gì. Duy vài tên có vẻ bản xứ ngộ ngộ như « *Xám Chủ On* » (tên chủ gà), « *Ô Xoài-Cả-Nả* » (ai đến làng đó cũng đem về cả nả xách xoài), « *Nhạn Durban* » (gà nhạn của lục sự Durban), « *Điều-Phụng* » (đẹp như phụng) v. v...

Ngoài ra, có một mớ tên rắc mùi Thổ : thắng độ, người Việt nài mua rồi để tên y mà gọi ; rất là thơ mộng :

— à « *Snghiee chong khnai* » (cựa đóng ngay vẩy giáp) ;

— à « *Khmanu chac chru* » (ô đâm sâu) ;

— à « *Điều Chung Kra-bây* » (Điều chuồng trâu)...

(à đây là trợ từ, đồng nghĩa với « thắng »)

* *

CẮNG GÀ. — Ban này đã nói về cặng, nay xin tiếp. Cặng chia ra có :

— cặng vuông ;

— — tròn ;

— — nhỏ. Chân càng nhỏ lại thích hơn chân to (cũng như roi, nhỏ sợi đánh rất đòn hơn to sợi).

cặng nhỏ và eo khúc giữa : qui lắm và gà này hay lắm ;

cặng vẩy khó như gà chết : đừng tưởng như vậy là xấu, trái lại, cặng khô khan như vậy, và vẩy đóng

thật sát, rờ nhám xam (như gà chết) qui lằm. Gà này đá đòn vừa đau vừa rát.

Cẳng gà : ngoài Bắc, theo ông Lê huy Oanh trong *Ảnh Đền Dâu*, thì gọi là *khoản*. (Theo tôi tưởng nên viết « *quản* » như *quản bút*, trúng hơn).

Trong Nam, cẳng cẳng gà thì gọi là *cáp cán* (*cán* là cái chuỗi để cầm : *cán gáo*.)

CỰA GÀ. — Nhiều thứ :

- *song đao* (quót mũi như đại đao) ;
- *song đao nghiêng*, cũng gọi *cựa cắt chéo* (cựa độc) mũi quót và nghiêng ra phía sau chút ít ;
- *siêu đao* (quót ít hơn song đao, cựa này cũng độc lắm) ;
- *giao chỉ*, ngay chò và ngó nhau ; khi nào vừa ngay vừa bỏ mũi ra trước thì là *cựa hừng gió*, ít chém, gần như vô dụng ; cũng gọi *cựa ngó hàng quan* ;
- *chỉ địa*, ngay và ngó xuống đất ;
- *nhứt nguyệt*, một mũi đen, một mũi trắng, hoặc là cựa phân nửa đen, phân nửa trắng (cựa dừ) ;
- *hom lạp* : cựa ngoéo ra sau hơi nhiều và cong như cặp sừng trâu ; (khi cựa ngó ra sau, hễ ít thì « *cắt chéo* » (tốt), cong nhiều thì « *hom lạp* » (xấu) ;
- *cựa êm* : cựa đóng theo *thời* (sát ngón sau) và thuận một chiều, như vậy là êm. (Nghịch với *cựa êm* là *cựa hừng gió*, ngó hàng quan) ;

* *

VẦY GÀ. — *Vây đóng hui hàng trơn*. — Vây đều, như vậy là tốt.

Vây « án thiên phủ địa ». — Chia ra hai thứ :

« *án thiên* » : có vây lớn nằm sát dưới gối, trên những vây kia ;

« *pủ địa* » : vây lớn nằm trên ba ngón dưới các vây kia ;

Vây khai hậu. — Vây này ở sau chân, khi vây ấy nứt thì gà vô dụng (không xài được) ;

Vây khai tiền. — Vây này ở trước, nếu nó nứt về bên trong thì gà còn xài được ; nếu vây nứt bên ngoài, thì gà hết xài ;

Vây yển ngay ngón giữa. — Vây này đóng ngay ngón giữa, lót nhỏ ở trong, qui lằm : ấy là *linh kê* ;

Vây nấn. — Vây liền một miếng, không có đường chình giữa ;

Đầu đầu nhìn miệng. — Từ đầu gối xuống, vây nhỏ đầu giáp lại thành một, ấy là « *đầu đầu nhìn miệng* » (gà này không xài được) ;

Vây dậm chấu. — Vây nhỏ ở sát ngón chân trước (trước khi đóng ngón) (gà này ít ăn độ lắm). Cũng gọi « *Liên giáp ngoại* ».

Vây rọc chấu. — Vây cắt đứt ngay, sát chừa (có chỗ gọi « *lọt chấu* », nhưng gọi « *rọc chấu* » trúng hơn. (Gà này thường gặp rứt rỏ nhiều, bị đâm đui mắt, v.v.)

Ngậm thẽ. — Vây đóng đều nhưng có một vây nhỏ chẻ hai là ngậm thẽ (gà này không tốt mấy) ;

Nát gối. — Vây nát bẩy từ trên đầu gối nát xuống, xằng xít không đều hàng. Nếu gà ngang thì vô dụng, còn về gà đòn vẫn xài được, và có nhiều con hay vô cùng (Trầm Tư, 9-10-1960).

* *

Đến đây, nói cũng đã rất nhiều, mà không nhằm vào đâu, — có người sẽ hỏi tôi như vậy. — Và đây là bảng tóm tắt, so sánh *tốt, xấu*, trong hai cột sau này, trích trong « *Tập Võ Thuật Y* » Xuân Nhâm-Thìn (đéc. 1951), tr. 670, 671, 672 :

LỰA TỪNG BỘ PHẬN CỦA GÀ :

TỐT

1) *Đầu.*

Đầu nhỏ, theo xuôi với cổ ;
Mỏ nhỏ, ngắn và chắc ;
Khóe miệng sâu, rộng ;
Mõng nhỏ (héo) hay vừa, mọc cao và ngay, hoặc bỏ ra phía trước, hoặc nghiêng sang một bên (bên trái thuận hơn) ; Mi mắt mỏng ;
Mắt sâu vừa, mắt thau, mắt bạc, mắt ếch, mắt sao, nhưng con người phải nhỏ, và dễ cảm kích (mở ra, đóng lại dễ dàng) ;
Gò má cao, da mỏng, đỏ tươi ;

2) *Cổ hay cần cổ.*

Cổ dài và thon, tròn, khớp xương kín, cứng, liền lạc, ngay ngắn, xuôi từ đầu đến gốc cần chắc vững.

3) *Thân mình.*

Mình dài dòn, sâu đạo, phao câu lớn, xương ghim

XẤU

Đầu to, ngược lại cần cổ nhỏ hơn đầu ;
Mỏ thô, dài, yếu ;
Khóe miệng *cạn*, hẹp ;
Mõng lớn quá, « *tráp* » xuống nhiều, che lấp mắt, như loại mõng đầu, mõng trích phía sau có lỗ lờu ;
Mi mắt dày ;
Mắt sâu quá (chậm), hay lộ ra quá (nhất thêm dễ bị đui) ;
Mắt « *ốc cao* » (mắt đỏ), mắt hột lựu, mắt lớn quá và tròn cũng quá lớn ;
Mắt đen thui ;
Má hóp, da dày, không láng bóng.

Cổ ngắn quá, hay dài mà đẹp, chia ra từng khúc (cổ cò) xương thừa, cổ mềm yếu (lắc qua lắc lại dễ dàng).

Mình tròn « *hột mít* », trệt lườn (lườn tam bản), phác

TỐT

khít, xương lườn dài ra sau, cứng và ngay thẳng. Cánh lớn và dài, bắp thịt ở cánh (*trái chanh*) lớn, nở nang, rõ ràng.
Lông cánh dài và khít, rậm.
Cánh chấp sát, tròn và dài tận phao câu (*cánh cỏ trai*).
Lông đuôi, lông bờm, lông mã nhiều, dài, cứng mà dẻo, nhỏ bản : lông thép, lông gân.

4) *Đùi, cẳng, chân, cựa.*

Đùi, lớn, dài, bắp thịt nở, cứng, đùi « *phân ba* » là đùi dài hơn cẳng hai phần ba (cẳng ngắn có một phần ba). Cẳng, giò, cấn hay « *quản* », từ gối đến « *châu chân* » hay bàn chân là bộ phận cần thiết nhất của con gà chọi, không khác bốn chân của ngựa đua.

« *Cán* » tròn như tháp bút hay có ba góc rõ (cạnh thước), cặp cán xương thắt trên nở dưới ngắn hơn đùi, ngón chân dài nhưng kháp xương ngón lớn và rõ rệt, móng cũng dài, nhọn, bén.

XẤU

cầu nhỏ, mềm, lưng lay, xương ghim hở nhiều, xương lườn cụt hay « *vay* » (gà thiếu xương khi còn nhỏ).
Cánh cụt, nhỏ xương, ít thịt bắp « *trái chanh* » lép.
Lông cánh thưa ngắn, Cánh không chấp sát, cánh « *áo tai* ».
Lông đuôi, lông bờm cò, lông mã thưa cụt, hay dài mà mềm, lớn bản như lông gà Tàu, gà pha. Lông bời rời và bờ, dễ nhỏ, dễ rung.

Đùi nhỏ, cụt, thịt teo, mềm, đùi với cẳng (hay *cán*) gần bằng nhau (đùi phân đôi).
Đùi ếch (ngay xuống với cẳng như cây cột).

« *Cán* » thô, to, cấn thịt, trên to, dưới nhỏ, hay sườn đuột (cán bánh cụng), bàn chân nhỏ, mấy ngón đều cụt, móng vắn. Chân « *sinh* » nhiều thịt, ít xương và gân.

TỐT

Ngoài xương cẳng là lớp da mỏng có vảy, hình thức khác nhau :

— Vảy mỏng đều, hai hàng trơn hay ba hàng cẳng tốt. Vảy lốt nên biết (nhưng chẳng nên tin như vảy chẻm mắt, vảy ăn độ) :

a) Vảy « *Án thiên* » : một vảy lớn nằm ngay dưới gối, trên những vảy kia.

b) Vảy « *Phủ đĩa* », một vảy lớn nằm trên ba ngón chân, dưới các vảy kia.

c) « *Liên-giáp-nội* », một vảy lớn nếu đứng ngang ngang hàng cựa, hình hơi giống hàm rồng (?) thì gọi « *chám long* » nếu giống miệng cạp (?) thì gọi « *chỏ khẩu* », nếu hình tròn như mặt trời thì gọi « *nhật thân* »...

d) « *Huyền chám* », vảy nhỏ xiu cheu chính giữa các vảy khác đứng ngang cựa.

e) « *Giác thập* » hay « *huyền cung* », hình như chữ « *thập* » hay chữ « *thập* » cong vô cựa.

f) « *Khai vương* » hay vảy dính nhau hình chữ « *vương* ».

XẤU

Vảy to sẫm và dày, không rõ ràng, không sáng sủa, vảy loạn hay có « *giáp ngoại* » và các hình vảy khác mà mấy nhà chơi gà đều chê là xấu, nhưng không cần nghĩa được tại sao xấu, tại sao xui :

1) *Gối nát*, vảy loạn ở trước và sau gối.

2) « *Rọc châu* » ở kê ngón sắp lên, có hai hàng vảy hai bên, thành ở giữa có một đường nhỏ.

3) Các vảy lớn hay dính với nhau mà ở hàng ngoài cựa đều gọi « *liên-giáp-ngoại* ».

TỐT

Cựa.

Cựa nhiều *thép*, chột nhỏ, tròn.

Cựa đóng sát *thời* (ngón sau).

Cần nhất là « *vọng* » cựa, chiều cựa theo ngón sau, khi xếp xuống phía ngón hơi cong lên, nghiêng, từ gốc đến ngọn cựa, lối 10 hay 12 độ (degre) và dài lối 3 tới 4 phân là cựa « *đáng sợ* » hơn hết.

XẤU

Cựa không *thép* hay ít *thép*, nhiều phao.

Cựa « *củ cải* » to *chột*, đóng *treo*, cao.

Cựa chuỗi xuống (chỉ đĩa), xóc lên gối (*chỉ thiên*), « *hưng gió* » hay « *gài cựa* » (xoay ngang), cựa « *quẹt* » ra phía sau, và chúi đầu xuống. (Tài liệu trong « *Tập Võ Thủ Y* » Xuân Nhâm-Thìn, 1951).

TẬP LUYỆN GÀ ĐỂ ĐEM RA TRẬN MẠC.

Gà gần ngày ra độ, càng được luyện thúc tới. Mười lăm hôm trước ngày ra trường, lão sư kê đã lo *nhồi gà*. Cách *nhồi gà* là ôm con gà để trước mặt, lấy tay hữu bọ hai ngón dưới ức con gà, nâng nó lên, cẳng gà hồng mặt đất độ hai tấc, *nhồi* con gà nhẹ nhẹ tập cho nó biết ý thủ thế trước, bỗng lẹ lảng vừa *nhồi* mạnh vừa rút tay ra : tự nhiên con gà mất thăng bằng và rơi xuống, sẽ chổng cẳng và phải dùng hai gối chống chỏi thế nào để khỏi té. Đó là thể cách *nhồi gà*, tập cho gà mau cứng : cứng gối, cứng châu cẳng.

Cũng từ nửa tháng trước khi ra độ, gà được nuôi thúc. Ngoài số lúa thường nhứt, gà được ăn thịt bò tươi xắt vụn cỡ đầu ngón tay út (mỗi lần bốn năm cục) hoặc hột gà sống. Tráng tươi khẻ một đầu bằng mũi dũa, kê sát vào mỏ thì sẽ thấy con nòi cầm đầu uít ngon lành cho đến khi sạch ráo mới thôi. Ô hay ! người lớn nút sữa bò hộp, võ sĩ nhâm nhi hột gà để tâm bồ. Con gà chiến cũng đi một đường chứ gì ?

Hai ba hôm nữa đến ngày xuất chinh, chủ nuôi trông nom cho gà từng ly từng tý, lo còn hơn mẹ lo cho gái về

nhà chồng. Đang đêm đánh thót dậy, ra xem chừng gà: ăn lúa có bỏ dư lại không và lòng lỗ tai còn đủ hay rụng khá nhiều? Trời khuya lạnh cách mấy cũng phải thức giấc đúng giờ, xách đèn rọi ra tuần con gà ngủ hay thức. Dầu gồm ghé cũng rán, phải xem phần gà: khô, đặc sệt hay lỏng...

Kinh nghiệm dạy rằng: cứt gà còn lẫn lộn lúa hột là triệu chứng « me-xừ gà » ăn không tiêu. Gà rụng lòng tai, bỏ ăn, đêm không ngủ, ỉa cứt còn lúa hột là gà không mạnh khỏe, cũi Thầy, ôm gà ra đá thì có mồn « thua bỏ xừ »: mười độ mất liền đủ mười! (Xin hỏi nhỏ: nuôi và săn sóc gà được như kể trên, còn cha mẹ mình đã dưỡng nuôi tới mức đó chưa?)

* * *

SẮP ĐẶT CHO GÀ RA TRƯỜNG CHIẾN ĐẤU.

Bữa ra trường, sáng sớm tinh sương là lão sư kê đến trại gà, bồn than ôm từ con trống ra khỏi chuồng, vuốt ve mơn trớn, « nưg » đã đời rồi mới cho vào lồng-ép. Phép nhốt gà vào lồng-ép cũng có kỹ luật và rất mỹ thuật: phải bưng con gà dứt ngược, để cho đuôi gà vào trước chớ nhà có điệu nghệ không bao giờ dứt đầu gà vô trước vì có ý hiệu đưa đầu gà chun vô là mất thể thống con gà; và dứt đuôi gà vô lồng trước thì khi vào lồng, con gà ngó mặt ra cửa xem oai nghi hơn, khi đến trường, đưa gà cho vào bới thì y như rước « có đầu » mở cửa « thỉnh » ra, chớ không bắt đi ngược mất thể thống và mất vẻ long trọng đi.

Sư kê quan sát kỹ lưỡng một lần chót trước khi đưa gà ra tranh đấu: tay vuốt mõ gà, miệng tróc tróc kên tên từng con một, hỏi han ân cần như vị tướng khuyến khích binh sĩ trước khi khai chiến:

— Con *Điền-Phụng*, mầy rán cho ba phen này một độ xuất sắc lừng danh xem nào?

— Còn con *Xanh Mã-Lai*, khỏi dẫu, mầy nhớ làm cho tao một chiến công « *xiết điện* », nội trong nước nhứt coi nào?

— Còn này! *Hồi-Mã-Thương Nhạn La Thành!* Tao khỏi dẫu nhiều. Hãy nhớ kỹ cái đòn độc nhứt, một ngày tót năm vua năm xưa xưa kia chớ?

Trên mỗi lồng-ép đều có choàng một chiếc khăn vuông vải đỏ, khăn này luôn luôn phải che theo chiều nắng, không khéo con gà say ánh sáng hay ngộ cảm vì ngọn nắng chói ngay đầu ngay mắt mà nguy to!

Sư kê cũng có phận sự kiểm điểm lương thực của mấy trống. Phải nhớ mang nước ở nhà theo cho gà uống, e chừng không quen nước lạ, ngộ thời bị chạnh nước, chói nước, thì còn gì công phu luyện tập?

Cơm ở nhà nấu để nguội, vắt sẵn hờ khi đựng độ sẽ có cho gà *ăn cầm hơi*. Trước khi gặp độ, không gà nào được ăn lúa sáng bữa ra trường và chỉ được uống nước cầm chừng trừ bữa ăn: kinh nghiệm cho biết gà có hột lúa trong bọc điều, nếu chưa tiêu kịp, không khác võ sĩ ăn no, xáp trận, chúng đánh « *coup d'estomac* », ói cơm mà báo! (bọc điều cũng gọi bầu điều hay bầu lúa, và danh từ « *Khui bồ lúa, bầu lúa* » là ám chỉ xúi con gà nhà đâm ngay bọc chứa đồ ăn của con gà địch. Ngón này độc thủ vô cùng, vì gà bị thương chỗ nào còn trông mong may vá, duy bầu điều bị khui rồi thì *chủ* gà chỉ chờ giờ phút xia tiền thua độ).

Đồ nghề lợi hại, dụng cụ tối cần của sư kê là chiếc khăn điều để bông nước, khách chơi gà xem trọng như lá cờ lệnh của một đạo binh, đó ai dám rờ, trừ phi lão

sư kê, đi đâu cũng vấp trên vai, hãnh diện còn hơn kếp hát bội với mấy lá cờ xanh đỏ cắm sau lưng, và mỗi khi chiếc khăn roi giữa trường hay trong vòm nước là biểu hiệu chủ gà, sư kê, và chiến kê «*dầu hàng vô điều kiện*»! Không khác trên võ đài bọn làm nước quảng khăn nước lên dài để cứu chàng võ sĩ bị người đánh hơn đánh người!

Ngoài chiếc khăn lĩnh, sư kê đòi tùy một hộp thiếc nhỏ đựng đủ thạp vật, từ cây kim, sợi chỉ may, dao con thiết bèn, kéo nhọn, vải sạch, miếng sành miếng chén (dành khi làm cựa) và còn bao nhiêu tổ nhuyễn khác, đều là dụng cụ bí mật hờ khi gặp rúc thì có sẵn: chước cạo mũi cựa cho thêm dừ, vá vết thương, may chỗ bị đâm, v.v...

Chiều nào gà nhà ăn độ, thì chủ tờ hả hê, miệng cười toàng hoạc: sư kê được thưởng, chi thẳng mại củ nghệ, một nước tiểu cũng có tiền «*xúp*» phủ phê!

Chẳng may gà nhà thua độ thì trại gà lặng trang như có người đau kẻ chết. Tỉnh thoảng nghe tiếng đồng hồ rền rĩ và tiếng thì thầm của chủ gà bàu bạc với lão sư kê: nếu không đỡ thừa đỡ lỗi thì là trừ liệu rút kinh nghiệm chờ khi trả hạn.

* *

LỰA TUYỂN GÀ NHƯ THẾ NÀO? — Tôi có một tật lớn khó chữa, là viết văn như kể chuyện, -- bị rầy hoài mà cũng vậy, là không bao giờ trút bầu tâm sự ra hết một lần. Làm như thế, theo tôi, nó chán ngấy như gặp một tô phở «*bảy chục đồng*» xộn xộn, nuốt khó trôi. Với phở thì tôi «*xả hơi một tý*». Với câu chuyện tôi cũng ngắt nó ra, vừa búi tai thì tộp, đợi dịp khác, tôi thừa thế nối lại, -- theo tôi làm như vậy, độc giả hay khách hàng quan, tuy không bằng lòng nhưng cũng phải ép dạ nghe nốt, khi nào

liệu khách quá buồn ngủ vì lời nói quá người người, khi ấy tôi sẽ «*chế xăng*» tôi chọc cho tức cười, khách tỉnh giấc cũng thừa tha đôi mớ. Gặp người khó tánh, bởi ăn lâu tiêu nên chậm nghe, tôi còn một câu thần chú xin «*Tổ đái*», mẹ cho lúc nhỏ:

«*Theo này là theo có duyên,*

«*Ai lấy chồng theo, làm tiên ba đời!*»

Tôi đọc lên, tuy chưa ai thành tiên, nhưng sau khi «*nói chữ*», họ cũng bỏ qua luôn, thế là rồi chuyện...

Nay bị quyết nhà nghề đã khai thiết, tôi xin trở lại:

CÁCH LỰA GÀ KỶ NHỨT. — Gà trống vừa lứa, chỉ bắt vô trai, rửa churn, coi vẩy. Khám xét từng con. Con nào liền da liền xương, không bệnh tật thì nuôi; con nào tệ thì thịt thì chén. Ít khi bán ra, sợ kê thù chơi nghịch lên sai mua với ác tâm «*hoc đường thương đường kiếm*» rồi tìm đôn trị lại thì chết ch. !!!

Con gà nòi, thịt rất ngọt ngon, nhưng bấy lâu tiếng đồn «*trưng gà lợn ứn cũt*», «*thịt gà nòi ăn nổi đờn*» là ý muốn chừa món ngon cho bọm nhậu và muốn dung dưỡng một loài điền thú sanh sản ít. Nồi thịt nhiều, gà tơ thịt ngon theo thịt gà tơ; gà già thua độ, nghệ tắm lâu ngày, da sần sần, thịt cứng giòn, trai trai còn rắng đủ, nhai ngon lành, mát miệng, khi nấu cà-ri, da dày giòn rum, khi giả thịt rừng thịt thú xào lạng, ngon riết ngọt diên, ngày nay ngồi viết lại đây còn thêm nhiều nước dãi. Có người không chút lương tâm, thua độ gà buổi trưa hớt tiền, ôm con gà về, hiền thê giần lầy không nấu cơm, phần gà bị cựa đâm bấy bả dây minh, nếu làm thịt nhỏ lông sạch, tẩy vết bầm vết máu tím đen, ắt không tai nào nuốt vô khỏi cổ, lòng ác cảm đã lên cực độ thêm tám gương đàn bà treo mỏ không dọn cơm. bèn ra sau bếp, để nguyên con gà sống nhả vào cối giã gạo, (bộ đồ lòng lấy lên trước làm món nhậu lai

rai), rồi lấy chày quết con gà vừa lông lá, xương thịt, máu ra đổ cối, quết như rôi để y vậy cho vào trã lớn, bỏ ba hột gạo sót dit khắp, làm nên món ăn bất hủ : « *gà nấu cháo cối!* ». Ăn gà nấu cháo cối, không cần thịt, chỉ húp nước ngọt... Bụng sần đôi là một điều kiện, tiền còn lại vừa đủ mua một xy để đưa qua là ráo « *không đủ cay mới* » là hai, mấy lời chua chát ban chiều vắng vắng bên tai là ba, húp cháo nóng đồ mờ hơi, nằm xuống ván gỗ, ca đủ nghe bài « *Văn Thiên Trường* », tích « *Bá-Lý-Hề* » « *Từ chàng đi... thiếp chề cảnh cửa hất gà...* » bụng sục sục sôi, định làm một mẻ, nhưng con buồn ngủ đến hồi nào không hay, chỉ nhớ may may câu chót bài ca : ... « *Quảng ly, bước thẳng rắm tay, khóc với người tình chung* » còn bao nhiêu : thua độ, vợ phụ, đều theo cháo cối... quên đi mất hết. Tuy vậy, ba đời chủ gà đã man đến thế, vẫn cất đầu lên không nổi. Ai đời con vật trung thành, khi nó thăng độ làm giàu cho mình, sao không nhớ ơn? Chẳng may sa cơ thất thế nó gặp con khác cao tài hơn nó, tại mình cấp độ đỡ kém, một phần lỗi lớn sao không tự trách mình, lại trút tội hết vào con gà? Thua độ thì rán chịu, đi quết nó sao đành? Tôi xưa chủ « *ăn ké* », húp ba miếng cháo để nghe sự tích này mà nay cũng bị làn dân lây.

Trở lại lựa gà, gà tơ lựa thật kỹ, xem toàn thể cho cân xứng, gọi « *con gà đồng thân đồng thủ* », và hình dáng cho xinh (gà đẹp, ra trường, lẫm lẫm oai phượng, đủ làm gà địch kiếp via), đầu mặt lựa cho thật dữ (1), cần cổ liền lạc, xương không gãy lúc nhỏ, phao câu nở nang (gà mạnh mẽ và giỏi chịu đựng), lông cánh rậm ri tỏ ra tài bay đá dễ dàng, lông đuôi dài và nhiều (phụng vĩ đẹp), để khi đá,

(1) Có khi gà mặt hiền lành lại dễ ăn độ vì chủ gà khác khinh thường. Ấy là gà ần tướng. Thường tài ba lộ ra ngoài mặt có hại chớ không lợi mấy, vì người ta đã đề phòng trước.

nếu té sẽ nhờ đó đỡ lên, chân cẳng thật liền, từ khớp xương, ngón, móng không chút tật nguyên : con gà làm vậy, đầu thua cũng mát bụng.

Gà lựa xong, day qua đoạn *hót tích hót tai*. Tích là hai miếng da lòng thông hai bên tai khi đỏ khi trắng dợt, với hai tai gà là bốn miếng da phải sớm thì bỏ, không thì sau này chỉ để cho gà địch nắm cắn nơi đó, đánh thêm đau. Muốn hót nó cũng dung dị lắm. Thường chỉ lấy kẹp tre kẹp sát da cho tích tai lòi ra ngoài, kẹp rồi dùng dao cạo bên rọc sát thân kẹp, cắt đứt da rồi thì lấy dầu dừa có trộn lọ nghe chảo mà thoa cho kỹ, thoa như vậy giấy lát thì máu thôi chảy, mỗi ngày mỗi thoa, vài ngày khô mặt, ít bữa lành tron, con gà hết đau cuống họng, gáy như cũ. Khi nào gặp gà lai nhiều đời có cái mồng lớn bằng xoè ra như chiếc quạt, ấy là mồng gà Tàu, thì cũng xén bớt mấy cái chia đó đi, o bế sửa lại thành mồng dài và gọn đặt tên là « *mồng lưỡi búa* ». Con khác mồng như hoa sung, có con mồng tẹt như mồng chim trích, mà vì dốt nên gọi « *gà mồng tích* » cho đến nay còn dùng. Sau khi cắt hót, gà được thả ra sân cho mau sung sức rồi chủ lại bắt nhốt riêng mỗi con mỗi chuồng, cho ăn cho uống phủ phê, lúa thì đãi sảo sạch trấu, nước lựa nước mưa lông thật trong. Khi nào gà lành mạnh, da tron tru, thấm đỏ không còn tý tích, khi ấy sẽ lựa một ngày ráo trời bắt ra xổ thử, cốt để xem xét từ nét đá, nét chịu đòn, — con gà khi đá có miếng nghề gì và đá cang về khuya có cử chỉ làm sao, — nghiên cứu từng ly từng tý để ngày sau ra trường, nghiệm theo sức nó mà lựa gà chịu độ ; một khi biết trước sở trường sở đoản của gà mình và của gà địch, « *biết mình biết ta* » làm vậy thì mười phần kẻ ăn hết tám chín, như tiền sần trong túi, trừ phi gặp chủ gà kia là tay tổ, cao tài cao tay ấu hơn thì ấy là bà cậu không độ mạng rồi!

Gà nào thật vừa ý sẽ nuôi thục và chia ra làm ba hạng : *chạn nhứt* là gà cỡ thật lớn con, thường sấm dề đá với gà người Thổ ; *chạn nhì* là gà bực trung, dễ cấp độ lắm vì ai cũng thích nuôi, còn *chạn ba* là *gà bay*, *gà chìm*, vì mền tài mà nuôi chớ ít khi gặp độ vì gà nhỏ con, không nhiều người đồng ý ham nuôi như mình.

Kỳ này con nào kém quá sẽ bị loại ra luôn.

Nếu chơi gà đòn, thì cứ thả vô chuồng nuôi thục, rồi xô duợt (duyet) làm vài ba kỳ, một đôi tháng là có thể đem ra trường đá xối độ đầu với hạng gà mơ (chưa ăn độ) như nó.

Nếu chơi gà cựa, thì lựa lần đầu như vậy chưa đủ, vì lúc đó gà chưa đúng sức lắm, cựa chưa dài, chưa biết « vóng » « ngon » ra sao. Chờ khi gà đúng tuổi, độ mười lăm, mười sáu tháng trở lên, cựa khá dài và đã nhọn, cựa đâm chém có « máu mủ », khi ấy mới dám chắc gà cựa tốt hay xấu, gà thuộc « thứ dữ » hay hạng « vừa vừa dễ xài ».

**

LỰA LẦN THỨ NHÌ. — Kỳ thứ hai này lựa kỹ hơn và sẽ chia làm hai cấp :

a) *cấp nhứt*. — Lựa về toàn thể con gà :

Thầy gà bông gà trên tay, tìm hiểu nặng nhẹ ra sao. *Nặng* vì to xương chắc thịt thì tốt. *Nặng* vì mập béo, thịt bệu da bủng, thì ắt không khá rồi. *Nhẹ* cũng có đôi ba đường nhẹ : *nhẹ lỏng*, gân cốt liên lạc không chút thịt dư, ấy là nhẹ tốt, gà đó tương lai nhiều ; *nhẹ* vì gà thịt nhão, xương cốt chưa đúng sức nở nang, con gà bông lên tay, ọp ẹp đường chiếc máy thợ ráp siết ốc chưa chặt, chưa khít, gà ấy còn rời rạc và thừa lông : nhẹ như thế là gà nên loại luôn đừng tiếc vì nuôi nó đem ra trường, thua uổng tiền và đừng trách tôi không nói trước !

Lúc bông gà trên tay (danh từ chuyên môn gọi « vô tay ») sẽ biết con gà *sâu đạo* (tiếng lóng gọi « *gà lườn tàu* ») hay *không sâu đạo*. Gà nào lườn sâu như *lườn tàu*, ấy là gà quý tướng, tốt. Gà nào lườn cạn, (tục chê gà lườn như *lườn tam bản*) ấy là gà xấu, vô dụng.

Đồng một lúc cũng nghiệm xem cho biết cái *xương lườn* (tiếng lóng gọi « *mỏ ác* ») ngay hay cong và xem luôn « *xương ghim* » (ở dưới đi) khít khao hay hở hang. Theo sách tướng gà mà các sư kê truyền khẩu cho nhau hoặc giấu nhau như giấu nhựa thần thì : « *gà vạy lườn* » (lườn cong, vạy) và « *gà hở ghim* » là hai hạng gà *đồ bỏ*, không xài được.

Coi lườn, khám xương ghim xong rồi, dạy qua xét về lông và cánh. Sư kê ôm gà vào lòng, cho đầu gà trở vô kẹp nách, rồi lấy tay sẽ cánh nó, bóp nắm mẩn rờ kỹ càng.

Gà lúc nhỏ đã bị gãy xương cánh xương vai, nay tuy lành mạnh, nhưng gà ấy không nên dùng, e ra trường, bị đánh đá xương gãy trở lại. Gà nào mạnh mẽ và có hạng thì cặp cánh, lông thật dày, không một sợi giáp gãy, bộ xương vai liền lạc. Con gà ấy ít khi chịu ai sẽ cánh nó xem chơi, nếu ta cố sẽ cho được thì nó nhảy nhót và tự kéo cánh lên cao để xếp lông lại, không khác một võ sĩ hữu danh không khứng cho ai kéo cánh tay xem hấp thịt. Khi chớp cánh, võ sĩ ra cho kẻ thù đo ván ; con gà khi bay lên là thích cựa vào con gà đối địch không sai. Những gà nào lông thưa thớt, giáp gãy, là gà thiếu nuôi hoặc nuôi không kỹ lưỡng, hậu quả là nay dùng ép thì có ngày thua độ vậy.

Thăm khắp chỗ rồi, thầy gà thăm dò *phao câu* và cái *binh đầu*, tức hai cục hạch nằm trên phao câu, (có khi cũng gọi *quả hoi*). Lão sư kê mẩu mỏ không sờ chỗ nào. Có ý xem gà nào sung sức, mượt lông mượt cánh, là nhờ

nó lấy mỡ khều quả hoi bình dầu cho chảy chất nước nhờn ra, rồi lấy đầu chày mạnh cho dính nhiều chất ấy, đoạn lấy đầu đó thoa xức lông cổ, lông cánh, lông mào, thoa rồi thêm lấy mỡ nhân kỹ từ sợi lông kéo từ gốc dài ra ngọn cho chết hết mấy con mạt, vừa vuốt mấy sợi lông đuôi, không khác các cụ già vuốt chòm râu hãnh diện, hơn nữa, không khác các cô gái vườn sáng sớm lấy lược gỡ đầu, chải tử mỹ từ lọn tóc phết gót, không quên bôi chút ít dầu dừa mới thẳng để tóc mây thêm mượt.

Bao giờ mưa thuận gió hòa.

Trơn lông mượt cánh, lại ra phụng hoàng. (ca dao)

Phao câu và bình dầu càng to lớn chừng nào càng tốt: đó là những triệu chứng hay. Con gà nở hậu tốt đuôi, là gà có thừa sức khỏe. Lông đuôi mọc rậm và dài, sẽ giúp con gà có một thế thủ chắc chắn; khi đá, nhưt là lúc xạ, nấp, gà quất đuôi xuống đất lấy trớn, còn vào lúc suy sút, nhờ chium đuôi làm cây chổi kin đỡ khỏi té, và nếu té dễ bề chổi dấy.

Nói đến đây lại nhớ con gà cúp, tức là gà không phao câu cũng không có lông đuôi. Trời sanh « *hữu tất hữu tài* ». Con gà cúp có miếng nghề riêng, khi đá luôn luôn thủ thế trước và không bao giờ để cho té. Trời ơi, nếu gà cúp té thì là té rúi ro, chớ anh đó, cần thận và đi đòn kỹ còn hơn mấy anh cụt tay đánh vợ nữa kia. Ô đời đừng khi « cụt » mà lâm : cụt nắm được đầu, không buông tha và con cái « khu lẳng » trơn, nó nện chơi chơi mà đau điếng !

b) *Lựa cúp nhì*. Gà lựa thật kỹ, đầu đó vừa bung hết rồi, thì thả ra sân, chớ xem tướng, cách đi cách đứng.

Cứ để tự nhiên lấy nó, thì gà mỗi con có một bộ đi bộ đứng phân biệt :

— Không kể lúc nhỏ, chưa sung sức, gà trống non khi gần trở mã, thường có bộ tịch kệnh càng như trai tơ vừa

dày mây : cả khêu, cả tong. Đến khi nhỏ giò ra tướng : trai ra trai Đông-sàng « *thành non chỉ mỹ* », thì gà cũng « *gà ra mã* » phụng vĩ xuê xang; rặc giống « Bắc-Ninh, Cao-Lãnh » !

Luận về gà, khi ra mã, gà non phải có :

- khi đứng, cần cổ cất cao và thẳng như chỉ thợ hồ ;
- bộ mặt sát khí, xem dữ tợn, có oai ;
- thân mình thì đứng làm hai cách :

a) *đứng đòn cân* : mình gà ngang như cân cân lúc thăng bằng ;

b) *đứng giọt mưa* : vai cất cao, ngực trôn, đuôi xuôi xuống, có thể giọt mưa trơn trượt, chảy không ướt lông.

Nội cách đứng và bộ đi đủ cho thấy gà giàu kinh nghiệm, tiên đoán con gà sẽ hay giỏi về miếng nghề nào, hoặc đó chỉ là con gà vô nghệ thuật, hoặc cũng có nghề nhưng chỉ « lục lục thường tài ».

Những gà có nghề là :

a) *gà đi đường trên*, gọi tắt « *gà đi trên* », biết đánh đòn ngọc, tức gà ấy khi đá đòn, chỉ nhắm vào bộ trên con gà địch mà đá : đòn hay cựa ngay mỏ, đầu, cổ, ngực, lưng, v. v...

b) rất khác với gà đi trên là *gà chạy dưới*. Gà chạy dưới chuyên *đánh đòn trong* (đánh trong) và chỉ thích chun lòn phía dạ dưới gà địch, đôi ngược cho té rồi xạ mạnh, hoặc thừa thế nắm đùi, ngực, bụng, đit gà kia mà đâm đá...

Gà nào *đứng và đi đòn cân* là gà chạy dưới, như tướng Dư Hồng, Dư Triệu, kếp « *Thầy Rùa* » trong tuồng hát bội, thích lườn lọt dưới dạ dưới đi, bộ tướng lúm khum chỉ dùng « *ám khí* » cắn nách non, nắm đùi non, khi vĩa khi rút, đòn non hay chạy dưới, đòn nào đòn nấy đau thấu mây

xanh, và ưa đâm rỗng chỗ nhược : nách non, kẹt đùi, phổi, ngực lên tới hầu diều. Một khi gà đánh phép lòn phèo dưới bụng độ với gà thiện nghệ đi trên, thì hai con đều trở lại nghệ, người không phải trong diện xem cũng sướng mắt. Nhưng khi hai gà đối địch đều dùng một phép, queu thối chạy dưới, thì nhứt là vào nước khuya, hai con thấm mệt, đua nhau con nào cũng đành chun dưới bụng con nọ, không ai nhượng bộ và ai cũng cùng đi nước lòn, nếu hai «*Thầy Bàn*» gặp nhau như thế, thì độ gà sẽ biến ra một trò bí hài kịch, khi té đũa cục, khi chùm nhum nư kéo, con nào con nấy mất đồ gay, miệng thờ mang phùng, không khác hai «*thù tây*» đánh xôi thịt, hay hai mụ gánh nước cướp đoạt phong-tên!

Nếu gà *đứng đôn cân* là gà chạy dưới thì gà *đứng giọt mưa* là gà đánh đường trên : gà này đầu cất cao, mặt sáng sủa, thiện nghệ lựa đầu, cần cổ, mà đánh đá; và phần nhiều gà đi đường trên đều là *gà hay*.

Đến đây xin mở một đầu ngoặc : Đoạn trước, tôi đã nói về *vía tối, vía sáng*, tưởng nên nói luôn các đôn lợi hại khác của gà nòi :

— *Gà đá lóng* là con gà sở trường dùng mỏ nắm chặt một chỗ nào của gà địch rồi ghì chặt chỗ ấy làm thế vững, đoạn ra hết sức bình sanh : cánh bay, chân đá, cựa đâm, vừa bay vừa đá vừa đâm như vậy, miếng ấy gọi *đá lóng* ;

— «*Quảng*» hay là «*xạ rơi*» : không cần gà nọ, chỉ cánh bay lên, chân «*xạ*» tới, vừa chân vừa cựa «*phóng*» hết, «*xạ*» hết vào mình gà địch, không khác trận «*vũ bão*» của võ sĩ thiện nghệ «*ban cho*» kẻ đối phương.

— *Hồi-mã-thương* : Hồi-mã-thương là miếng võ sở trường của dòng họ La (trong truyện Thuyết-Đường, có tiếng nhứt là La Nghệ, La Thành, La Thông,...) ra trận không ai địch nổi. Đây dùng để tả miếng đôn độc của con

gà nòi có nghề. Hai gà xạ nạp, chèo kéo nhau đã dờn, rồi đến trượt một con rút đầu ra, giả thua, bỏ chạy một vòng, gạt cho con gà kia trượt theo, rồi thừa cơ con kia vô ý, bèn ngừng chơn day đầu lại, *vừa day vừa lấy thế đá thật mạnh* vào bản cổ, vào đầu, mắt, gà kia nếu chịu không nổi thì thua ngay, bằng rún gương, thì con gà thế lại dở miếng cũ làm nữa, cũng chạy nữa, dụ địch nữa, cốt ý con *gà « đi miếng, đi thế »* như vậy là dùng dịp vừa nghỉ mệt, vừa ra miếng độc hạ thủ con kia, có khi nó đá nhồi đến ba lần, gọi «*hồi mã tam thương*», con gà địch đầu chịu nổi cũng giảm sức hoặc nao núng mà thua ngược lại.

— *Bá sở, đá mé*, hoặc «*sỏ mé*» là nắm, cần mé (mép, môi), hay sỏ (mông) mà đá. Đòn này đau rất vô cùng ; phần nhiều gà đi đường trên đều biết dùng thế này để làm suy giảm sức lực địch thủ.

— *Đà vai* là gà nắm, cần vai gà địch mà đá. (Ngày nay, trong tiếng Việt đã biết dùng động từ, nên thường nghe trong trường gà những câu gọn gàng «*Vai nó đi con, ừ, vai nó nữa đi con*», thay vì cần vai và đá v.v...)

— *Đá lóng yếm* là chun vào da dưới gà kia, bọ lòng ngực mà đá tốc lên (tiếng lóng gọi đòn này là «*đá bùng tó*», lợi hại như ta tốc mùng tốc chiếu thì bao nhiêu vật trong mùng chiếu đều theo tay mà ngã đổ ; hoặc hơn nữa, như ta bùng tó có đụng vật gì (nước, đậu, bắp,...) mà trút xuống thì giống gì cũng đổ không còn).

* * *

CÁCH ĐI CỦA GÀ.— Trở lại cách đi, gà bước tới trước, mỗi con có cách khác nhau : con bước dài, con bước ngắn, con chân sát mặt đất, con thì co chân thật cao rồi tùm ngón bở tới và trước khi chấm đất mới xòe ngón ra :

đó là con gà qui trông, đứng như câu «bốc muối quăng ra» hay «chấm muối bỏ ra».

Có con đi tới mà đầu cứng đờ không cựa cựa, còn có con lại trái hẳn : khi đi thì đầu mặt lắc lắc, tựa hồ muốn rảy cho rớt rơi giống gì dính trên mặt trên đầu mà mình ngó hoài nhưng không thấy. Con khác, khi nhót nó trong lồng, rõ ràng chiếc lồng rộng rãi cao hơn nó nhiều nhưng gà vẫn né tránh, y như sợ có vật gì sắp đụng vào thân thể mà gà không muốn. Những gà ấy đều có « ớn tướng », đó là thần kê, gà qui lắm.

Câu thành ngữ sau đây, rất được lưu truyền, trong giới điệu nghệ, ai ai cũng thuộc nằm lòng, nhưng vì là truyền khẩu, nên mỗi nơi mỗi khác đôi chút :

Trong « Ánh Đèn Dầu » thấy viết :

*Thứ nhất bốc cát ném ra,
Thứ nhì lắc mặt, thứ ba né mình.*

(Lê Huy Oanh, Ánh Đèn Dầu, năm 1961)

Ở trong Nam chúng tôi, câu ấy lại viết :

*Thứ nhất bốc muối bỏ ra,
Thứ nhì lắc mặt, thứ ba né lồng.*

(Câu trong Nam tả sát đề lắm, kinh nghiệm từng thấy trẻ con bốc muối, chấm muối cách nào. Né lồng thêm nhiều nghĩa và rõ rệt hơn né mình). Nhưng câu này lại càng mạnh thêm lên bội phần nhờ câu dưới đây bổ trợ :

*Nhất thì chấm muối quăng ra,
Nhì thì lắc mặt, thứ ba né lồng.*

(Tác giả câu này kinh nghiệm thấy «chấm muối quăng ra» là khi bước chân tới, con gà giùm chồm mấy ngón y như ta nắm trong tay vật gì (trái ớt hay nắm xôi vò) mà chấm nó vào đĩa muối, đĩa vừng. Còn quăng ra là phóng chân tới trước một cách mạnh dạn, hùng dũng.)

Câu «né lồng», có chỗ cắt nghĩa y như tôi đã nói, là

gà sợ đụng lồng đụng cánh vào lồng tre nên né tránh... ;
Chỗ khác, người khác lại nói cách khác như vậy :

— « Né lồng » là gà nhót trong giỏ bội, trong lồng ép, khi thấy con lạ đứng ngoài, bắt loạn mái hay trống, thì nó rún hai chân, xoè hai cánh, (làm như Thầy Rùa đang múa trên sân khấu), rồi nó kè kè lồng cánh bằng chân, tiếng nghe rẹt rẹt, hoặc sang bộ, dỗi lại đi vòng tròn trong lồng, như né tránh vật gì, miệng thì không ngớt hoặc « gù mái », hoặc « kêu túc túc » như khêu chiến địch thủ, oai phong lắm lắm. Nhưng nói gì thì nói, theo ý tôi, tôi hiểu :

— « né lồng » là như đã nói đoạn trên,

— còn nếu nói như đoạn dưới thì không phải « né lồng » nữa, đó là con gà trống « sùy » hay « xùy » như chim ròi !

Cũng trong « Ánh Đèn Dầu », ông Lê Huy Oanh nhắc câu :

*Đầu công, mình cốc, mắt hạt trai,
Đùi dài, khoản ngắn, chẳng sợ ai.*

Câu này cũng mỗi chỗ mỗi khác. Tôi thì nghe làm vậy :

*« Cồ công, mình cốc, cánh vô trai, cựa thái lái,
« chân ba hàng vầy : đánh bầy ngày, chết chẳng
« chịu thua ».*

Nhưng nếu hỏi tác giả là ai ? Tôi xin thưa :

— « Không biết », duy biết ngoài Bắc gọi « công cốc » thì trong Nam lại gọi là « con cồng cốc » !

Đó là những câu nhứt tụng, những hạng mè gà, mới học chơi, (tuy mới chớ cũng từng thua đến vợ bỏ cơm không cho ăn), những hạng ấy theo hỏi và năn nỉ ráo nước miếng, bọn sư kê mới truyền nghề cho nghe một ít. Phải là hạng nặng, hư hỏng từ nhỏ, đang điếm phong lưu nếm đủ, về già, gần chết, mới kể ra được một vài. Ôi !

Không có nghề nào là xấu là chẳng nên tìm biết. Tại sao nước người, sách tham khảo đầy đây hiệu buồn, sợ không tiền mua sắm? Còn tại sao nước mình, muốn học thì không sách chỉ dẫn, đợi phải giảng hồ lạc phách, mới nghe lóm học lóm đôi chút? Nguy cho nền học hỏi trong xứ vậy thay !!!

Về gà qui tướng, người ta còn truyền tụng những con có tướng đặc biệt như sau này nữa :

— *gà lười rửa* : gà này lười thụt xa trong họng, nên có người đặt tên « *nư lười con rửa* ». Đó là « *thần kê* », quý lắm. Gà với gà coi vậy, khi biết được, tự nhiên chạy khau không dám đá lộn với gà « *ần tướng* », không hiểu tại sao ?

— *gà cá sấu* : gà này tựa như không có lưỡi, vì lưỡi còn cụt ngắn hơn gà lười rửa nữa, mới xem họng gà tướng đó là một loại với họng cá sấu là giống không lưỡi. Gà cá sấu, miệng hơi thúi lắm, nhưng chính vì ần tướng như thế, nên « *may độ* » lắm, thắng nhiều trận một cách bất ngờ, nên tay chơi gà, khi biết thì ít dám chịu độ với gà cá sấu vậy.

— *gà đá nước ròng* : gà này không có tướng gì quái, nhưng có tài lạ, là càng trở nên hay giỏi khi gặp giờ nước ròng. Người không tin dị đoan sẽ bêu môi chê lời nói dơ, nhưng cho tôi hỏi người ấy có cắt nghĩa được tại sao các người có bệnh suyễn, kéo dờm càng nhiều trong tuần trăng tròn, các trẻ con mắc bệnh « *đẹn trắng* », lưỡi khuyết thêm tùy con trăng tròn khuyết, và hoa trái trong vườn, gặp nhưt thực, nguyệt thực đều chịu ảnh hưởng ít nhiều? Chủ gà này phải biết ý gà mình, phải cân con nước lựa giờ cho đá, nếu lựa được đá giầy lát là đúng giờ nước ròng thì chắc ăn ngay, dẫu gặp gà nào tài ba hơn nó cách mấy, nếu gà ấy không « *hạ* » nó trước giờ nước ròng, thì lạ thay, khi nước dưới sông

bắt đầu giụt, thì gà này lại bắt đầu ra miếng trở tài, thắng thế lại như chơi. Trong Nam, năm trước miệt Sóc-Trăng có người có một con gà như vậy. Những người chưa biết mặt nó đều khinh khi nó là con gà « *biệt hạng* », xúm nhau giành đá chống lại nó, đến khi chịu độ, thả gà ra trường, nó ụp vài đòn, trở tài ra, mới hay Tổ trác, để cho mình mắc mớp Thần-kê !

— *gà tử mị* (mị là ngủ) : gà này khi ngủ, nằm xoè cánh, sải chun ra như hình gà chết. Nó thật là *linh kê*, ăn may độ luôn luôn; nhiều độ tướng nó đã di đời, chủ héo ruột chớ chung tiền, nào ngờ rốt cuộc nó làm cho gà kia suy lại, hai bên hòa thủ hay nó thắng độ mới lạ kỳ cho !! Gọi linh kê là phải. Chính là « *tử mị* », có người gọi « *gà tử nguy* », theo tôi không đúng vậy.

— *gà voi* : gà này có hai sợi lông phao câu, cứng tròn như lông voi, bình thường ít ai thấy, và như vậy mới đúng là « *có ần tướng* » : thường may độ lắm.

— *gà song sanh* : hai con trong một trứng chun ra, nếu đó là trống, thì là quý kê, chủ trọng dụng vô cùng.

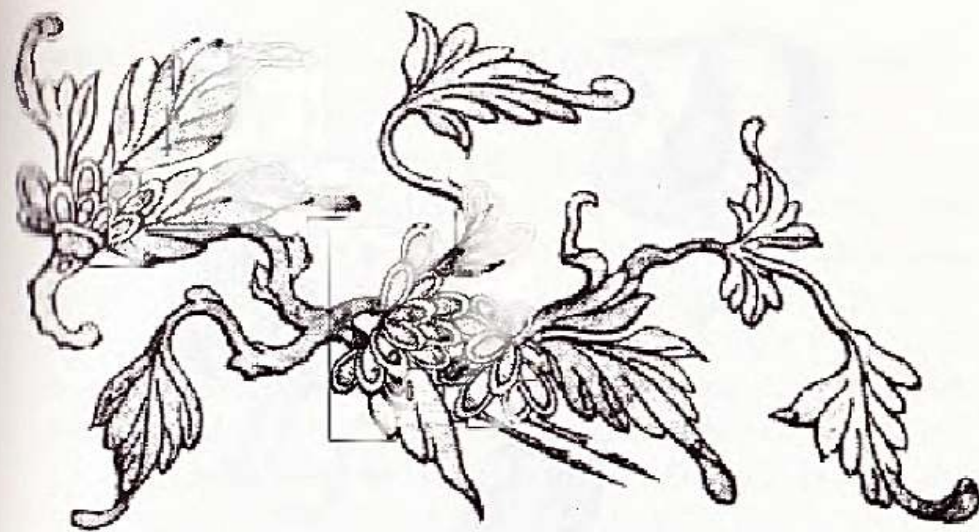
— *gà ma* : năm xưa, trên Cao-Lãnh, có một con gà ô dị kỳ tướng, chủ đặt tên là « *con gà Ô Ma* », vừa có nghĩa là gà sắc ô, vừa chơi chữ, mượn tiếng Tây « *Aux Mares* » là đồn linh tập Lang-sa mà đặt tên cho gà. Gà này đem vào trường cấp độ, khi để gần con nào nó biết sức nó đá không lại con ấy thì nó la « *rót rót* » liền miệng, eo đầu rút cổ và nhảy dựng trên tay chủ, muốn bay ra khỏi trường. Ấy là nó báo tin trước : « *Tôi đá không lại con đó, xin chủ đừng chịu độ !!!* » Chủ nó biết làm vậy thì cũng không ép nó làm gì ! Nhược bằng khi cấp độ, nó đứng yên cho chủ so chân so cựa, thì y như nó nhả thăm : « *Chịu độ đi! Đờ lát nữa tôi chém con gà này ngã nội trong nước nhưt cho chủ nó biết tài tôi !!!* » Mà thiệt! chủ cứ yên tâm, mặc dầu gà kia sức lớn vóc to hơn nó, miễn nó chịu đá là chắc ăn trong

tay. Ra trường, nó vỗ cánh, túc con, hùng hùng củ củ, uy phong lẫm liệt khá: hơn ban này một mười một, gà kia khiếp vía ngay, và khi nhập độ, trong vài ba miếng xạ đầu, nó đã «thối miên» gà nọ không ra tài cùng nó được chút nào, và chỉ đứng đó chờ giờ nó dứt một mũi cựa là xong, gà kia gặp nó như gặp điều hân, rần hồ chờ không vica. Về sau «*Ô Ma*» ế độ, nội vùng không ai dám đem gà đến cạp với nó, chủ mang xuống Long-xuyên, Cần-thơ cũng không gặp độ nào. Lối đầu năm 1931, lúc tôi còn làm phát-ngân-viên tại tòa bố Sa-đéc, có việc lên Cao-lãnh phát tiền cho thợ thầy trên ấy, thì gặp ông Chủ quận T. V. M. đang xử vụ kiện trộm con gà *Ô Ma* này. Chủ mắt gà bắt được tại trận gà mình trong chuồng một tay chơi gà khét tiếng đã gần sa l nghiệp vì thua *Ô Ma* mãi nên sai trộm, trộm về cho bõ ghét. Nào ngờ chuyện nhỏ xé ra to. Lúc đó, đang bắt đầu có nạn Cộng-sản lộng hành trong vùng, chủ mắt gà khép kẻ trộm vào án quốc sự, người bị tố cáo, ban đầu cương lý, sau xuống nước chịu đền con gà **MỘT TRĂM ĐỒNG BẠC LỚN** (bạc 1931 mỗi đồng đáng 100 đ. ngày nay) là quá sức tưởng tượng, người mất gà không khứng bả nại hai đảng giằng co nhau mãi, chủ quận không biết xử làm sao, day giam con *Ô Ma* chờ hậu cứu, ngờ đầu linh quận không tiền trả nước, đành để con linh-kê chết trong trại giam, bỏ xác bách chiến trong lao tù. Uổng vậy thay!

— *gà ngọc*: gà này khi gáy, nhứt là vào đêm, dường như thấy sáng sáng trong cuống họng, nên tục gọi gà có ngậm ngọc nên mới được vậy.

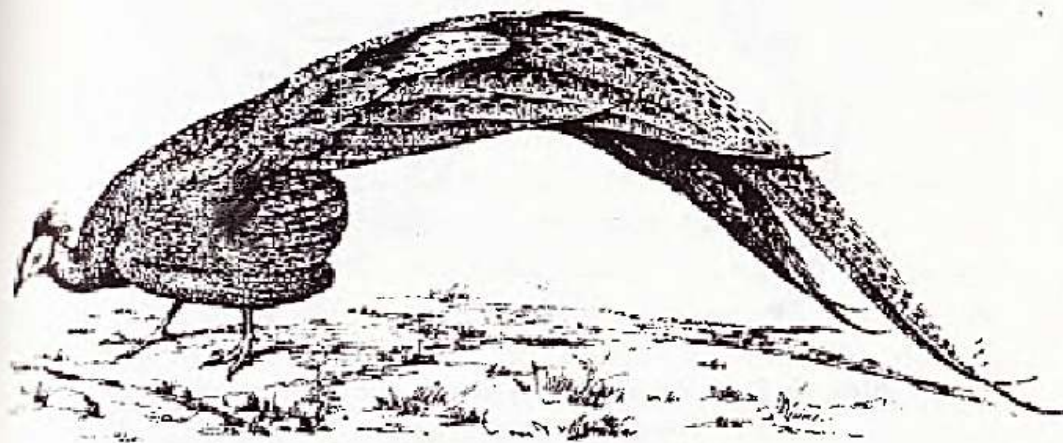
— *gà túc*: khi ai rờ đến mình nó, thì gà này kêu tiếng «*túc túc*» nghe rất giòn. Đó là gà quý tướng vậy.

— *gà Nhứt Nguyệt*: hai cựa một đen một trắng, hay là cựa trắng có vết đen. Tuy hay, nhưng tướng quá lộ ra ngoài, khó thắng độ, vì khi có người chịu đá là họ có



Hình số 3.— Một nhánh cây biên-hóa thành chim phụng (vẽ trên đĩa sứ Huế, hiệu đề «*Trần-Ngoạn*», thế-ký thứ XIX)

(*Hoàng xuân Lợi vẽ*).



Hình số 4.— Chim trĩ «*faisan Ocellé*» phỏng họa theo Tập-san Đô-thành Hiếu-cò, dưới ngòi bút của bạn tôi, ông *Hoàng xuân Lợi*, Viện Bảo-tàng Sài-gòn.



Hình số 2. — Vai kiêu chim phụng dưới mắt người Trung-Hoa, trích Tập-san « Đô-thành Hiếu cò » và nhới theo hình trên các cò-vật bằng đồng và đồ gốm đời Hán, Đường v.v... (Hoàng xuân Lợi vẽ).

« phép » trị rồi, đấu thắng cũng nhọc nhằn nhiều lắm.

Trong một độ, khi nửa chừng, tới nước bắt gà vô sấm, nếu gà mình « lúc con » thì làm gì khi vô đá lại, nó cũng hạ dết con gà kia dễ dàng (nó báo tin trước, không khác cậu sĩ tử trúng tủ, huyết sáo mừng lòng), nhọc hàng tiếng nó kêu bi thảm, là nó cũng báo tin sắp thất bại, biết trước làm vậy, nếu chủ khôn vong thì thà chịu thua vớt còn đỡ hơn, cãi nó, cứ để đá thêm thì càng thua đậm, ích gì? Con gà kêu, khi thì tỏ ra hùng lực còn thừa, khi thì báo tin khi suy lực tận, nghe tiếng gà, sư-kê biết lẽ thắng bại là thế, chờ cũng không thần thông quảng đại gì!

Tuy gà có nhiều tướng, khi lộ ra cho thấy như mặt lanh, cựa Nhứt Nguyệt, khi lại ẩn tàng, như lông voi, hai phao câu, v. v., rồi đồn lên mừng mình có linh kê, thần kê, đủ thứ, nhưng hãy khoan mừng vội. Trên đời, không có luật nào là bất di bất dịch, luật rồi cũng có ngoại lệ: nhiều gà không lắc mặt, không né lồng nhưng nhờ chủ tinh khôn cấp khéo, « lẩn hơn », « gác hơn » đang nọ hoặc vài phân lông, hoặc hơn chút cựa, khi vào độ, đấu gà kia qui tương thế nào rồi cuộc cũng chạy te với nó vì sức mạnh không bằng nó, đó là lẽ thường chớ nên quên. Cũng như chuyện xưa kể lại nghe chơi, trận đấu võ Carpentier đương đầu với Demsey thì tài nghệ Carpentier có thừa, nhưng sau rốt phải chịu thua Demsey vì người này to lớn và chịu đựng giỏi. Song lấy phần nhiều mà kể, thì con nào đúng một khoản trong các khoản kể trên thì đều là « hạng gà xài được ». Nếu có thua, sẽ đổ thừa mạng mình kém mạng lão kia, lão kia có thần tài giữ cửa, hoặc giả tuy gà mình đại tài nhưng đã hết thời, thua vì *vảy kỵ* (hay thua vì mình không biết kiêng cử, mắc phong long, cũng vì đàn bà). Nghề đá gà châu xưa là một nghệ thuật, — nghệ thuật đấu tri « *nhấn nại* », đấu tri « *nghe thấy* ». Ngày